

SỐ 11 NGÀY 15 - 6 - 1965

BACH KHOA

T H Ờ I - Đ Ạ I

năm thứ chín

VŨ BẢO giới thiệu số du học * NGUYỄN NHƯ đi đâu,
học gì ? * ĐOÀN THÊM những điều kiện tinh thần của
sự xuất ngoại du học * NGỌC VÂN đời sống sinh viên
du học tại Úc * QUA NHỮNG LÁ THƯ VỀ GIA ĐÌNH:
Đời sống sinh viên du học tại Hoa Kỳ, Pháp, Nhật
* **PHÒNG VẤN** Ô.Ô. LÊ XUÂN KHOA — NGUYỄN
ĐÌNH HÒA — HỒ HỮU TƯỜNG — NGUYỄN VĂN
TRUNG về vấn đề du học * BÙI HỮU SÙNG đi
tích Lạc Việt trong xã hội Việt Nam * NGUYỄN
HIỂN LÊ pháp trị * THANH TÂM TUYỀN cát lầy *
SINH HOẠT Thời sự văn nghệ * T. T. Thích Thiên
Ân tại Hoa Kỳ và Nhật Bản * Buổi tiếp tân của
trường Thanh Niên Phụng

Sự Xã Hội * Kỷ niệm
15 năm sáng lập đoàn
Thanh Minh — Thanh Nga

203

SỐ ĐẶC BIỆT DU HỌC



Thanh thoát

Fine
Dịu dàng

Racée
Tonique

NƯỚC HOA
NGÔI SAO

EAU
DE
COLOGNE
L'ÉTOILE



DESORMAIS FABRIQUÉE SOUS LICENCE AU VIETNAM PAR LA S^{IE} F^{ME} DES DISTILLERIES DE L. I. C. **DiC**

L'EAU DE COLOGNE "L'ÉTOILE"
EST SI BONNE QU'ELLE EST SOUVENT CONTREFAITE

Assurez-vous de l'authenticité de votre achat,
en vérifiant que la capsule inviolable
que comportent les bouteilles
d'origine sous leur bouchon à
vis est bien en place



NƯỚC HOA "NGÔI SAO"
RẤT TỐT, THƯỜNG BỊ LÀM GIÀ TẠO

Muốn tìm được thứ thiệt, khi
mua quý ngài nên đề dặt kiểm
soát lại nắp chì giữa gian
bọc ở miệng chai chính gốc
nằm phía trong nắp vặn
đỉnh ốc còn nguyên vẹn.

DiC

BÁCH KHOA

THỜI ĐẠI *trong số này*

Số 203 ngày 15 - 6 - 1965

VŨ BẢO <i>giới thiệu về số du học</i>	3
NGUYỄN NHƯ <i>đi đâu, học gì ?</i>	11
ĐOÀN THÊM <i>những điều kiện tinh thần của sự xuất ngoại du học</i>	19
NGỌC VÂN <i>đời sống sinh viên tại Úc</i>	24
<i>Đời sống sinh viên tại Hoa Kỳ, Pháp, Nhật : qua những lá thư về gia đình.</i>	31
LÊ XUÂN KHOA — NGUYỄN ĐÌNH HÒA — HỒ HỮU TƯỜNG — NGUYỄN VĂN TRUNG <i>quan niệm về vấn đề du học</i>	46
BÙI HỮU SÙNG <i>di tích Lạc Việt trong xã hội Việt Nam</i>	56
GIẢN CHI và NGUYỄN HIỂN LÊ <i>pháp trị</i>	64
THANH TÂM TUYỀN <i>cát lầy (truyện dài)</i>	68
SINH HOẠT	
TRÀNG THIÊN <i>thời sự văn nghệ</i>	72
NGUYỄN NGU Í <i>chuyến công du của T.T. Thích Thiện Ân tại hoa Kỳ và Nhật Bản,</i>	75
— id — <i>buổi tiếp tân của Trường Thanh Niên Phụng Sự Xã Hội.</i>	
— id — <i>kỷ niệm 15 năm sáng lập đoàn Thanh Minh—Thanh Nga</i>	82
THẾ NHÂN <i>15 ngày tin tức</i>	87

Vì lý do kỹ thuật số báo 203 (ngày 15-6-65) ra chậm 2 hôm. Mong quý vị độc giả thứ lỗi cho. Đa tạ.

BÁCH-KHOA

THỜI-ĐẠI *trong những số tới*

<i>Những nỗi khó khăn của các chánh quyền</i>	ĐOÀN THÊM
<i>Vài yếu tố mới trong nghề văn</i>	TRÀNG THIÊN
<i>Nỗi hoài nghi của Cézanne</i>	
(dịch Merleau-Ponty)	TRẦN HƯƠNG TỬ
<i>Nam Dương và Sukarno</i>	VŨ BẢO
<i>Vài quan niệm sai lầm về Sử</i>	NGUYỄN THẾ ANH
<i>Góp ý về bài « Đạo Phật trong lãnh vực văn học, nghệ thuật »</i>	VŨ HẠNH
<i>Thuật và Thế</i>	GIẢN CHI và NG. HIỂN LÊ
<i>Đọc cuốn « Hiệu-Chú Bích-Câu Kỳ-Ngộ » của Ô. Hoàng Xuân Hãn</i>	TẠ TRỌNG HIỆP
<i>Nhạc Jazz</i>	TRẦN VĂN KHÊ
<i>Sống và viết với Nguyễn-Hiến-Lê</i>	NGUYỄN NGU Í
<i>Một ngày của Ivan (Dịch A. Soljennitsyne)</i>	NGUYỄN MINH HOÀNG
<i>Đường về (truyện ngắn)</i>	Y UYÊN
<i>Tóc mai nghìn năm (truyện ngắn)</i>	TÚY HỒNG
<i>Luống đất nở hoa (truyện ngắn)</i>	VŨ HỒNG

Cùng các bạn đọc và đại lý của tạp chí

BÁCH KHOA THỜI ĐẠI

— Mọi sự thanh toán tiền nong xin gửi cho : Ô. Lê-Ngộ-Châu, 160 Phan Đình Phùng Saigon ; nếu ở xa, có thể trả bằng bưu-chi-phiếu gửi cho « Tạp chí Bách Khoa Thời Đại, Trương mục 27-46 Trung khu Saigon ».

— Vì sự lưu thông gián đoạn bằng đường bộ nên các báo chuyển ra miền Trung từ nay **phải hoàn toàn gửi bằng đường hàng không**. Vậy trân trọng yêu cầu các bạn đọc đã mua dài hạn và các bạn nhận báo biểu, gửi về tòa báo Bách Khoa thêm 20đ. tem, để Ty quản lý có thể gửi báo đều đặn bằng đường hàng không cho tới hết năm 1964, báo khỏi bị chậm trễ và thất lạc.

VŨ - BẢO

Giới thiệu số đặc biệt về DU HỌC

Trên mảnh đất này, hình như không có vấn đề nào giản dị. Một việc ích lợi hiển nhiên như việc gửi người đi du học cũng đặt ra không biết bao nhiêu vấn đề gai góc. Kẻ được đi tuy vui mừng mà vẫn rón rén, người ở lại dày vò với một tâm lý bị bác đoạt và mỗi năm đến kỳ nghỉ hè cha mẹ học sinh lại nín thở chờ đợi xem thẻ lệ du học có gì đổi khác.

Trong một hoàn cảnh phức tạp như vậy, tạp chí Bách Khoa Thời Đại ra một số đặc biệt về du học chắc chắn không phải là đề giải quyết những vấn đề được đặt ra, nhưng gọi vấn đề đôi khi cũng làm vơi bớt một phần nào những khắc khoải nói trên. Mà những vấn đề đặt ra thì rất nhiều.

Trước hết có người cho rằng gửi học sinh đi nước ngoài không lợi bằng mời giáo sư ngoại quốc tới, vì đỡ tốn kém hơn, mà lại huấn luyện được cho nhiều sinh viên hơn. Với số ngoại tệ cấp cho

50 sinh viên đi du học về một ngành nào người ta có thể trả lương cho 5, 10 giáo sư tới giảng dạy cho hàng trăm sinh viên về ngành đó.

Nhưng thực ra gửi người đi và mời thầy tới chỉ là hai khía cạnh bổ túc cho nhau của cùng một vấn đề đào tạo chuyên viên và cái nọ không thay thế cho cái kia. Có mời thầy tới cũng không miễn được việc gửi người đi vì ông giáo sư danh tiếng nhất của một trường Đại học ngoại quốc lớn nhất mà có tới đây cũng chỉ mang đến với sinh viên Việt Nam điều hiểu biết của ông ta mà không đem theo được cái khung cảnh đã làm cho cả ông và trường đại học kia nổi tiếng. Và người sinh viên không phải chỉ học ông thầy mà thôi họ còn học bạn, họ học ở trong trường, họ học ở ngoài trường, học trong sự tìm tòi ở thư viện hay ở phòng thí nghiệm, học trong cách làm việc và lối sống của người chung quanh. Tất cả những cái đó, ông thầy không

mang tới và muốn biết chỉ có cách đến tận nơi, mở to mắt, lắng hai tai và tiếp đón bằng một khối óc bén nhạy.

oOo

Có người không từ chối sự ích lợi của việc du học nhưng lại cho rằng gửi đi đã vậy, lúc về được bao nhiêu, tốn kém rất nhiều mới đào tạo được một chuyên viên, nếu người đó ở lại không về thì gửi đi làm chi cho uổng. Và trong bản thuyết trình ngày 27 tháng 3 vừa qua của Bộ Giáo Dục về vấn đề du học trước Hội đồng Quốc gia Giáo dục người ta đã gặp ý kiến đó dưới một hình thức còn bi đát hơn nữa. Theo thuyết trình viên thì nước cấp học bổng cho du học sinh Việt Nam đâu có phải là viện trợ kỹ thuật cho chúng ta, mà chính là đang được chúng ta viện trợ kỹ thuật cho vì những du học sinh đó sẽ trở thành những chuyên viên giúp nước kia chứ đâu có trở về !

Người ta chưa thể hài lòng về kết luận tổng quát vờ sơ sài như trên vì một cơ quan có những thống kê về du học đáng lý phải đưa ra thêm con số chính xác về những du học sinh gửi đi và những người đã ở lại mới có thể làm sáng tỏ vấn đề.

Sự thực ra trừ nước Pháp, các du học sinh có muốn ở lại cũng không có phải dễ dàng gì, và hết hạn lưu trú là các sở nhập cảnh đã mời họ sửa soạn hành trang. Và ngay ở Pháp, những thẻ lệ lưu trí cũng mỗi ngày một thêm chật chẽ.

Đứng về phương diện tâm lý chúng ta có lợi gì mà kết án hàng loạt những

con em của chúng ta trong một tình trạng mà có thể chúng ta đã có một phần trách nhiệm,

Người ta đã nghĩ tới nhiều biện pháp đề đối phó với tình trạng những kẻ đi không trở lại. Hoặc đơn giản như là cấm không cho đi Pháp, hoặc quyến rũ như là đặt ra những ngạch riêng để tuyển dụng cùng dành cho nhiều quyền lợi khi hồi hương. Trong khi đó có vài người nóng tính thì chủ trương rằng đối với những du học sinh đã "thiếu lý tưởng" như vậy, đã phải lấy lương cao bổng hậu mới chịu về thì tiếc thương làm gì cứ để cho đi thẳng.

Nhưng kinh nghiệm đã cho thấy là các biện pháp chế tài hay dựa trên các quyền lợi vật chất đã thực sự không giải quyết vấn đề.

Người ở lại nước ngoài chưa chắc đã sung sướng về vật chất, nhất định lại thiếu thốn về tinh thần, nhưng đã có những lý do khiến cho dùng dằng ngày về : hoặc là những liên hệ tình cảm hay gia đình, hoặc là một công trình nghiên cứu đang theo đuổi mà về bên nhà không có điều kiện tiếp tục, hoặc là tình hình trong nước chưa ổn định, hoặc là bức tranh thiếu sáng sủa mà báo chí bên ngoài thường vẽ về Việt Nam với những nét đậm mầu, Có khi thì chỉ là ý nghĩ về không biết ngày nào mới có dịp đi ra, tuy rằng nếu cho đi ra tự do thì chưa chắc đã động lòng bốn phương mà dời quê cũ.

Dẫu sao đối với những người du học thành tài mà còn ở lại nước ngoài, chúng ta phải tin rằng nếu có một xúc động nào

đó đủ cường độ thì tất cả những lý do trên đều không còn đủ sức giữ họ lại trên đất lạ vì trong mạch máu, trong tế bào của mỗi người vẫn còn day dứt đến mức đau đớn, mùi thơm của gạo nàng hương, khói ấm của tô phở nóng quện vào những tà áo uyển chuyển và những câu hò cao vút.

Tất cả là phải làm bất đúng cái lò so và trong khi chờ đợi không thể vì một số người chưa quyết định trở về mà tóm thâu tất cả những du học sinh trong một nhận xét nghiệt ngã hay hoại nghi cả lợi ích của việc gửi người đời.

oOo

Trong hoàn cảnh nước nhà, giữa một trận chiến tranh khốc liệt, vấn đề quân dịch lại càng làm cho việc gửi người du học thêm rắc rối. Khó mà tìm một cách nào giải thích ổn thỏa để cho người ở lại khỏi cảm thấy mình chịu thiệt thòi và người ra đi không chịu tiếng là trốn tránh nhiệm vụ.

Chúng ta bị đặt trước hai nhu cầu : một nhu cầu hiện tại, chiến đấu chống xâm lăng và một nhu cầu tương lai, đào tạo chuyên viên cần thiết cho sự phát triển của xứ sở. Từ đâu đến đâu là hiện tại, bắt đầu từ mức nào trở đi có thể gọi là tương lai. Chúng ta thật không có câu trả lời sẵn. Nhưng ít ra chúng ta cũng có một số nguyên tắc để giải quyết.

Nguyên tắc thứ nhất là chế giảm đến mức tối thiểu hy sinh của hiện tại, bảo đảm đến mức tối đa sức phát huy của tương lai. Bởi vì chúng ta không phải sẽ đánh giặc hàng trăm năm, nhưng hàng trăm năm chúng ta phải xây dựng xứ sở này.

Nguyên tắc thứ hai là những hy sinh của hiện tại phải được đền bù bằng những quyền lợi lâu dài trong tương lai. Có như vậy người chiến đấu ở nhà mới thấy mình chiến đấu cho công bằng người xuất ngoại du học càng nhận rõ là mình đã vay trước một số tiện nghi khi về phải trả lãi.

Lẽ tất nhiên sau khi đồng ý về các nguyên tắc đó chúng ta phải nghiên cứu xem sẽ áp dụng cụ thể ra sao trong việc đặt kết hoạch du học, chọn lựa ứng viên, ấn định điều kiện khác nhau cho những người đã và chưa thi hành quân dịch, đãi ngộ khác nhau sau khi du học trở về tùy theo có hay không những năm quân vụ vân vân...

oOo

Vì vấn đề phức tạp như vậy nên người ta đã nghĩ rằng tiện nhất là quy hết lỗi cho Hội Đồng Du Học, và ngay trong thành phần Hội Đồng Du Học người ta đã từng được chứng kiến cơ quan nọ đổ lỗi cho cơ quan kia hay khiếm tốn hơn nữa thì đăng thông cáo cho đồng bào thân mến biết rằng việc đó không phải tại mình.

Công bằng mà xét phải nhận rằng Hội Đồng Du Học ra đời năm 1956 đã chấm dứt được cái tình trạng hỗn độn trong việc cấp phát học bổng. Trước ngày đó, mạnh ai nấy xin, học bổng Pháp thì quan Tây thường dành cho mấy ông công chức gần về hưu đi chơi một chuyến đổi già, ngoài học bổng được chuyển cả lương với hối xuất 17 quan và nhiều khi chở cả bà và cô cậu cùng đi theo. Học bổng Hoa Kỳ thì do

mấy cơ quan từ thiện hay vài mục sư tùy ý liệu lý. Trên đất Việt-Nam độc lập mà các cơ quan ngoại quốc cấp phát học bổng không cần biết đến chính phủ Việt Nam. Ít ra Hội Đồng Du Học cũng đã dành lấy chủ quyền trong việc phân phối học bổng và từ đó tới nay đã quy định được một thủ tục tuy chưa phải là hoàn toàn hợp lý nhưng ít ra cũng còn hơn là không có thủ tục.

Trong quan niệm về nhiệm vụ của mình, Hội Đồng Du Học cũng đã nhìn đúng vấn đề khi chủ trương rằng việc du học không có hạn chế trong việc du học sinh, sinh viên ra ngoài nước mà còn nhằm đào tạo các chuyên viên mọi khu vực, mọi ngành cần thiết cho việc phát triển của xứ sở. Nghĩa là trên nguyên tắc một người thợ chuyên môn một kỹ nghệ gia, một ký giả muốn đi tu nghiệp là cũng được Hội Đồng Du Học khuyến khích.

Cũng vì đặt trên quan niệm đó, mà Tổng Nha Kế Hoạch đã được cử làm thư ký Hội Đồng vì Nha này trong việc hoạch định kế hoạch kinh tế đã có thể ước tính được nhu cầu và chuyên viên của mỗi ngành để thực hiện kế hoạch ngũ niên. Và cũng Nha này sẽ tiếp xúc với các tổ chức viện trợ kỹ thuật quốc tế, với các cơ quan chuyên môn Liên-hiệp-quốc, với tổ chức Kế hoạch Colombo v.v... để nhận và phân phối học bổng. Việc du học đã được đặt thành một sự đầu tư về chuyên viên, song song với việc đầu tư kinh tế và cùng một Nha hoạch định đường lối và chương trình.

Nhưng đó mới chỉ là nguyên tắc. Trong thực tế, Hội Đồng Du Học có

làm đầy đủ những nhiệm vụ của mình không ? Bản thuyết trình ngày 27 tháng 3 của Bộ Giáo Dục đã nhận xét như sau :

Chế độ học bổng ngoại viện là phản ảnh của một chế độ quan liêu, bè phái, đặt quyền lợi cá nhân và bè phái lên trên quyền lợi quốc gia. Ngoài ra về mặt pháp lý hành chánh, lại còn chậm trễ trong thủ tục và phân định phạm quyền không hợp lý. »

Nhận xét đó đúng hay sai chúng ta xin đề Hội Đồng Du Học trả lời. Nhưng chúng ta cũng tò mò đặt câu hỏi vì lẽ gì mà Bộ Giáo Dục, một hội viên cốt cán của Hội Đồng Du Học lại nhận xét một cách khẳng định như vậy về một Hội Đồng mà chính mình có chân ở trong ? (1)

Về phần chúng ta, những người có con em đã hay sắp du học, hay những người không có thân nhân xuất ngoại nhưng vẫn mừng thấy có người đi học hỏi ở nước ngoài, chúng ta chỉ mong mỗi ở Hội Đồng Du Học vài điều giản dị. Và khi chúng ta mong mỗi ở Hội Đồng Du Học là chúng ta mong mỗi ở Nha Kế Hoạch, ở Bộ Giáo Dục, Nội Vụ, Quốc Phòng, Ngoại Giao, viện Hội Đoái nghĩa là tất cả các nhân viên của Hội Đồng Du Học Chúng ta không đi sâu vào các ước lượng nhu cầu, tiêu chuẩn cấp phát, cách thức phân phối học bổng, tổ chức các kỳ thi.

Trong khi đó nhận xét về việc cấp phát học bổng quốc gia do chính bộ Giáo Dục phụ trách thì thuyết trình viên viết : Về học bổng quốc gia . «chế độ và điều hành hợp lý.»

Nhưng ở một trang khác của bản phúc trình người ta ghi nhận ngân khoản dành cho học bổng quốc gia từ 23 triệu năm 1956 đã lên tới gần 65 triệu năm 1963 và tụt xuống 57 triệu rưỡi năm 1964. Như vậy là hợp lý chăng ?

Chúng ta yêu cầu trước hết là Hội Đồng Du Học ấn định những thẻ lệ cho rõ ràng. Chặt chẽ cũng được, rộng rãi càng hay, nhưng đừng có nay thay đổi, mai thay đổi. Đừng có vì một vài nhân vật quan trọng trong chính phủ có đứa con 23 tuổi cần cho đi Pháp mà gia hạn tuổi xuất ngoại tới 23 và cho một lúc 6, 7 trăm du học sinh đi Pháp. Rồi cũng đừng vì trót cho đi nhiều, đâm ra điếc ngoại tệ, rồi đang cấp cho sinh viên theo hời xuất chính thức quay sang hời xuất tự do. Đừng bao giờ quên rằng các phụ huynh gửi con đi là phải trả liệu một chương trình dài hạn. Ngoài một số ít người dư dật còn thì đều phải tính xem khi thằng nhỏ đi thì có họ hàng giúp, năm nào lấy bát họ, năm nào bán mảnh đất, năm nào thằng lớn đã kiếm được tiền, năm nào đến lượt con em nó vào Đại Học. Những vị có trách nhiệm đặt thẻ lệ, nở lòng nào mà bằng vài giòng thông cáo, làm sáo trộn hết cả những xếp đặt cần cù của các cha mẹ học sinh?

Điều thứ hai là chúng ta mong Hội Đồng Du Học giảng cho chúng ta hiểu qua một chút cách tổ chức các nền Đại Học của các nước tiền tiến chế, độ Pháp khác chế độ Hoa Kỳ ra làm sao, Centrale, Polytechnique là cái gì, Harvard, Yale nổi tiếng ra sao, M.I.T, Cal-Tech là tên tắt của những trường nào, dạy cái chi? Đã đành rằng tại Nha Kế Hoạch có vài cuốn chỉ dẫn ai muốn tới coi thì tới, nhưng tại sao không mời chính ông thống đốc ngân hàng quốc gia Nguyễn xuân Oánh nói chuyện về Harvard, ông Hội trưởng Hội kỹ sư và kỹ thuật gia Đinh Quang Chiêu nói chuyện về Ecole Centrale v.v...

Những người đi trước không có một món nợ phải trả với các đàn em của họ hay sao? Không phải ai cũng sẽ theo học các trường đó, nhưng nghe nói chuyện về trường lớn cũng đủ muốn cố gắng học cao.

Điều thứ ba là chúng ta đề nghị Hội Đồng Du Học tổ chức cho các con em chúng ta qua các sứ quán Việt Nam một hội sở ấm cúng và nhiều màu sắc quê hương cho họ có nơi gặp gỡ hằng ngày một cách vừa thoải mái vừa bổ ích. Đừng có ngày Quốc Khánh thì mời đến cocktail nhưng quanh năm sinh viên nội trú chỉ được ra ngày chủ nhật có việc gì tới sứ quán thì cửa đóng im lìm. Tại sao ông tùy viên văn hóa giáo dục lại không có thể tiếp sinh viên hay sống trọn với sinh viên tại Hội sở trong buổi week end rồi nghỉ bù ngày thứ hai?

Điều thứ tư là chúng ta xin Hội đồng du học thông báo rộng rãi các tin tức về sinh viên du học; người này đậu vào trường, kẻ khác vừa đệ trình một luận án, cô này đính hôn, cậu kia được mời đi diễn thuyết. Tại sao lại không có thể ra một tờ nguyệt san lấy tên là « Tin Tức Du học sinh, » in ronéo cũng được, trong đó ngoài những tin nói trên, có thể có một phần khảo luận, và một phần thông cáo (số học bổng sẽ cấp phát, thẻ lệ, hạn nộp đơn v.v...) Nhờ cơ quan thông tin đó, Hội đồng du học sẽ có cả một sinh khí mới và sẽ như là một người bạn thân của sinh viên và gia đình sinh viên.

Mỗi m' t điểm nói ở trên đây đều có thể là đề tài cho một trao đổi ý kiến về vấn đề Du học.

Trong khuôn khổ số báo hôm nay, các đề tài đó chỉ được lướt qua trong bài giới thiệu dành cho các bài khác có ích lợi trực tiếp với các sinh viên hơn.

Trước hết bạn Nguyễn-Như sẽ trả lời hai câu hỏi chắc chắn đang được đặt ra cho các sinh viên : Đi đâu ? Học gì ? Trong bài này sau khi chứng minh là du học không phải là một xa xỉ phẩm bạn Nguyễn-Như đã xét qua những nước hiện nay có nhiều du học sinh Việt Nam, và những ngành hiện đang được khuyến khích để đi tới kết luận là du học sinh cần phải được hướng dẫn nhưng thất buộc không phải là hướng dẫn.

Rồi đến bạn Đoàn-Thêm cùng một chủ trương rộng rãi vì có «theo sở thích mới dễ đạt sở trường», nhưng đã nhấn mạnh hơn tới những «điều kiện tinh thần trong vấn đề du học, đến việc rèn luyện tính tình. Cũng theo bạn Đoàn Thêm du học sinh phải chau dồi «tình thương và chí lớn», hai sức mạnh đáng quý để cang đáng việc đời sau này. Các điều kiện mà chánh quyền đặt ra không quan trọng bằng các «điều kiện tính hạnh mà phụ huynh tiên liệu mới bảo đảm được kết quả cho con em.

Sau hai bài đó, số này đã dành một chỗ rộng rãi cho đời sống sinh viên Việt Nam tại các nước ngoài. 4 nước đã được chọn lựa thuộc về 4 châu khác nhau (riêng châu Phi không có vì chúng ta chưa gửi du học sinh tới đó).

tìm đọc

ĐẤT-SỐNG

nguyệt-san nghị luận văn học
của lớp người ý thức hiện đại

Về Úc châu, bạn Ngọc Vân sẽ kể lại đời sống sinh viên Việt Nam tại Úc đại Lợi là nơi mà bạn đã du học trong nhiều năm. Bài này như là một ký sự sẽ ghi rõ du học sinh ăn ở, học hành và giải trí ra sao. Theo bạn Ngọc Vân việc tổ chức đời sống đoàn-thể cho du học sinh tại các nước ngoài là một điều tối cần thiết đáng được bộ Ngoại giao lưu ý.

Về Mỹ-châu, Âu-châu và Á-châu các nước được chọn lựa là Hoa Kỳ, Pháp và Nhật Bản. Về các nước này, tòa soạn đã tiếp xúc với một số phụ huynh có con em du học tại 3 nước đó và đã được các vị này vui lòng cho mượn các tập thư do chính các sinh viên viết gửi về nhà. Không có gì cảm động hơn là được nhận từ tay những người cha hãnh diện hay những người mẹ già run rẩy nhưng đầy hi vọng, những tập thư được sắp xếp kỹ lưỡng trong những tấm bìa cứng, hay được gói ghém nắn niu trong những hộp «bích quy». Người phụ trách liên lạc đã rón rén mở từng thư, đọc từng trang, xem từng dòng, mỗi một lời như đượm một chút tình nhà, mỗi một chữ như tỏa một chút hương quê. Và tòa soạn đã trích lựa những đoạn xét ra có thể mang tới cho các anh em sinh viên những mẫu chuyện «sống» nhất về đời sống du học sinh Việt Nam tại nước ngoài.

Sau đó là những câu trả lời cuộc phỏng vấn của một số các vị trong chính giới hay giáo giới, các ông Lê Văn Khoa, Đồng Lý Văn Phòng Bộ Văn Hóa Giáo Dục, Nguyễn đình Hòa Giám Đốc Nha Văn Hóa, Hồ-Hữu-Tường, Phó Viện Trưởng Viện Đại-Học Vạn Hạnh và Nguyễn - Văn - Trung giáo sư trường Đại Học Văn Khoa Saigon...

Tất cả các vị này đã từng du học nay lại giữ những trách vụ then chốt trong việc đào luyện sinh viên chắc chắn sẽ góp với các phụ huynh và sinh viên những ý kiến thiết thực nhất về Du học.

Qua các bài trong số này, người ta thấy hiện ra một khuynh hướng thật rõ rệt. Tất cả mọi người đều như đồng ý về một điểm : quyền đi lại, quyền học hỏi trau dồi sự hiểu biết là những quyền căn bản của con người trong một nước dân chủ. Tình trạng chiến tranh, tình hình tài chánh và chánh trị của nước nhà buộc phải có một số hạn chế mà ai nấy vui vẻ chấp nhận. Nhưng không thể nào mãi mãi coi ngoại lệ như là một thông lệ. Thứ nhất là không thể nào chỉ sốt sắng với chuyện du học khi nào chính mình có con em đến tuổi xuất ngoại, chỉ chăm lo đến chuyện đầu tư vào công cuộc huấn luyện chuyên viên khi chính mình có những "cổ phần" trong đó. Vì nếu nghĩ như vậy mà chẳng may gặp một năm trong các vị phải ấn định thề-lệ hay chính sách du học, vị thì con còn nhỏ, vị thì con lớn đã đi rồi, vị còn độc thân chưa vợ, thì không biết cha mẹ học sinh phải chờ đợi cái thề lệ du học ấy đến bao giờ ?

VŨ BẢO

SÁCH BÁO MỚI

Bách khoa T. Đ. đã nhận được :

— **Độc hành**, truyện dài của Trần-châu-Hồ, do Hồng-Linh xuất-bản và tác-giả gửi tặng. Sách dày 244 trang, gồm truyện dài « Độc hành » và một truyện dịch « Nét sâu trong đá » nguyên-tác của Lâm-ngữ-Đường (The jade goddess). Giá 58đ.

— **Me**, truyện dài của Trần-Châu-Hồ, do Hồng-Linh xuất-bản và tác-giả gửi tặng. Sách dày 260 trang. Giá 60đ.

— **Đắc nhân tâm** bí quyết thành công của Dale Carnegie, Nguyễn-Hiến-Lê và P. Hiếu lược dịch quyền « *How to win friends and influence people* », do Nguyễn-Hiến-Lê xuất-bản và tác-giả gửi tặng. Sách dày 282 trang, in lần thứ mười. Giá 68đ.

— **Gương kiên nhẫn** của Nguyễn Hiến-Lê do tác-giả gửi tặng. Sách dày trên 240 trang gồm gương kiên-nhẫn của các danh-nhân : Helen Keller, A. Fleming, hai anh em Wright và Santos-Dumont, Nasser, Fabre, Champollion, F. Nightingale. Giá 40đ.

Trân trọng cảm ơn các tác-giả dịch giả trên đây và xin ân cần giới thiệu cùng bạn đọc Bách-Khoa.
T.Đ.

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

S. A. au capital de : 120.000.000 F. F.

Siège social : 16, Bd des Italiens-Paris 6^e

SAIGON

36, Rue Tôn-Thất-Đạm

Téléphone : 21.902 — 3 Lignes

135, Đại-lộ Nguyễn-Huệ

• (Immeuble TAX)

Téléphone : 22.797 — B.P. N° E-5

PHNOM-PENH

Moha ithei Preah Bat Norodom

(ex Doudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 48

B. P. 122

SUCCURSALE DE HONGKONG

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601

P. O. Box N° 763

La B.N.C.I. et ses filiales possèdent plus de 1.350 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F.A.F.F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Liban : (B. N. C. I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba-Bureau de Représentation (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kanne, Ebute Matta Batta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc).

• NGUYỄN - NHƯ

ĐI ĐÂU ? HỌC GÌ ?

Lúc này, mùa du học sắp tới, phụ huynh có ý định cho con em xuất ngoại đương pháp phòng chờ đợi Bộ Văn hóa giáo dục sẽ ban hành.

Trước khi đi vào vấn đề, tưởng cần đặt một câu hỏi tiên quyết : nước nhà có cần phải gửi sinh viên ra ngoại quốc du học hay không ? Một số trường đại học và cao học chuyên nghiệp hạn chế sự đầu nhận sinh viên, đôi khi mở những kỳ thi nhập học rất khó. Một số phân khoa đại học lại cho phép ghi tên vô hạn

định ; so sánh số người đậu kỳ thi lấy chúng chỉ cuối năm với số sinh viên ghi tên theo học, người ta không khỏi thắc mắc và tự hỏi rằng kết quả không mấy tốt đẹp ấy là do chỗ sinh viên không lựa chọn được ngành học đúng với khả năng hay do những thiếu sót của nhà trường. Sau hết, nhiều môn học chưa được giảng dạy tại nước nhà.

Như vậy trả lời câu hỏi tiên quyết trên đây, ta phải thành thực nói rằng việc gửi sinh viên ra ngoại quốc là cần

thiết, để đào tạo mau chóng những cán bộ hữu ích cho công cuộc phát triển xứ sở.

Trả lời như vậy chưa đủ. Ta cần phải đặt thêm câu hỏi : cho phép sinh viên du học có phương hại gì đến cố gắng chiến thắng Cộng sản không ? Việc du học ngày nay đã hạn chế vào bậc đại học và cao học chuyên nghiệp, các nam thanh niên có ý định du học nếu ở lại trong nước, có thể được huấn luyện thành sĩ quan hải, lục, không quân. Tuy nhiên, số người được phép du học trong những năm qua chỉ là một số nhỏ của những thanh niên thi đậu Tú tài I hay Tú tài II, là những người khả dĩ được thu nhận vào các trường đào tạo sĩ quan. Trên thực tế, trong các lớp tuổi từ 20 đến 33, Bộ Quốc phòng chỉ động viên từ một tuổi nào đó mà thôi. Mặt khác không thể nào sao lãng việc đào tạo ngay từ lúc này những cán bộ chuyên môn cần thiết cho sự phục hưng và phát triển quốc gia một khi hòa bình trở lại.

Nhưng nhận định sự cần ích của việc du học là một chuyện, cho phép xuất ngoại một cách bừa bãi như trong niên học 1964-1965 là một chuyện khác. Điều thứ hai này tưởng không cần chứng minh đối với những người quan tâm đến việc du học. Nó tạo ra những bi kịch cho một số gia đình. Nhứt là song song với việc cho phép xuất ngoại bừa bãi, chánh quyền lại buộc phụ huynh du học sinh chuyển tiền ăn học theo hối xuất tự do, bất luận giàu nghèo, học khá hay không, học môn cần ích hay không, khiến cho người ta rơi vào tất cả những việc người ta muốn và cần phải tránh !

Quan niệm cho đúng mức, việc du học không thể là một xa xỉ phẩm đối với những gia đình giàu có, việc du học không thể là một phương pháp trốn tránh nghĩa vụ công dân.

Việc du học có thể thu gọn trong hai câu hỏi : đi đâu ? học gì ?

Đi đâu ? Ta hãy xem thống kê sau đây của Hội đồng du học từ năm 1960 tới nay:

ĐÁO XỨ	1960			1961			1962			1963			1964			1960-1964		
	HB	TT	C	HB	TT	C	HB	TT	C	HB	TT	C	HB	TT	C	HB	TT	C
Pháp	52	42	9	39	43	18	53	194	247	58	48	306	41	616	657	243	1243	1486
Huê-Kỳ	91	9	100	6	22	85	73	15	8	43	25	68	19	38	57	289	109	398
Gia-Nã-Đại	14	2	16	17	3	20	31	3	4	36	2	38	50	18	63	148	28	176
Úc-Đại-Lợi	15	-	15	1	1	15	24	-	24	17	1	18	17	-	7	91	2	93
Tân-Iây-Lan	2	-	2	23	-	23	15	-	15	1	-	11	11	2	1	62	2	64
Tây Đức	15	-	16	6	-	5	5	1	6	5	-	5	2	6	8	33	11	44
Nhứt-Bồn	3	2	5	6	-	6	7	2	9	8	4	12	8	18	26	3	26	58
Đài-Loan và Hương-Cảng	3	40	70	-	44	44	-	160	60	-	200	200	-	3	3	30	447	477
Các nước khác	14	6	20	8	25	31	16	13	29	11	11	22	2	27	24	51	75	126
Cộng : H.B.	236			80			224			89			150			979		
T.T.		102			239			588			491			723			1943	
TỔNG CỘNG :			58			415			612			680			873			2922

Cước-chú.— H.B. = học bổng, T.T. = tự túc, C. = cộng

Từ năm 1960, mặc dầu việc thiết lập chế độ quân dịch của nam thanh niên từ 20 đến 33 tuổi, có văn bằng Tú tài I trở lên, số người được phép xuất ngoại du học vẫn tăng đều đều. Năm 1964, vì lẽ hạn tuổi xuất ngoại du học đối với nam thanh niên đã được nâng lên tới mức 22 nên số du học sinh tự túc đã tăng từ 491 (năm 1963) lên 723. Con số này còn lớn hơn nữa nếu học sinh Huế kiều Việt tịch được xuất ngoại dễ dàng như những năm trước.

Cũng năm 1964, một số khá đông thanh niên đã được giấy phép nhưng không xuất ngoại, chắc vì gia đình họ sợ không đủ tiền chuyên ngân theo hồi xuất tự do. Con số 723 ghi trên là số đã thực sự xuất ngoại.

Trong 4 năm qua, một nửa số sinh viên xuất ngoại đã đi Pháp : 1486 người trên 2922. Đáng chú ý hơn nữa là số sinh viên tự túc : 63,8% đã chọn nước Pháp (1243 người trên 1943).

Nhóm đi Đài Loan và Hương Cảng hầu hết là học sinh Huế kiều Việt tịch. Hết bậc Trung học ở Việt-Nam họ được thu nhận vào các trường Đại học hay Cao học ở Đài Loan ; một số khác có thể tiếp tục việc học ở Hương Cảng.

Trong 2 năm 1962 và 1963 đã có 360 học sinh Huế kiều Việt tịch du học tự túc. Năm 1964, Bộ Quốc gia giáo dục không xét đơn xin xuất ngoại của nhóm này, nên đã có ít nhiều sự kêu ca và phát sinh các vụ trốn ra ngoại quốc phi pháp như các báo đã đăng tải.

Tại các nước khác như Huế-Kỳ, Gia-Nã-Đại, Úc-Đại-Lợi, Tân-Tây-Lan,

Tây-Đức, Nhật-Bồn, số học sinh được học bổng nhiều hơn số sinh viên tự túc một cách rõ rệt.

Đối với du học sinh tự túc, phụ huynh họ và họ đã dựa vào những yếu tố nào để lựa chọn nơi du học ? Những yếu tố ấy có thể là khả năng thích ứng của du học sinh với tổ chức giáo dục nơi đó, xứ, sự tốn kém, việc xin nhập học và nhập cảnh dễ hay khó, khả năng tìm được người quen thuộc để có thể nhờ vả và đỡ đỡ trong buổi đầu.

Khả năng thích ứng gồm cả sự tổ chức việc học và sự hiểu biết ngoại ngữ.

Những liên hệ văn hóa, xã hội, kinh tế do quá khứ tạo ra giữa Pháp và ta, những tập quán riêng của ngành hành chánh và luật là của ngành đại học Pháp giải thích tại sao đa số sinh viên du học đã chọn nước Pháp. Đây là vấn đề tiện và bất tiện. Những biện pháp chế tài, có tính cách tiêu cực, để chặn đứng khuynh hướng tự nhiên ấy sẽ chỉ gây ra những sự kêu ca, oán trách. Nhớ lại trong hai năm 1957 và 1958, chánh phủ Ngô-Đình Diệm gần như cấm hẳn việc du học qua Pháp, trong khi dành mọi sự dễ dãi cho những người xin đi các nước khác. Thế mà rất ít người đã xử dụng những sự dễ dãi ấy.

Có thể nói rằng chính quyền đã để cho các đương sự quyền tự do lựa chọn nơi du học hoàn toàn. Bằng chứng là việc cấp phát học bổng của ngân sách quốc gia. Miễn sao đương đơn học lực khá, gia cảnh không đến nỗi hiền nhiên quá giàu có, xin học một môn cần ích là được chấp thuận, trong giới hạn ngân khoản.

Còn việc chọn nơi du học thì chính quyền không can dự tới.

Di nhiên trách nhiệm không thề quy vào Hội đồng du học vì lẽ Hội đồng chỉ thi hành những chỉ thị của chánh phủ ; mà chánh phủ hay Bộ Quốc gia giáo dục không hề chỉ thị phân biệt nơi du học, ngoại trừ đối với các nước Cộng sản hay có khuynh hướng thân Cộng.

Tới nay, chính quyền mặc nhiên cho rằng sự phân phối du học sinh theo khu vực như đã trình bày ở trên không có gì bất tiện nên đã không can thiệp, không hướng dẫn.

Trái lại, nếu chính quyền muốn hướng dẫn du học sinh cũng cần phải dựa vào những yếu tố mà phụ huynh và các đương sự đã cân nhắc trước khi lựa chọn nơi du học. Xin nói ngay rằng những biện pháp thắt buộc, chỉ có tính cách tiêu cực không có nghĩa là hướng dẫn. Chấp thuận cho phép xuất ngoại bừa bãi vì áp lực này hay áp lực nọ là mâu thuẫn với ý niệm hướng dẫn.

Sự hướng dẫn của chánh quyền — nếu chánh quyền xét việc hướng dẫn thực cần thiết — có thể thực hiện bằng những biện pháp sau đây :

— Tác động của Bộ Văn hóa giáo dục và của các ban Văn hóa thuộc các tòa đại diện Việt-Nam ở ngoại quốc để giúp du học sinh giải quyết vấn đề xin nhập học và nhập cảnh ;

— Sự giúp đỡ thiết thực của các tòa đại diện Việt-Nam ở ngoại quốc khi du học sinh tới nơi, nhất là tại các nước

rộng lớn ít du học sinh Việt-Nam, ít Việt-kiều ;

— Một chế độ học bổng không đồng đều, tùy theo sở phí ăn học nơi du học ;

— Một chế độ chuyển ngân không đồng đều về định xuất cũng như hồi xuất, tùy theo sở phí ăn học nơi du học. Thí dụ ai cũng biết gửi con qua Huế Kỳ rất tốn kém ;

— Công bố hàng năm kết quả do du học sinh thu lượm được ở các nơi du học, để phụ huynh biết rõ nơi nào con em mình có nhiều hi vọng thành công. Thí dụ, chế độ thi vào các trường kỹ sư và chuyên nghiệp Cao học ở Pháp hiện nay rất khó.

Tựu trung, việc hướng dẫn du học cũng áp dụng những nguyên tắc đã được dùng trong sự hướng dẫn phát triển kinh tế.

oOo

Học gì ? Mục đích của công cuộc du học là đào tạo cho nước nhà những cán bộ chuyên môn cần thiết cho sự phát triển kinh tế, xã hội. Nhu cầu của chúng ta rất nhiều ; ngành chuyên môn nào cũng có giá trị riêng của nó. Nhưng nhu cầu của ta có tính cách cấp bách khác nhau, tùy theo giai đoạn ta phải vượt trên con đường phát triển. Thí dụ trong lúc này ta có một đồng bào chuyên gia bực nhứt về phi hành không gian hay viễn thông bằng vệ tinh nhân tạo thì thử hỏi chuyên gia ấy có cơ hội phục vụ xứ sở không ?

Trái với nơi du học, kỳ thủy Hội đồng du học chỉ cho xuất ngoại để theo học

những môn không giảng dạy trong nước và xét ra cần ích. Đối với những sinh viên được cấp học bổng, hội đồng còn có thể bắt buộc phải theo học những môn nhất định nào đó. Những sinh viên nào tự ý đổi môn học mà không được hội đồng chấp thuận sẽ tùy trường hợp, bị trừng phạt về phương diện chuyển ngân hay mất học bổng.

Tuy nhiên, đối với sinh viên tự túc, nguyên tắc trên đây đã được chằm chể dần dần. Đến năm 1964, chỉ còn vài môn học ở Pháp như Luật; Văn chương, các chứng chỉ Cử nhân Khoa học là không được chấp thuận.

Dưới đây xin trình bày thống kê các môn học du học sinh đã lựa chọn trong 2 năm 1963 và 1964 :

1963-1964

Công chánh và giao thông	12	22
Canh nông, địa dư và đồ bản	18	24
Kinh tế và tài chánh	40	59
Giáo dục	535	523
Y tế và xã hội	53	178
Hành chánh và cảnh bị	—	3
Báo chí	8	16
Kỹ nghệ và hầm mỏ	7	43
Lao động	7	—
Không biết rõ	—	5
	680	873

Những thống kê ghi trên căn cứ vào quyết định của hội đồng du học nên không thể coi như sát hẳn với thực tế. Một số sinh viên có thể đã đổi môn học sau khi tới nơi du học. Tại Pháp, sau hai năm dự bị, sinh viên có thể thi và đậu vào một trường giảng dạy môn học khác hẳn quyết định của hội đồng.

SÁCH MỚI

Bách-Khoa T.Đ. đã nhận được :

— **Độc-hành** truyện dài của Trần Châu Hồ, do Hồng Lĩnh xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 244 trang, gồm truyện dài « Độc hành » và một truyện dịch « Nét sâu trong đá » nguyên tác của Lâm Ngữ Đường (The jade goddess), giá 58đ.

— **Mẹ**, truyện dài của Trần Châu Hồ, do Hồng Lĩnh xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 260 trang, giá 60đ.

— **Đắc nhân tâm** bí quyết của thành công của Dale Carnegie, Nguyễn Hiến Lê và P. Hiếu lược dịch quyền « *How to win friends and influence people* », do nhà Nguyễn Hiến Lê xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 282 trang, in lần thứ mười, giá 68đ.

Trân trọng cảm ơn các tác giả trên đây và xin ân cần giới thiệu cùng độc giả Bách-Khoa.

Hội đồng chuyển ngân có đủ tài liệu để biết rõ ràng các ngành học của du học sinh. Tiếc thay những thống kê này không được công bố.

Trong một môn học thuộc cấp Đại học, thường có nhiều trình độ. Như ở Pháp có bậc cử nhân hay kỹ sư, thạc sĩ trung học, tiến sĩ, thạc sĩ đại học. Tại các quốc gia theo chế độ giáo dục Anh-Mỹ có bậc Undergraduate (để lấy văn bằng Bachelor), bậc Graduate (để lấy văn bằng Master) và bậc tiến sĩ (để lấy văn bằng Philosophie Doctor, viết tắt là Ph. D.)

Du học sinh xuất sắc thường nhằm các trường có danh tiếng như Harvard University, Massachusetts Institute of Technology, California Institute of Techno-

logy.. ở Huế-Kỳ, Ecole Polytechnique, Ecole Normale Supérieure, Ecole Nationale des Ponts et Chaussées, Ecole Centrale de Paris... ở Pháp.

Theo thiên ý chúng tôi, những người nào muốn trở thành giáo sư đại học — chúng ta còn thiếu nhiều — cần học lên tới trình độ cao nhất. Trong các ngành kỹ sư, sau văn bằng có tính cách tổng quát bắt luận do trường nào cấp, nên lựa chọn một chuyên khoa, và sau khi tốt nghiệp chuyên khoa nên bổ túc bằng một thời gian thực sự làm việc trong một hãng, một xí nghiệp. Du học sinh của ta vẫn còn xu hướng lượm nhiều văn bằng trong các môn học khác nhau. Nếu kết quả mang lại một sự vẻ vang nào đó cho cá nhân thì sự ích lợi cho xã hội, cho quốc gia thực khó chứng minh. Vì thế tất sau khi hồi hương và chọn một nghề, các « cây bằng » ấy sẽ không có cơ hội vận dụng một phần kiến thức. Và thời gian và tiền bạc dành cho việc thu thập phần kiến thức vô dụng ấy phải coi như đã phí !

Ngược lại trong những ngành kỹ thuật, công cuộc phát triển quốc gia cũng rất cần đến chuyên viên bậc cán sự hay đốc công. Tỷ lệ tối hảo đã được ấn định như sau : 1 kỹ sư (dĩ nhiên xứng đáng với danh hiệu), 5 chuyên viên trung cấp, 25 thợ lành nghề ; bên dưới là thợ bán chuyên môn. Ở Pháp, nhiều trường kỹ sư có ban cán sự, sinh viên học hết ban cán sự có thể theo ban kỹ sư y như các sinh viên có tú tài đã qua các lớp dự bị. Ở Mỹ có những trường đại học giảng dạy chương trình cấp tốc (two-year

College). Càng ngày càng nhiều trường đại học chia 4, năm bậc Undergraduate thành 2 đợt, mỗi đợt 2 năm. Những sinh viên không đủ phương tiện có thể ngưng ở đợt đầu để đi làm ; các sinh viên khác sẽ qua đợt 2 để lấy văn bằng Bachelor.

Tới nay, đối với du học sinh ở Pháp, hội đồng chuyên ngân không cho những người theo học các lớp cán sự (techniciens) hưởng quyền chuyên ngân như sinh viên, vì các lớp này không đòi hỏi văn bằng tú tài. Dựa vào những lý do trình bày ở đoạn trên, ta có thể nói quyết định này quá khắt khe, nhất là đối với những du học sinh đang nhíp cầu các lớp techniciens để tránh những năm dự bị và kỳ thi nhập học bậc kỹ sư rất khó khăn. Nghe đâu nay Bộ Văn hóa giáo dục đã cho phép sinh viên dọn các chứng chỉ cử nhơn đề xin vào năm thứ hai các trường quốc gia kỹ sư, thiết tưởng Bộ có thể cho một số chọn con đường các lớp techniciens được.

Sự phân phối du học sinh giữa các môn học có thích ứng với nhu cầu của xứ sở không ? Câu hỏi rất khó trả lời. Thống kê hiện có thiếu chi tiết. Du học sinh có thể đòi ngành học. Chúng ta không có hay không muốn có một kế hoạch chặt chẽ, ráo riết trong vấn đề du học. Chúng ta, chính quyền cũng như phụ huynh và du học sinh chưa phân biệt rành rẽ giữa giáo dục và việc đào tạo cán bộ. Chúng ta thiên về giáo dục. Ý niệm của chúng ta đối với các yếu tố giai đoạn, trình độ kiến thức cần đạt được rất mung lung.

Một kế hoạch đào tạo cán bộ chuyên môn dễ quan niệm và thi hành hơn nếu du học sinh được lựa chọn trong số sinh viên đã hay sắp có một văn bằng đại học đệ nhất cấp, vì họ đã có định hướng rõ rệt, khó thay đổi môn học sau khi xuất ngoại và biết một cách khá chính xác thời gian cần lưu lại ngoại quốc. Về phía phụ huynh, khi gởi con em đi dặn hơn ra ngoại quốc, họ cũng đỡ lo lắng phần nào. Chế độ quân dịch hiện thời không cho phép làm như vậy.

Hồi năm ngoái, Tổng Nha Kế Hoạch phổ biến một bản ước lượng số cán bộ chuyên môn trung cấp và cao cấp cần thiết để thực hiện kế hoạch 5 năm thứ hai. Tuy không đầy đủ và chính xác như kế hoạch nhân công của các nước khác, bản ước lượng này cũng mang lại cho thanh niên trong nước cũng như ngoài nước một ý niệm khá rõ rệt về nhu cầu hiện tại của xứ sở.

oOo

Chúng tôi không có tham vọng trả lời

hai câu hỏi : đi đâu ? học gì ? đã nêu ra trong bài này, mà chỉ nhằm trình bày một số sự kiện và nhận xét để giúp phụ huynh và các bạn thanh niên thêm yếu tố quyết định. Có lẽ phải mười, mười lăm năm nữa chúng ta mới tự túc về phương diện giáo dục. Chúng ta cần có một kế hoạch du học trong thời gian ấy. Vì thiếu kế hoạch, vì thể lệ du học thường thay đổi hàng năm và được công bố rất trễ, giữa phụ huynh và thanh niên có ý định du học một bên, chính quyền dưới hình thức hội đồng du học một bên, hình như có trò chơi cắt bắt. Nhưng đối tượng của một chính sách hay kế hoạch là những con người. Trong việc quan niệm cũng như thi hành chính sách ấy, ta phải chấp nhận trước một tỷ lệ sa sầy. Có vậy về phía chính quyền mới tránh được những quyết định đột ngột, khả dĩ làm tổn thương sự hợp tác chân thành của quần chúng liên hệ, điều kiện thành công của bất cứ kế hoạch nào.

NGUYỄN NHƯ

TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY HÒA HOẠN

TẠI NẠN GÂY BỞI CHẤT NỔ
VỐN : 1.500 TRIỆU PHẬT-LĂNG
Cie d'Assurances Générales contre
l'Incendie et les Explosions
Capital : 1.500.000.000 Frs.

TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY TAI NẠN

GIAN PHI — HÀNG HẢI — RỦI RO
VỐN : 3.000 TRIỆU PHẬT LĂNG
Cie d'Assurances Générales Accidents
Vol — Maritime — Risques Divers
Capital : 3 Milliard de Frs.

CÔNG - TY BẢO - HIỂM PHÁP Á

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH

Vốn : 8.750.000.000 Phật Lăng

Assurance Franco Asiatique
Assurance Toutes Branches
Capital : 288.750.000.000 F.

**NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG
LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP**

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-Thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

GIẤY NÓI : 21.253 — 23.913

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, Nguyễn-Công-Trứ, 44

SAIGON



HEAD OFFICE

Plapplachai, Bangkok

OVERSEAS BRANCHES :

London : *Barrington House 56-67 Greensham Street, London, E. C, 2*

Tokyo : *No 1, 2 Chome Muromachi, Nihon-bashi, Chuo-ku, Tokyo.*

Hongkong : *60, Bonham Strand West.*

Central district : *Shell House, Queen's Road.*

Kowloon : *580 A. Nathan Road Kowloon.*

Singapore : *64 South Bridge Road*

Kuala Lumpur : *14 Ampang Street.*

những điều-kiện tinh-thần của sự xuất ngoại du học

• ĐOÀN-THÊM

Đối với việc xuất-ngoại du học, tôi tin rằng chẳng ai có ý nghĩ hẹp hòi để thắt chặt các thề-lệ mà ngăn cản đường tiến của thanh-niên.

Sở-dĩ sự ra đi đã bị hạn-chế, là vì đương thời chiến, thanh-niên đến tuổi quân-dịch phải thi hành nghĩa-vụ, chánh phủ lại không có nhiều ngoại-tệ để cho chuyển ngân làm học-phí.

Nhu-cầu quốc-phòng và sự tiết-kiệm công-ngân là những lý-do chính yếu của một quy-chế mà lắm người coi là nghiệt-ngã : sinh-viên không được quá tuổi ấn-định, phải có tú-tài toàn-phần, thi đậu cao, có học-bạ tốt, chỉ theo học những ngành xét ra rất cần-thiết, cam đoan trở về phục vụ sau khi tốt-nghệp v.v...

Dù sao, tôi cũng thiết-tha mong với các phụ-huynh rằng tình-thế sẽ cho phép mở rộng mọi hướng đi tìm tương-lai cho các bạn trẻ hiếu-học.

Chúng ta đã tiến quá chậm ; và bị cầm hãm quá nhiều trong thời ngoại-thuộc, chúng ta càng ao ước cho lớp người đương lên, có dịp thay ta mà bay nhảy, rồi đem về đất nước những điều hay mà cha anh không được học hỏi.

Bồn-phận của người sau, là tiến hơn người trước, và nếu được ra ngoài thì phải biết tận hưởng sự may mắn ấy để giỏi hơn, khôn hơn, tốt hơn những người lo cho ăn học.

Nhưng muốn đáp lại kỳ-vọng đó, thanh-niên phải có sẵn một căn-bản giáo-dục gia-đình mà cha mẹ cần xây dựng giúp từ lâu.

Bởi thế, trông nom cho học khá, đậu cao, cũng chưa đủ ; xiu cho giấy tờ và thu xếp cho tiền bạc, chẳng qua là sự bận rộn không đáng kể ; dặn dò khuyên nhủ gì trước khi đi, mà du-sinh-viên chẳng dạ dạ vâng vâng ? . . .

Rồi rất có thể sang học Âu Mỹ mà kết-quả không xuất-sắc, có khi lâm vào những sự ngang trái, phải thay đổi hướng đường; hoặc bị lôi cuốn vào những trào-lưu có hại, mắc những thói xấu của phương Tây; hay tốt-nghiệp rồi mà chẳng chịu về; về mà không giúp ích được mấy; tiền quá xa, đời tính-tính thành người xứ khác vv...

Nếu lỡ ra gặp những trường-hợp đáng tiếc như trên, thì cha anh cũng đừng vội oán trách. Vì khi ra đi, con đủ đủ những điều kiện pháp-quy đối với chánh-quyền, vẫn chưa đủ những điều-kiện tinh-thần mà người lớn tuổi đã quên không tạo. Vậy thì phụ-huynh thận-trọng nên chuẩn bị ra sao, và phải tiên quyết những vấn-đề gì?

* *

Cùng tìm hướng đi - Cho đi, thì học gì và đi đâu? Nỗi thắc-mắc này không dễ giải đáp.

Đối với người muốn xin học bổng, sự tự-do bị hạn chế; nếu Gia-Nã-Đại chẳng hạn chỉ giúp cho học về canh-nông, tất không thể đòi học ngư-nghiệp. Hoặc muốn học đánh cá, thì phải sang Nhật, và học tiếng Nhật mà nhiều người không thích. Chẳng lẽ vì thế mà bỏ phí dịp may? Vậy thì chọn ngành hay chọn xứ?

Thiết nghĩ cần theo sở-hiểu thì mới mong lành nghề, và thành người đặc-lực là điểm cốt-yếu, sự học thêm tiếng là điểm phụ-thuộc, không thể vì điều phụ mà bỏ điều chính, cũng không nên theo gương dễ dãi của những vị quá nuông con: «Ấy, cháu nó quen tiếng Pháp, nên chỉ muốn đi Pháp, cho đi Mỹ,

nó cũng chẳng chịu đi.» [Ít ra năm] bầy ông bà đã bảo tôi như vậy.

Vẫn biết hẳn có tiền cho học tự-túc, thì được rộng quyền hơn, nhưng phần đông cha mẹ chỉ hay chọn xứ, hơn là chọn ngành:

— cho đi Pháp, vì thạo tiếng Pháp nên dễ theo học; bên đó có lắm bạn bè thân thuộc đề nhờ trông nom, phí tổn ít hơn là ở Mỹ, Úc, vv...

— cho đi các nước khác, như Anh, Mỹ, Úc ... thì sẽ khá Anh-văn, một lợi-khí đáng kể; lại chắc chắn là học xong sẽ phải về, chẳng ngại bị quyến rũ dễ dàng như ở Ba-Lê, đời sống sinh-viên được tổ chức chu-đáo hơn...

Về sự chọn ngành, phần đông cha mẹ đề tùy con, vì chẳng biết nên cho học gì, hoặc biết nhưng muốn rộng-rãi. Rộng rãi là phải, vì có được theo sở-thích mới dễ đạt sở trường. Tuy-nhiên, về phương-diện này, hình như vẫn chưa hết thói háo-danh, hoặc còn khá nhiều thành-kiến.

Được hỏi, tôi đã nhiều lần đề nghị: Nếu có tú-tài toán, mà chưa thích hẳn ngành nào, thì nên học những nghề rất cần thiết và sẽ đặc dụng ở xứ ta: như dệt vải, trồng cao xu, chế-tạo giấy, đóng thuyền, đóng tàu, chuyên-trách về kế-toán cao-đẳng vv... «Nhưng làm compta-ble thì nghe nó làm sao ấy, cháu và chúng tôi chỉ mong cháu vào Cao-Đẳng Bách-Công Polytechnique của Pháp». Đối với những vị trả lời như thế, tôi cố giải thích: thật giỏi kế-toán, sẽ kiếm được nhiều tiền, lại rất có ích, có thể nói là tối-cần; nếu chánh-quyền VN có đủ chuyên-viên kế-toán, tôi tin chắc sẽ

tránh được rất nhiều vụ gian-lậu, biền-thủ công-nho, nhưng hiện chưa ai chịu theo học ngành đó; vả lại, có kém gì ngành khác? cũng phải có tú-tài Toán, học 4 năm như nhiều sinh-viên kỹ sư, lại rất có hy-vọng được giữ chức-vụ cao ở các cơ-quan tài-chánh, thuế-vụ, hối-đoái, ngân-hàng, công quản, công-ty lớn, vv... Song hai tiếng « công-táp » nghe không vang dội, đối với cả nhiều phụ-mẫu tân-học, và một số sinh-viên quá tin ở những giá-trị cồ-diền.

Nhưng muốn đáp lại nhu-yếu của một xứ chậm tiến, về các mặt quản trị, doanh lý, khai thác, và sản xuất, chúng ta càng học được nhiều nghề-nghiệp với nhiều phương-pháp mới càng hay. Muốn thế, các bậc cha mẹ phải chịu thay đổi cách nhìn nhận cuộc sống ngày nay, và các người trẻ tuổi cần được dlu dắt để thấy rõ những sự cần-thiết của ngày mai.

Đồng-thời, tôi mong rằng các cơ-quan hữu-quyền sẽ cung cấp đủ tài-liệu chỉ dẫn. Các phụ-huynh nào biết ngoại-ngữ, thì còn cố tìm được những cuốn chỉ-nam của các trường ngoại-quốc. Song những người khác không biết Pháp-ngữ Anh-ngữ, sẽ đi hỏi ai? Một số sinh-viên liệu dò dẫm lấy, rồi sau khi ra ngoài chừng năm bảy tháng, mới biết mình lằm đường, không theo kịp ngành đã lựa, mà chẳng biết quay sang ngã nào.

Nhà chức - trách cũng có hướng dẫn một cách tổng-quát, nghĩa là ấn định thứ-tự ưu-tiên cho những ngành được coi là cần-ích cho quốc-gia.

Song sự cần-ích đó cũng nên được quan-niệm rộng-rãi, không những chỉ thu vào lãnh-vực kỹ-thuật cao-đẳng, còn mở ra các địa-hạt *chuyên-nghiệp, văn-học và nghệ-thuật*, mà lắm vị vẫn coi là không thiết-yếu.

Đối với một nước chậm tiến, chẳng mấy ngành học không cần-thiết; bởi thế, bên cạnh tiêu-chuẩn cần-ích, nên chấp-nhận cả tiêu chuẩn năng-khiếu. Tôi muốn nói: ở các địa-hạt vừa kể, ai có khiếu đặc-biệt về môn gì, thì cũng nên cho đi học môn đó.

..

Dạy cách tận hưởng ích-lợi xuất-ngoại - Du học, là vừa ra ngoài để học, vừa để thụ hưởng mọi ích-lợi của một dịp du-lịch kéo dài, và rút kinh nghiệm từ cuộc sống hằng ngày giữa một xã-hội tiến-tiến.

Nếu đạt cả ba mục-dích ấy, thì kết-quả du-học mới có thể xem như viên-mãn, và du-sinh-viên đáng được coi là phần-tử ưu-tú của thể-hệ.

Song ngoài sự học sách học thầy, có lợi nhất và cũng thú nhất, là lối học bằng nhận xét thực-tế quanh mình. Lắm nhà triệu-phú phải bỏ ra nhiều tiền mới được lướt qua vài cảnh nước ngoài: trái lại, du-sinh-viên lưu trú nhiều năm, mà không ghi nhớ nhiều hơn, thì đáng tiếc chừng nào! Riêng tôi mỗi khi có dịp ra ngoại-quốc, đều thấy không biết bao nhiêu sự vật đáng nhìn.

Du-sinh-viên có thể tự huấn tự giác mau lẹ, nhờ những điều mắt thấy tai nghe, vượt khỏi phạm-vi học vấn chuyên-môn mà chú ý đến hoàn-cảnh nước

người về các phương-diện sinh-hoạt, kinh-tế, phong-tục, chánh-trị, văn-hóa... Có lẽ đòi hỏi như vậy cũng quá nhiều chẳng? vì thanh niên còn phải dồn thời-giờ vào việc học thi hàng năm hay hàng tháng; và thỉnh-thoảng được nghỉ, cũng phải tìm những giải-trí cần cho tuổi trẻ?

Dẫu sao, chỉ giỏi kỹ-thuật, thì chỉ đặc-lực ở cấp thừa-hành. Muốn trở nên người chỉ-huy xuất-sắc, ngay ở địa-hạt chuyên-môn, phải có kiến-thức rộng-rãi được trau giồi bằng lịch-duyet: vì chỉ có thứ kiến-thức sống động tự mình trực-tiếp thu lượm, mới điều luyện được óc tổ chức và tài điều-khiển sau này.

Điều mong ước kể trên chỉ có thể thành sự thực, đối với những bạn trẻ đã được cha anh gây cho thói quen ham biết và tìm hiểu. một việc tốn nhiều công phu, nhưng chắc không quá sức những ai thiết-tha với giáo-dục gia-đình. Trong những dịp liên-lạc với sinh-viên ở xứ ngoài, tôi đã thấy một số khá đông cố gắng quan sát, và dăm bảy người năng viết về nhà cho biết và nhận xét về nhiều cảnh nhiều việc rất đáng chú trọng.

Nỗ-lực đó có thể kích thích bằng cách gửi thư từ nêu câu hỏi, nhờ xem xét, yêu cầu thuật lại những sự mới lạ đã từng mục kích... Như vậy người ở xa cũng đỡ chán hơn là bị nhồi sọ hoài bằng những lời khuyên, nhất là về... luân-lý.

..

Rèn luyện tính tình Theo thể-lệ đã áp dụng trong 10 năm qua, thanh niên

được phép du học không quá 20 tuổi, phần đông chỉ 17, 18 tuổi.

Mười tám tuổi, thông-minh thì có thừa, thân hình đương vươn lớn... Song ngấm lại nhiều bộ mặt còn trẻ măng của nhiều con cháu các bạn hữu, tôi không khỏi thắc mắc về phương-diện khác:

Đa-số chưa từng sống xa nhà, từ bé được trông nom săn-sóc, và chỉ quen biết một số người thân trong gia-đình và ở học đường; nay đột-nhiên bay đi vạn dặm, đến chung sống với người lạ giữa một hoàn cảnh khác hẳn quê nhà. Nếu người trẻ chỉ thấy vui thích như chim non được xỏ lồng tung cánh, thì trái lại, cha mẹ thương con, nhất là đối với con gái, không khỏi ngại ngùng trước viễn ảnh mập-mờ của một cuộc phiêu-lưu.

Mỗi vị có con ra đi, mặc dù sửa soạn chu đáo tới đâu, cũng vẫn cảm thấy mình liêu, và mỗi người tùy cảnh lo ngại một thứ bất-trắc: Cháu học thì khá đấy, nhưng tính tình nhút nhát, liệu có bị bắt nạt không? - Em nó thật thà quá, chỉ sợ rồi có đứ đừa lừa dối;—Thằng lớn nhà tôi, lúc học thì không còn biết trời đất gì nữa, nhưng hề thấy gái thì cứ lăm la lăm lét, sang đó giao thiệp với bạn đằm, lỡ mắc miu thì tội cho các cụ nhà tôi quá;— Nó cũng hiền lành, chỉ phải cái hay đua anh đua em, tiêu sài hoang phí, thì chẳng biết có còn đủ no đề mà học không?—Được vào trường ấy thì cũng may, nhưng nghe nói dưới đó nhiều phe Việt-Kiều hoạt động chánh-trị, rồi lại lôi cuốn con mình vào chuyện rắc rối thì biết tính sao đây? Thôi, nhờ trời vậy...

Nếu phải nhờ trời, thì cũng xin nhờ một phần thôi, không nên nhờ cả trăm sự như nhiều ông bà vẫn khẩn.

Cha mẹ muốn con sau này du học nước ngoài, thì phải dạy con trước, luyện cho một số tối-thiểu đức-tính cần thiết : như đừng nuông chiều cấp nhiều tiền túi để quen tiêu phí : tránh sự xa-xỉ, và cố cho hiểu rằng tiền ăn học của con là tiền mồ hôi nước mắt của cha mẹ ; kể cho nghe những hậu quả tai hại đã thấy ở những thanh niên truy lạc; mách đường lối xử thế và cách gây cảm tình để được giúp đỡ nếu cần, giữa nơi tứ cố vô thân ; nhờ bác-sĩ quen chỉ bảo, hoặc cho đọc sách chuyên-khoa để tránh nguy hiểm bệnh hoạn tình dục; bắt tập dượt cho khỏe để dễ thành bạo dạn, không sợ kẻ nào uy hiếp; và nhất là gây cho hai sức mạnh đáng quý hơn cả : *tình thương* và *chí lớn*.

Con có biết thương và tin cha mẹ, thì mới dễ nghe lời khuyên nhủ, hoặc nếu thấy mình tài giỏi, cũng còn chịu nhân nhượng cho người thân khỏi buồn. Con khôn lớn hay yên trí là mình tiến hơn, cha mẹ khó bề đấu lý; nên ở nhiều gia đình, chỉ còn trông cậy được vào sự kính nể mà thôi. Song hiếu-thảo, một đức-tính được hun đúc lâu đời trong giòng giống Việt Nam, vẫn có thể dễ-dàng truyền thụ.

Đối với mối lo lớn nhất, là ra đi không chịu trở về, chưa thấy phương-tiện nào linh-nghiệm hơn những ràng buộc thiêng liêng như lòng nhớ mẹ và thương cha; nhưng muốn thành động-lực, tình cảm đó không thể chỉ kêu gọi trong vài bức thư — dù thư viết bằng nước mắt, — mà phải nuôi nấng ít nhất mười-tám năm dài.

Trước sự biếng nhác chơi bời, hay mọi sự đua đòi lôi cuốn, lời khuyên-dụ cố thể chỉ rơi vào sa-mạc, hoặc đón tiếp với những mỉm cười ngạo nghễ của kẻ vững lòng tự-tin trong lăm-lạc. Nên muốn để con ra đi, phải cung-cấp ngoài số ngoại tệ có hạn, một lợi khí có sức chống nổi những ảnh-hưởng nguy hại mà chinh phục tương-lai : đó là ý-chí thành người để sống một ngày mai có nghĩa.

Muốn luyện chí đó, phụ huynh cần kiên-tâm theo những phương pháp đã tỏ ra phần nào công hiệu : kể truyện hoặc tìm cho đọc các sách báo nói về những nhân vật đã thành công ở mọi ngành kỹ-thuật, khoa-học, kinh-tế ...; cho trông thấy cảnh vô vị của những cuộc đời không muốn tiến, hoặc nổi khốn cùng của những đám người lam lũ, để hiểu rõ sự cần thiết ngoi lên một mức sống giàu hơn, mạnh hơn, và đẹp hơn; không ngần ngại phơi bày những sự thiếu kém của chúng ta, với viễn ảnh hào hứng dành cho thế hệ mới, trong sự cải - tạo một xứ-sở đương chờ đợi mở mang, lợi dụng mọi dịp để kích thích ganh đua vượt bạn, vượt cha anh, nhất là vượt thanh-niên Âu - Mỹ về học - vấn, chí-khí, và ngay cả về sức-lực.

Nếu cha mẹ đã chịu khó như vậy, thì không cần cấm đoán chi hết: được tự-do, con cũng chẳng thêm những vui thú tầm thường, chẳng chịu để kẻ nào lung-lạc, và chắc chắn sẽ mang về, ngoài những mảnh bằng, một con người đáng tin cậy.

Tóm lại, những điều kiện do chánh-quyền đặt ra, chỉ căn cứ vào học lực sinh viên và nhằm ngăn ngừa sự lạm-dụng xuất cảnh. Song chính những điều kiện tinh-hạnh mà phụ-huynh biết tự mình tiên liệu cho con em, mới đảm-bảo được kết-quả đáng mừng sau nhiều năm du-học.

Đ. T.

vài nếp sống của

SINH-VIÊN VIỆT TẠI ÚC

NGỌC-VÂN

Trước khi người sinh viên rời nước nhà đi học ở ngoại quốc, họ cũng như các bậc phụ huynh, đều băn khoăn không biết ở xứ lạ mình sẽ sống ra sao, học hành như thế nào, v.v... Để trả lời một phần nào những câu hỏi đó chúng tôi xin nêu ra đây vài nhận xét về lối sống của sinh viên Việt tại Úc. Chúng tôi không nói đến nếp sống sinh viên ở *ngoại quốc* vì chữ ngoại quốc bao gồm những nước khác nhau, với lối sống khác nhau, không thể nào có những nhận xét tổng quát được. Chúng tôi viết về sinh viên Việt tại Úc bởi vì chúng tôi đã có dịp lưu trú ở nước này khá lâu và cũng bởi vì nước Úc là một nơi tương đối mới đối với sinh viên Việt-Nam và vì vậy không được biết rõ bằng các nước khác như Pháp, Mỹ, Anh.

Bước đầu

Đối với các sinh viên du học tại Úc bước đầu tương đối dễ dàng. Ở mỗi độ

thị chính của Úc đều có một chi nhánh của Commonwealth Office of Education. Cơ quan này có nhiệm vụ chính là trông nom các sinh viên học bổng (phần lớn là học bổng Kế hoạch Colombo) trong các công việc học hành, ăn, ở khi họ mới đến và giúp đỡ các sinh viên giải quyết các khó khăn gặp phải trong khi theo học.

Nếu được báo trước, cơ quan này sẽ đón các sinh viên tại phi trường, đưa về chỗ ở tạm thời. Trong vài tháng đầu họ sẽ tổ chức những lớp hướng dẫn để cho sinh viên quen với mọi nếp sống của dân Úc từ xã hội, lịch sử cho tới những cách giao tiếp hằng ngày.

Ngoài việc cung cấp tiền học bổng cho sinh viên mỗi nửa tháng cơ quan này còn giúp sinh viên giải quyết những khó khăn về tài chánh. Chẳng hạn như những khi sinh viên cần một món tiền lớn để mua quần áo lạnh, sách vở hoặc dụng cụ, cơ quan này sẽ cho vay tiền trước.

Khi sinh viên đã bắt đầu học và ăn ở có lẽ lười rồi, cơ quan này vẫn tiếp tục theo dõi việc học của từng người. Nếu thấy cần giúp đỡ về phương diện gì như cần học thêm giờ, đổi môn học, v.v... thì sẽ tùy theo từng trường hợp cá nhân mà giúp đỡ. thỉnh thoảng cơ quan này còn tổ chức cho các sinh viên đi viếng thăm các tỉnh nhỏ hay các trại trong những ngày nghỉ theo lời mời của các đoàn thể và tư nhân.

Nhờ có sự giúp đỡ của cơ quan này, những khó khăn ngỡ của người sinh viên giảm đi rất nhiều. Nhưng cũng còn có những vấn đề mà chính người sinh viên phải giải quyết lấy. Ở đây chúng tôi sẽ chỉ bàn tới những vấn đề nằm trong ba khía cạnh chính của cuộc sống sinh viên, đó là : ăn ở, học hành và giải trí.

Ăn ở.

Những chỗ ở tạm thời do cơ quan giáo dục Úc tìm cho khi mới đến thường không được vừa ý. Thường thường là những khách sạn nhỏ hay những nhà trọ chuyên nghiệp. Những nơi này tiền trọ đắt mà điều kiện ăn ở lại không được dễ chịu cho lắm. Có sinh viên đã gặp phải nhà chủ trọ nghiệt đến độ cắt quả trứng hai lòng đỏ ra làm đôi chia cho mỗi khách trọ một lòng đỏ thay vì là mỗi người một quả trứng như lệ thường.

Đôi khi cơ quan giáo dục Úc cũng tìm được chỗ cho các sinh viên ở với các gia đình. Nhưng vì hoặc xa trường quá hoặc vì không tiện đường chuyên chở, thường thường người sinh viên phải đổi chỗ ở.

Cũng như ở các thành phố lớn khác, tìm chỗ ở là cả một vấn đề khó khăn. Tùy theo ý thích và túi tiền, người sinh viên có thể ở những nơi như ký túc xá (college), học xá (hostel), nhà trọ (boarding house), ở với một gia đình (private house) và ở thuê thời nấu lấy.

Ở trong ký túc xá có lợi là gần trường, đời sống có kỷ luật hơn, ăn uống điều hòa và chỗ ở có nhiều tiện nghi hơn. Nhưng giá lại đắt hơn ở ngoài rất nhiều, có khi gấp đôi. Và vì khi ăn khi chơi đều có thời khóa biểu nhất định nên kém tự do.

Điều kiện ở trong học xá thay đổi tùy theo từng học xá. Ở học xá tương đối tự do hơn và rẻ hơn, nhưng ăn uống không được đầy đủ và cẩn thận bằng trong ký túc xá. Hơn nữa, với số sinh viên càng ngày càng đông, không thể có đủ chỗ ở trong ký túc xá và học xá, muốn ở tại hai nơi này thường phải đợi một thời gian khá lâu.

Ở nhà trọ là một điều không nên. Tất cả các chủ trọ, vì sống về nghề này, nên luôn luôn phải tìm cách làm sao cho càng lãi nhiều càng tốt. Bởi vậy khách trọ sẽ phải chịu những sự thiệt thòi như ăn uống đạm bạc, điện nước hạn chế, v.v... Đối với người sinh viên, ở nhà trọ thường không có điều kiện học. Phần lớn khách trọ đều là người ở tạm hay là người đi làm. Buổi tối về họ thường nghỉ ngơi chuyện gẫu, nghe radio hoặc xem máy truyền hình, rất ồn ào, khó mà học được.

Trong một hai năm đầu thì có lẽ ở chung với một gia đình nào đó là điều

tốt nhất. Tại các gia đình này các bà nội trợ thường lấy công làm lãi nên tiền trợ tương đối rẻ hơn. Hơn nữa, hai năm đầu tiên là lúc cần phải tìm hiểu lối sống của dân Úc và trau dồi thêm khả năng về Anh ngữ, ở chung cùng với gia đình người Úc rất có lợi về hai điểm này. Phần lớn các nữ sinh vẫn thường thích ở với các gia đình vì họ cảm thấy đỡ nhớ nhà hơn.

Nhưng ở với các gia đình cũng có cái bất tiện là tự do bị giới hạn, không được tự nhiên, và nhất là phải luôn luôn ăn món ăn Úc mà phần lớn các sinh viên cho là nhạt nhẽo và khô khan so với cơm Việt Nam. Bởi vậy một vài sinh viên thường thuê nhà riêng thời nấu ăn chung với nhau. Cách sống này tương đối phóng khoáng hơn và vui hơn. Rất phổ thông trong những kỳ nghỉ hè, khi sinh viên có nhiều thì giờ nấu nướng và dọn dẹp. Nhưng có điều bất tiện là hoàn toàn sống cách biệt hẳn với thế giới chung quanh. Nhiều khi suốt cả tuần không nói lấy một câu tiếng Anh. Hơn thế nữa, vì sống chung đụng với nhau nhiều nên các người ở chung cũng thấy kém vui và đôi khi lại còn sinh ra xích mích. Có nhiều trường hợp hai người lúc mới ở chung thì có vẻ tâm đồng ý hợp, nói cười vui vẻ Nhưng sau độ 6 tháng, một năm thì lúc chia tay không buồn nói lấy một lời từ biệt!

Học hành.

Song song với việc ăn ở, vấn đề quan trọng nữa là học hành. Thường thường ghi tên vào Đại học rất khó khăn vì thiếu trường thiếu thầy. Nếu là

sinh viên học bằng thì các cơ quan giáo dục Úc đã tự động lo vấn đề này trước khi sinh viên đặt chân lên đất Úc. Nếu là sinh viên đi bằng tiền riêng thì có thể nhờ tòa Đại sứ Úc ghi trước hộ ít ra là 6 tháng. Nhưng theo lẽ tự nhiên thì sinh viên nào cũng muốn theo học ở những trường có danh tiếng và ở những đô thị lớn. Ở những nơi này chỗ học lại rất có giới hạn nên được hay không là một điều may rủi.

Nhưng dù ở trường nào đi chăng nữa, giá trị đại khái cũng như nhau vì số Đại học ở Úc tương đối hãy còn ít, trình độ giáo dục cũng không chênh lệch nhau lắm. Cái khó khăn của người sinh viên trong giai đoạn đầu là vấn đề ghi "cua". Điều khó khăn trước hết là vấn đề ngôn ngữ. Những sinh viên V.N. trước khi được gửi sang Úc thường đã được theo một lớp Anh ngữ khá chu đáo ở V.N. Khi sang Úc, trước khi nhập học độ 3 tháng, lại được cơ quan giáo dục Úc tổ chức cho những lớp Anh ngữ bổ túc. Tuy vậy cho tới khi bắt đầu học, người sinh viên mới chỉ học Anh ngữ như là một ngoại ngữ (foreign language) chứ không phải là một chuyện ngữ (language of communication). Bởi vậy trong ít nhất là ba tháng đầu những khi ghi "cua", đọc sách hoặc làm bài, người sinh viên sẽ thấy khá lúng túng. Ghi cua không được nhanh và đầy đủ. Đọc sách chậm hiểu và viết bài một cách khó khăn. Nhưng lâu dần cũng sẽ quen đi.

Khó khăn thứ hai là phương pháp theo học. Nền Đại học Việt nam, theo hệ thống Pháp coi sinh viên là những

người lớn đã biết nghĩ và biết tự lập, để cho sinh viên toàn quyền tự do học hành. Kết quả là vào đầu năm sinh viên thường đi nghe giảng không đều. Cuối năm sẽ dựa vào những « cua » in ronéo để « gao ». Nền giáo dục Đại học Úc coi sinh viên hãy còn « trẻ con » hơn, đến lớp nghe giảng là một sự bắt buộc. Ở nhiều trường Đại học, năm thứ nhất các giáo sư còn gọi tên các sinh viên trước khi giảng bài. Và lại, ở các trường Đại học không có hệ thống in « cua » nên nếu không theo dõi từ đầu thì cuối năm khó mà có thể biết cần phải sửa soạn những gì cho kỳ thi. Các bài giảng trong lớp thường thường chỉ có tính cách hướng dẫn, chỉ cung cấp cái khung, sinh viên sẽ có nhiệm vụ bổ túc cái khung đó bằng những tài liệu đọc trong các sách tham khảo. Với lối giảng dạy này, nếu là một sinh viên trung bình thì không thể áp dụng phương pháp học « cấp tốc » được. Đối với các ban nhân văn như chính trị, kinh tế, văn khoa v.v... số giờ nghe giảng tương đối ít (độ 15 một tuần là nhiều), cần phải đọc thêm rất nhiều. Những sinh viên học khoa kỹ thuật, phải đọc ít hơn, nhưng lại cần thực hành nhiều vì vậy số giờ nghe giảng nhiều hơn (từ 32 đến 36 giờ một tuần).

Cũng vì số giờ theo học nhiều và vì thói quen làm việc liên miên từ 9 giờ sáng đến 5 giờ chiều của người Úc nên các sinh viên V.N. còn thường gặp phải điều khó khăn nho nhỏ nhưng cũng không kém phần rầy rà : đó là vấn đề ngủ trưa ! Ngủ trưa ở V.N. đã là một thói quen cổ hữu, muốn « cai » được

cũng không phải là chuyện dễ. Sinh viên ta lại quen ăn trưa khá nhiều, mùa hè nóng nực phải ngồi trong lớp đông người, lại nghe giảng bằng tiếng Anh câu được câu chăng, ít ai mà có thể có đủ nghị lực để mở mắt. Bởi vậy, ngồi trong lớp hề thấy sinh viên Á châu nào ngủ gà ngủ gật vào lúc hai, ba giờ chiều, chắc chắn đó là sinh viên Việt-Nam.

Vấn đề khó khăn thứ ba trong việc học hành là phương pháp thi. Ở V.N. thường thường người sinh viên được chọn một đề lớn — hoặc là một bài toán có 5, 7 câu hỏi, hoặc là một bài luận đề — để làm trong ba tiếng đồng hồ. Thí sinh có thể suy ngẫm chín chắn, làm dàn bài hay làm trên giấy ráp trước khi chép sạch sẽ vào giấy. Ở tại Úc các thí sinh sẽ phải trả lời 5 câu hỏi trong vòng 3 giờ. Sinh viên V.N. quen lối làm cẩn thận và suy nghĩ kỹ càng trước khi viết nên thường hay thiếu thì giờ. Cách làm bài thi hữu hiệu nhất là làm thật mau, thật vắn tắt, và trả lời thẳng vào vấn đề, không cần phải đi sâu vào vấn đề như khi làm một bài luận đề lớn. Nhiều khi không cần viết nhập đề, câu chuyện tiếp và kết luận. Đối với những sinh viên quen với hệ thống thi cử ở V.N., phương pháp làm bài thi này có vẻ nông cạn, không cho thí sinh có cơ hội biểu dương những kiến thức sâu rộng của mình về một vấn đề. Thực ra bài thi như vậy là có ý để sinh viên phải chú trọng đến tất cả các phần đã học trong năm, không quá chú trọng phần này mà sao lãng phần kia. Lối học « tử » do đó trở nên vô ích.

Vì nền giáo dục ở V.N. hãy còn hướng về lý thuyết nhiều quá nên nhược điểm chung của các sinh viên V.N. là các khoa

thực nghiệm. Năm đầu thường các sinh viên V.N. rất khá về toán, lý thuyết vật lý, hoặc cơ học thuần lý, nhưng thường lại gặp khó khăn về các môn thực nghiệm như hóa học, cơ khí, engineering drawing v.v... Muốn tránh trước khó khăn này cũng khó vì niên nay ở V.N. các phương tiện để cho người sinh viên thực hành và thí nghiệm về môn mình học hầu còn thiếu. Người sinh viên ít có dịp phát triển khả năng thực nghiệm của mình. Riêng về môn kinh tế học, theo khuynh hướng mới môn này sẽ cần dùng rất nhiều đến đại số và số học. Các sinh viên đi ngoại quốc học về môn này phần lớn lại là các học sinh Tú tài ban C ở trung học. Kiến thức về toán không đủ để theo rồi những lập luận mới về kinh tế. Bởi vậy nếu có ý định theo học môn hình tế, nên có một trình độ khá về toán thì sẽ giảm bớt khó khăn.

Giải trí.

Bây giờ chúng tôi xin đề cập đến khía cạnh thứ ba của cuộc sống sinh viên. Đó là vấn đề giải trí. Là một nước giàu mà lại thanh bình, nước Úc có nhiều phương tiện giải trí. Người sinh viên có thể chọn những cách giải trí khác nhau như nghe hòa nhạc cổ điển, xem kịch hoặc những vũ điệu quay cuồng trong những hộp đêm nhộn nhịp khói thuốc. Những lúc rỗi rãi người sinh viên có thể ngồi trầm ngâm bên ván cờ hay vác súng len lỏi trên sa mạc săn bắn kangaroo. Sống lâu trong cảnh chiến tranh, thiếu phương tiện, thiếu điều kiện và gò bó ở V.N., người sinh viên sẽ cảm thấy háo hức, cội mở khi đặt chân lên đất Úc.

Họ sẽ biểu lộ cái cảm giác ấy bằng hai cách chính. Có một số người sẽ học say mê, học mãi miết để thu lấy những cái gì họ muốn biết, muốn học từ lâu mà chưa học được. Một số người khác sẽ lẫn lộn vào để hưởng những thứ mới lạ từ xưa đến nay họ vẫn mong được hưởng mà chưa được hưởng. Có một sinh viên, độ 18 tuổi, chỉ thích đi xe hơi về đồng quê *ban đêm* vì từ thuở sinh ra đến giờ chưa được biết cái cảm giác đi đêm ở đồng quê như thế nào ! Trong hai cách biểu lộ đó, người sinh viên sẽ chọn cái này hay cái khác tùy theo bản tính, ước vọng và ý thích. Tuy nhiên, nói chung, người sinh viên V.N. với bản tính tình của người Á đông thường có khuynh hướng hướng nội nhiều hơn là hướng ngoại. Phần lớn họ hướng về những thứ giải trí tinh như xem chiếu bóng, nghe nhạc, đọc sách, đánh cờ, uống cà phê tán chuyện gẫu hay cùng lắm là nấu bếp.

Tiện đây chúng tôi cũng xin đề cập đến khía cạnh tình cảm của đời sống sinh viên. Vấn đề này thường là một mối lo ngại cho các phụ huynh ở nhà (nói nôm na là « vấn đề lấy vợ đằm ») và cũng là vấn đề mà các nhà hướng dẫn Úc thường đề ý tới. Vì những lý do và những thành kiến nào đó các bậc phụ huynh thường có cảm tưởng là một khi con em đã đi du học ở ngoại quốc thì chắc là chúng sẽ trở về nước với một nàng mũi lõ mắt xanh. Thực ra thì trường hợp này không xảy ra luôn luôn như người ta tưởng. Nếu ta có thống kê về tổng số sinh viên du học ngoại quốc và số sinh viên có vợ ngoại quốc khi trở về

nước thì ta sẽ thấy tỷ số này rất nhỏ, có lẽ không quá 1%.. Chúng tôi không hiểu ở các nước khác ra sao nhưng ở tại Úc thì cuộc sống tình cảm của sinh viên không được giàu lắm, nhiều khi có thể nói là khô khan nữa. Sở dĩ vậy là vì mối dây liên lạc xã hội giữa sinh viên V.N. và người Úc thường thường không được cởi mở như giữa những người đồng hương. Người Úc thường rất tốt, rất hiếu khách, hay giúp đỡ. Nhưng vì theo văn hóa Tây phương, tôn trọng đời sống cá nhân của người khác, nên ít khi đi vào những chuyện tâm tình, những ý nghĩ riêng tư của người bạn Việt. Người sinh viên Việt, nói chung, lại hay có bản tính dè dặt, ý tứ, ít nói, không bao giờ nói về cái gì mà người bạn Úc không muốn hỏi. Và không bao giờ đến chơi lâu nhà người bạn Úc, trừ khi được mời trước. Bởi vậy, liên lạc giữa người sinh viên Việt và người Úc thường thường rất lỏng lẻo và hời hợt. Khi ta đặt dây liên lạc này vào trong lãnh vực gái trai thì những trở ngại vừa nói đến lại tăng lên gấp bội. Người con gái Úc, cũng như người con gái Việt, vì bản tính thận trọng cổ hủ của phái nữ, thường phải là những người khá cấp tiến thì mới giao thiệp mật thiết với một người bạn trai ngoại quốc. Khi tính đến truyện trăm năm thì họ, và nhất là gia đình họ, lại càng đắn đo suy nghĩ hơn nữa. Mặt khác, người sinh viên Việt, cũng như những người con trai khác, tuy rất dễ dãi trong khi giao thiệp với bạn gái, nhưng bao giờ cũng thận trọng hơn khi chọn một người bạn trăm năm, nhất lại là một người ngoại quốc. Vì hoàn cảnh bất thuận lợi như vậy, liên lạc giữa người

sinh viên Việt và người con gái Úc, nếu có, thường không đi quá giới hạn xã giao. Chứng cứ là trong khoảng 10 năm từ khi người sinh viên V.N. bắt đầu đặt chân lên nước Úc tới nay trong số hơn 200 sinh viên du học ở Úc mới có một, hai cuộc hôn nhân giữa sinh viên Việt và người Úc trong khi đó có tới 4, 5 cuộc hôn nhân giữa sinh viên Việt với nhau.

Kết luận.

Chúng tôi đã đề cập đến ba khía cạnh chính của nếp sống sinh viên Việt tại Úc. Những vấn đề nêu ra dựa trên những nhận xét tổng quát thu lượm được trong khi lưu trú tại Úc. Vì tổng quát nên lẽ tất nhiên có những trường hợp cá nhân đặc biệt không đúng với những nhận xét trên đây. Những khó khăn chúng tôi nêu ra bao giờ cũng có, mỗi khi người ta đến sinh sống ở một xứ lạ. Đối với các sinh viên Á đông sang du học ở một nước Tây phương, những khó khăn đó thường sẽ nhiều hơn và lớn hơn. Giải quyết hoặc vượt khỏi những khó khăn này tùy thuộc một phần lớn vào khả năng thích nghi và tháo vát của từng cá nhân. Những tổ chức, những đoàn thể có thể giúp ích được phần nào, nhưng cũng không thể đi quá vai trò môi giới. Phần chủ động vẫn phải do người sinh viên giữ.

Tiện đây chúng tôi cũng xin lưu ý các giới hữu trách tới một khía cạnh thường hay bị sao lãng của cuộc sống sinh viên Việt ở Úc : đó là cuộc sống đoàn thể. Từ trước đến nay đã có vài cố gắng để lập một tổ chức sinh viên Việt tại Úc. Những cố gắng đó đều đã thất bại hoặc chỉ thành công rất nhỏ. Vì một

lý do nào đó, người sinh viên Việt ở ngoại quốc phần lớn thích sống với đời sống riêng tư của mình, ít khi chịu hòa mình vào với đoàn thể. Bởi vậy mỗi khi các cơ quan hoặc đoàn thể khác muốn liên lạc với sinh viên Việt hoặc trong những buổi tổ chức quốc tế cần có sự hiện diện của sinh viên Việt, rất khó mà có thể kiếm được một người, hay một nhóm người đại diện có sự ủng hộ của đa số sinh viên.

Một trong những lý do có lẽ là vì thiếu phương tiện và điều kiện: như chỗ hội họp, phương tiện tổ chức những cuộc họp mặt v.v... Những phương tiện này chính phủ V.N., qua tòa Đại sứ ở Úc, có thể giúp đỡ được một phần nào. Chính phủ Úc đã có một cơ quan giáo

dục để trông nom khá chu đáo về đời sống cá nhân của từng sinh viên Việt, thì chẳng lẽ chính phủ Việt lại không thể có những cơ quan hoặc sự trợ giúp tương tự để lo cho đời sống đoàn thể của chính người sinh viên Việt hay sao? Nếu bảo là thiếu phương tiện tài chánh thì lý do đó cũng không vững lắm. Lập một trụ sở nho nhỏ cho sinh viên lui tới đọc báo chí nước nhà, hoặc tổ chức những cuộc họp mặt du lịch thường niên để sinh viên có dịp được gặp nhau trong khung cảnh thân mật, thiết tưởng những khoản chi phí đó sẽ chẳng là bao so với những buổi tiếp tân trọng thể mà tòa Đại sứ thỉnh thoảng tổ chức.

NGỌC VÂN

QUÝ-VỊ HÃY DẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÀM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU

HERMES



LOẠI XÁCH TAY

LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY →



tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1. Đường Nguyễn-Sieu — Téléphone 20.831 — SAIGON

ĐỜI SỐNG SINH-VIÊN DU-HỌC

QUA NHỮNG LÁ THƯ VỀ GIA-ĐÌNH

L.I.S.— Tạp chí Bách-Khoa Thời-Đại xin thành thực cảm ơn các vị phụ huynh đã cho mượn tập thư của các con em mình giúp cho sinh-viên bên nhà những kinh-nghiệm sống động nhất về đời sống của du học-sinh tại các nước ngoài. Những tiêu đề của mỗi đoạn đều do Tòa-soạn ghi thêm cho rõ ràng.

Đời sống du học-sinh tại Hoa-Kỳ

Sinh viên đi bầu

“... Tuần này tại trường nô nức lắm vì là có bầu cử các cơ quan do sinh viên lập nên như Student Association, Senate v. v... Có đến hàng chục ứng cử viên ra tranh cử ! Quảng cáo dán la liệt khắp trên campus, trên tường, trên cây, trên các bức tượng, cắm dưới cỏ, chằng biều ngử, treo trên bóng bay, làm các bảng mạng mắt cáo với giấy màu sắc sỡ viết thành tên ứng cử viên, thật không có thiếu cách quảng cáo tuyên truyền. Một ứng cử viên tên là Tigert đã lấy biểu hiệu là con hổ (Tiger), hình con hổ vẽ khắp nơi, lại có cả một con hổ khổng lồ bằng dạ bày trên sân cỏ. Một người khác tên là Leigh Sanders và trên các tờ quảng cáo của anh ta cứ

thấy năm chữ L.S./M.F.G, tưởng là cái gì bí mật lắm, hỏi ra thì hóa chỉ là Leigh Sanders Means Fine Government (Leigh Sanders nghĩa là chánh phủ tốt) — Suốt hai tuần rồi cứ hết người này đến người khác không ngớt tới nhét giấy quảng cáo dưới cửa vào buồng. Và hết người này đến người khác, tới “nói chuyện” nghĩa là quảng cáo cho mình.

Sinh viên ở đây ham làm “tiểu chính trị” lắm và những ai không đi bầu thì bị tẩy chay. Các dịp bầu cử trong trường bao giờ cũng làm cho toàn thể sinh viên rất sốt sắng. Nên nhớ là “chính phủ sinh viên” (Student government) là một cơ quan tự trị không dính dáng gì tới nhà chức trách cả. Mỗi năm thường bầu vào mùa xuân. Mỗi lớp freshman,

sophomore hay junior bầu cho người lớp trên và các người đặc cử sẽ nhậm chức năm tới (vì vậy mà seniors không bầu. Các người giữ các chức vụ như thế này được chính thức ghi vào học bạ, vì đây là một ưu điểm, một thành tích tốt để được phân phát các danh dự đặc biệt. Chẳng hạn như năm sinh viên nào vừa học giỏi, vừa đã giữ nhiều chức vụ « extracurricular » (nghĩa là không thuộc về sự học) nhất, thì được làm « Bachelor of Ugliness » khi thi bachelor. Con gái như vậy thì được làm Lady of the Bracelet. Mỗi năm chỉ bầu một B. of U. và một L. of the B. mà thôi

Cần mấy phép gia chánh

«... Con muốn xin nhà hai điều :

Một là những người xem Slides về Việt Nam đều rất thích và mong được xem nữa.

Vậy nếu có thể thì xin nhà gửi cho thêm độ bốn, năm chục cái nữa.

Hai là nhiều người mong có thể nấu thức ăn Việt Nam mà con thì chỉ biết ăn chứ không biết cách làm. Vậy xin mẹ hay chị viết cho mấy cái phép gia chánh về phở, mì, cá, gà, kẹo bánh v.v. Con sẽ dịch ra tiếng Anh cho họ. Các cô sinh viên Việt Nam ở đây thì lờ mờ lắm, không thể trông cậy được, cứ có mặc cảm rằng : « Làm làm chi mất công, Mỹ nó không biết ăn đâu, để nó cười cho ấy à ».

Chương trình « Ảnh Hưởng »

«... Thư này xin kể về chương trình tri thức Impact (« Ảnh hưởng ») tại trường con. Chương trình này được tổ chức

mỗi năm, gồm có một số bài diễn thuyết do những nhân vật có tiếng trình bày, mục đích là tăng thêm phần hiểu biết của sinh viên về vài vấn đề quan trọng hiện đại nhất là trong nước. Chương trình năm nay gồm có ông Ray Wilkins, phó chủ tịch phong trào NAACP (National Association for the Advancement of Colored People tức là Hiệp Hội quốc gia tranh đấu cho sự tiến bộ của người da đen), thống đốc Alabama ông George Wallace là hai nhân vật quan trọng nhất. Các người khác gồm có quan tòa William Miller nói về công lý và tư pháp, thượng nghị sĩ Thruston Morton nói về đảng Cộng Hòa hiện đại, kỹ nghệ gia Winthrop Rockefeller nói về vai trò kỹ nghệ và thương mại

Hai bài diễn văn hay nhất do Wilkins và Wallace nói. Wilkins nói trước tố cáo sự kỳ thị chủng tộc tại Alabama ngăn cản dân da đen không cho họ đi bầu và nói bóng gió tới Ross Barnett là cựu thống đốc Mississippi nhưng sự thực là đã đảo Wallace và sự bạo tàn của bọn hiến binh Alabama tại Selma. Ông này nói rất hay và hùng hồn nhưng một cách ôn hòa và phải lý không kêu gọi đến những tình cảm thù hận và thành kiến nhưng lý luận chung quanh quyền lợi và bổn phận của tất cả công dân đến tuổi đi bầu, và giáo dục là điều cần thiết để trở nên công dân tốt và hữu ích.

Còn ông Wallace thì nói dẻo như kẹo, trả lời những câu hỏi trắc trở rất khôn khéo và được cảm tình của nhiều người. Nên đề ý là hầu hết những người da trắng ở Alabama đều thích viên thống

đốc của họ vì ngoài việc kỳ thị màu da ra thì Wallace là một nhà lãnh đạo rất tốt, đã mở mang tiểu bang rất nhiều, xây dựng, khuyến khích doanh nghiệp v.v.

Hôm trước khi G. Wallace tới trên Campus có một phong trào phản đối. Một nhóm sinh viên thảo một tờ trình phản kháng các sự bạo tàn tại Selma kết án Wallace, rồi đem cho ai muốn ký tên thì ký. Hơn nữa nhóm này đeo băng đen ở tay áo để tang những người bị thương.

Ngay sau khi nhóm phản đối ra mặt, một nhóm khác tức khắc họp lại để phản đối bọn phản đối « We protest the protest », viết ra một tờ trình khác chúc mừng Wallace đến trường và mời mọi người ký tên. Hai nhóm đặt bàn giấy bên cạnh nhau, lý luận cãi nhau như mỗ bò suốt ngày.

Một bạn Mỹ

«... Hôm nay con kể về William Pitt cho nhà nghe. Nó mới 16 tuổi là junior tại Greenbier (tương đối với 3è hay seconde trường Pháp) nhưng trông lớn hơn con, mặt còn non. Nó học khá và có thể trội được nếu muốn vì thông minh lắm. Chỉ phải tính lông bông không thích gạo. Về thể xác thì nó khỏe lắm, chơi football ở trường lúc nào cũng nhẹ nhàng, nhanh nhẹn như con chim hay con báo thì đúng hơn. Nhà nó có hàng rào chung quanh, cao hơn một thước, lần nào về nhà nó cũng nhẩy qua rào chứ không đi bằng cửa. Ngay cả lần nó ôm túi đồ đạc của con, khá nặng mà vẫn nhẩy qua rào như không. Khi lên cầu thang nó ôm gói đồ mà cứ leo ba bậc một lúc mới vừa. Có

lần nó nhẩy một cái bầy tám bậc, có khiếp không. Nó chơi football đã bị gãy cùi chỏ tay một lần rồi mà vẫn chơi, vẫn khỏe hơn bao giờ hết. Về tính tình thì nó vui vẻ, thích cười đùa thích nói bông. Có lần lúc nó táo bạo quá, đi xe hơi mà mở cửa thò chân ra ngoài cho thú vị. Nhưng không bao giờ nó chơi nhà cái gì cả.

Nhà nó là một cái trại, có đàn bò nhỏ ngày nào thằng William cũng cho bò ăn cỏ ruộng thuốc lá, nhưng mùa này trơ trụi cả. Nhà tương đối « nghèo » tuy có đủ cả máy lạnh, bếp điện, thu thanh, máy hát, xe hơi. Nhà nhỏ nhưng ngăn nắp. Gia đình có bố, mẹ William và một em gái nhỏ 5 tuổi, Cindy xinh và ngoan lắm. Ông Pitt làm nghề tài xế lái xe vận tải từ tỉnh này sang tỉnh khác. Bà ấy ở nhà nấu nướng, dọn dẹp. Bà Pitt rất tốt, tính chăm chỉ, làm lụng suốt ngày. Cả hai ông bà đều rất vui tính, ăn to nói lớn, dễ thân mật.

Mẹ Pitt muốn cho nó học lên college nhưng chỉ lo không đủ tiền. Về sức học thì nó thừa sức, nên có thể xin được học bổng. Cùng lắm có thể được học bổng về football nếu bằng lòng chơi football tại College.

Nói đến thể thao, trường con dạo này càng ngày càng vẻ vang, đấu đấu thắng đó. Nhất là về Basket ball đang vươn lên hạng số 1 tại miền Nam. Mới hôm nay, thắng Auburn 105 — 77 thì có khiếp không. Khi được 90 cả trường reo hò : « We want a hundred ! » Khi được 100, tất cả trường vang rộ lên : « We're number one ! We're number one ».

Thôi hẹn thư sau.

Quấy Phá

«... Tối thứ ba vừa qua, có một đoàn nữ sinh nội trú đi vòng campus, vừa đi vừa hát đồng ca những bản về Noël, dừng lại trước cửa nhà trú ngụ con trai độ dăm phút rồi lại đi chỗ khác. Tại các dormitories của freshmen thì chẳng xảy ra chuyện gì cả, các anh chàng này chỉ kéo ra cửa sổ xem và vẫy tay.

Nhưng đến khi đến các ngôi nhà của các lớp trên thì các thằng cha ấy nổi cơn khoái trá kéo nhau ra đuổi các cô. Các cô sợ, chạy về tứ giác đài phụ nữ (Women's Quadrangle). Hàng trăm thằng con trai kéo ra bao vây tứ giác đài, hò hét : « We want panties » !

Các thằng quý sứ phá phách mấy nhà chung quanh rồi kéo sang cả Peabody làm loạn bên đó.

Cảm tưởng về Nữ Ước

«... Bây giờ con xin kể một ít về Nữ Ước. Thật là một nơi đáng thăm đối với du khách nhưng con cũng đồng ý với mọi người là không phải một nơi đề ở. Trước hết đời sống mắc mớ lắm, ăn uống tốn hơn gấp đôi ở miền Nam. Sau nữa đời sống, sự giao thiệp tiếp xúc trên đó thiếu hẳn cái nhiệt cảm thân mật niềm nở của miền Nam.

Dân ở đó, ai mặc người ấy, ai đi đường của mình, ngày nào cũng như nhau, đi sát vai ngoài đường, trên xe bus, xe điện hăm nhưng hình như không ai để ý đến ai cả, bầu không khí lạnh nhạt vô tình làm mình cảm thấy bơ vơ hơn miền Nam.

Nữ Ước là một trung tâm thương mại nên con người hình như bị ảnh hưởng của trí vụ lợi, lúc nào cũng chỉ nghĩ làm business. Tại lắm hiệu, họ không cho mình hỏi giá về món hàng nữa. Chiều khách tất nhiên là không có và mới hỏi hai câu họ đã tỏ ra sốt ruột rồi « Listen, young fellow, are you here to buy or to ask question ? We do business here ! » Phần đông là Do Thái, Porto Ricaino hay người xứ khác. Trong các tiệm lớn thì không bị cái giống này.

Có một chuyện khó chịu xảy ra cho con ở New York đã làm con ác cảm với tình này. Cũng vì sự thờ ơ, nghi ngờ trong xã hội New York, các nhà ngân hàng và các hiệu mua bán, tuyệt nhiên không tin cậy ở các nhà băng nào khác ở ngoài vòng thành phố New York. Khi con rời Nashville con mang theo một quyền ngân phiếu của First American National Bank ở Nashville nhưng khi đến New York con vô cùng ngạc nhiên và thất vọng thấy khắp nơi không đâu họ nhận các ngân phiếu đó cả chỉ vì không phải của nhà băng New York. Thành ra con phải viết thư cho nhà băng ở Nashville xin họ gửi tiền lên và trong khi chờ đợi 4, 5 ngày thật là cực, may mà có mấy đứa bạn học ở New York cho vay một ít tiền. Sở dĩ các ngân hàng ở New York như vậy là vì họ bảo con một phần mười các ngân phiếu ký ở New York là giả mạo, hay không có đủ tiền đặt ở nhà băng v.v..

Tóm lại New York không phải chỉ toàn là nguy nga, tráng lệ, đồ sộ, mỹ miều như các người chưa ở đây bao giờ tưởng tượng. Dưới vỏ thu hút du khách,

đời sống ở đây có nhiều khía cạnh xấu xa, khó chịu mà những người chỉ đến để xem tượng Thần Tự Do, Hội chợ Quốc Tế, v.v... không được dịp thấy hay trải qua.

Đời sống miền Nam Hoa Kỳ

«... Con ở đây được gần một năm rồi. Con không tiếc sống ở miền Nam mặc dầu ở ngoại quốc có thành kiến với miền Nam Hoa Kỳ vì vấn đề chủng tộc. Nhưng Tennessee là một xứ rất khoáng đạt, không công nhận phân chia chủng tộc nữa. Dư luận dân chúng ở đây cũng rất tiến triển. Mới đây có một cafeteria gần trường con không chịu tiếp khách da đen, bị bao nhiêu sinh viên và người khác biểu tình phản đối. Những người da trắng con biết đều triệt để tranh đấu cho người da đen. Trường con từ sang năm sẽ có sinh da đen.

Nhưng đề ra ngoài vấn đề chủng tộc, con cảm thấy sống ở miền Nam nước Mỹ có một cái thú đặc biệt. Ấy là tất cả một bầu không khí thuần túy, một lịch sử khác với các miền khác, một truyền thống đầy thơ mộng và màu sắc, một nền văn hóa cổ kính mà dân Dixie bây giờ còn quý chuộng. Tất cả miền nam từ Tennessee trở xuống và từ Mississippi trở ra biển Đại Tây Dương đều có một cái tên đặc biệt gọi là Dixieland hay The Old South. Tất cả những xứ đó đều có một lịch sử chung, đều là xứ của những nhà cựu chủ đồn điền với nô lệ da đen. Họ có một nền văn chương riêng biệt với những nhà văn nổi tiếng như William Faulkner và Mar-

garet Mitchell. Họ nói với một giọng đặc biệt. Họ bây giờ còn bị coi là miền kém mở mang và chậm tiến của Hợp-chúng-quốc vì họ còn phụ thuộc nhiều về nền canh nông trong khi miền Bắc có nhiều kỹ nghệ hơn. Họ khư khư giữ lấy tất cả những gì gọi là thời cổ kính và vẻ vang của nền quý tộc và chiến tranh Nam Bắc. Lá cờ đỏ với chữ X xanh với 13 sao hăy còn biểu hiệu cho Dixieland và nhiều lá cờ tiểu bang bây giờ có lá cờ Confederate ấy trong một góc. Đại tướng Robert E. Lee là anh hùng dân tộc của họ. Họ gọi lại một cách hãnh diện trận đánh Atlanta và phố Peach tree Street.

Nhưng ngoài lịch sử và truyền thống ra, dân miền Nam cũng dễ ưa hơn miền Bắc. Họ niềm nở, thành thật, hồn nhiên, dễ tính hơn. Làm quen với họ rất dễ và cũng rất mau thân. Những đứa mời con về chơi trong những kỳ nghỉ đều là người miền Nam hết. Đường phân biệt Nam và Bắc Mỹ như sau : từ Virginia trở xuống là cả miền Nam rồi. Maryland kể là giữa. Indiana, Pennsylvania, Ohio, Michigan và tất cả New England kể là Bắc. Các xứ phía tây sông Mississippi và Missouri không là Nam hay Bắc mà chỉ là Tây thôi.

Mùa hè ở đây cũng nóng lắm, tuy chưa đến nổi như Saigon. Một ngày có khi phải thay áo hai ba lượt vì mồ hôi mồ hám. Ai cũng mặc quần cộc cả và có đứa ra nằm phơi nắng trên bãi cỏ y như ở bãi biển vậy.

H.

Đời sống du học-sinh tại Pháp

Ngày đầu

Con tới Paris hồi 8 giờ sáng. Đồng hồ trên tay con vẫn chỉ 3 giờ chiều, giờ Saigon.

Mọi người lấy lại giờ mà sao con vẫn tiếc không muốn quay kim đồng hồ, hình như chưa đổi sang giờ mới, thì thấy mình vẫn còn gần gũi bên nhà.

Con về Hôtel Lutèce, số 2 đường Berthollet Paris 5e, và ở chung buồng với một anh bạn.

Qua bên đây, mới thấy rằng việc gì cũng phải làm lấy, mệt quá. Ăn sáng không có nước sôi, anh bạn cùng phòng đã pha sữa với nước máy. Quần áo phải giặt lấy. Ở nhà mẹ lo cho hết cả sương thật. Mới có một ngày mà tính sơ qua đã thấy phải tiêu :

5, 334 NF tiền mướn phòng

6 NF tiền ăn 2 bữa

1 NF tiền ăn sáng

0,5 NF tiền trái cây.

Cho nên phải tiêu ít nhất khoảng 15 NF một ngày. Cứ cái đà này mà không kiếm được một chỗ ở trong trường ngay thì chắc là sạt nghiệp.

Quần áo

Tuyết đã bắt đầu rơi và trẻ con đã làm glissade. Lần đầu tiên được xem tuyết cũng thấy thích. Phong cảnh trắng xóa, trên mái nhà, trên cành cây, trên mặt đất, đâu đâu cũng có tuyết. Các em chắc tò mò muốn biết tuyết ra sao. Nếu các em mở Frigidaire ra thì thấy tuyết bao phủ ngăn đá. Tuyết thật cũng vậy nhưng đẹp hơn nhiều, đẹp lắm vì nó hình các cristaux đều đặn cân đối.

Con lấy làm lạ là giày của con chóng mòn quá. Mới đi hơn một tháng mà đã cong vẹo và thủng đế. Các bạn đều bảo giày đóng cái kiểu công tử bên nhà không chịu được mùa rét bên này, lạnh

Sách của nhà xuất bản Sáng Tạo

Doãn Quốc Sỹ : Ba Sinh Hương Lửa 80đ — Dòng Sông Định Mệnh 40đ
Trái Cây Đau Khổ 40đ — Gìn Vàng Giữ Ngọc 44đ — Người Đàn Bà Bên Kia Vĩ
Tuyến 110đ — U'hoài 40đ **Nguyễn Sỹ Tế :** Chờ Sáng (Hết) — **Tuệ Mai Trần Gia**
Thơ Tuệ Mai 50đ — Không Bờ Bến 40đ — **Mai Thảo :** Bản Chúc Thư Trên Ngọn
Đỉnh Trời 50đ — **Thanh Tâm Tuyền :** Khuôn Mặt 40đ — Mặt Trời Tìm Thấy 50đ
Duy Thanh : Lớp Gió 52đ — **Minh Đức Hoài Trinh :** Bơ Vơ 52đ — Hồn 44đ
Mơ 30đ. — Thư sinh 40đ. — **Vĩnh Lộc :** Đôi Cánh Gây Của Thiên Thần 42đ. —
Thế Viên : Khuôn Mặt Của Chúng Ta 50đ.

Mới cho phát hành trong tủ sách Ý THỨC

THẢO LUẬN : Bản thường 52đ. Bản quý 100đ Bốn cuộc thảo luận thanh toán với thể hệ trước khơi mở một con đường mới cho nghệ thuật hôm nay, một nghệ thuật mang trong nó sự vận động biện chứng của hủy diệt và sáng tạo.

Các bạn ở xa có thể viết thư về cho nhà xuất bản Sáng Tạo 133 Võ Tánh Saigon hay cho Doãn Quốc Sỹ 338/60B Thành Thái Cholon các bạn sẽ nhận được sách gửi bảo đảm tận nhà.



vào buốt thấu xương và rất dễ rhumatisme.

Đôi gants ở nhà mua cho cũng vậy, trời mát mà đã thấy buốt tay rồi. Bố mẹ bên nhà may quần áo cho các con cứ may complet, già quá mà chẳng mấy khi mặc tới veston cả. Tụi Pháp bên này ăn mặc sộc sộc lắm nhưng rất sạch sẽ. Thường thường là Sweater bên trong, chandail hay blazer bên ngoài. Trong khi đó con đánh bộ bleu-marine, cravate, trông lụ khụ như một ông cụ non.

Nhất là các cô Việt Nam mới sang nhiều cô may sẵn quần áo đầm ở nhà lúc mang ra diện ở giữa tụi đầm thật, quần áo mới toanh mà sao trông đã có vẻ cũ kỹ, dùm đó — Có cô tuyên bố tiếc cay tiếc đắng vì may nhiều bộ mà démodé quá sức, nhiều khi sợ mặc cỡ không dám bận ra đường.

Sang bên này con chưa hót tóc lần nào cả vì mất 6 NF + 1 NF pourboire là 7 NF, hơn trăm bạc V.N., trong khi đó nhỏ, tảo có 1,4 NF một kí. Râu mọc lung tung, tóc phủ gần kín nửa tai nhưng ăn nhỏ sượng hơn. Khi nào trông nham nhở quá, thì con lấy rasoir de sûreté Ba cho con, con đem ra phát bờ qua loa cho tạm gọn mắt.

Vào nội trú

Con đã được vào ở trong trường, như vậy nhiều vấn đề đã được giải quyết. Con ở box 27 dortoir số 4. Mỗi box có giường riêng, bàn học, tủ sách, có đèn, có chauffage nên confort lắm. Cơm tây rất ngon và mỗi ngày mỗi đôi món ăn. Chiều có goûter, còn sữa tươi thì uống thả cửa.

Giờ ra chơi, con chơi Ping Pong. Tụi chúng nó ưa Rugby và Foot Ball. Nhưng con chơi không lại. Tuy là đội bóng của một Lycée nhưng chúng chơi với một kỹ thuật rất cao vì trường có entraîneur riêng. Trái lại Ping Pong thì chúng nó chịu con lắm. Con chưa thua trận nào đến bây giờ. Mỗi lần đấu, chúng mang ra một "vô địch" nhưng cứ thua hoài. Bọn Tây nhỏ các lớp dưới thích con lắm vì tới nay bọn lớn vẫn thường đề bẹp chúng, nay thấy con đánh lại, chúng supporter vang trời.

Tụi nó hay hỏi về Géographie du Việt Nam. Tụi nó curieux lắm. Chúng đọc trong báo thấy tên một địa điểm nào lại nhờ con situer trên carte. Nhiều tên con cũng bí vì con dốt cũng có, nhưng đôi khi là vì báo Tây viết trật.

Đêm đầu tiên nằm trên dortoir ngủ không được. Con nhớ những đêm lạnh buốt vào tháng này ở Saigon mà con nằm với em Long, thấy nó co quắp cứ phải nhường chỗ cho nó ấm, ban đêm nó đạp chẵn đi, lại phải thức giấc đắp lại cho nó. Những phút đầm ấm đó, con không thể tìm thấy ở đây và con biết khi con về thì cũng không thể sống lại những phút như vậy.

Lúc xếp quần áo vào tủ, con nhớ Má không thể tưởng tượng được. Con nhớ đôi bàn tay của Má đã sửa soạn cho con lúc con ra đi, đôi bàn tay đã nắn nót gấp từng cái mũ xoa, vót từng cái tấm tre cho con, đôi bàn tay đã vuốt ve con từ khi con còn nhỏ đến bây giờ.

Con còn nhớ dáng điệu vội vàng của Má khi con lên máy bay rồi mà Má còn gạt mọi người ra chạy từ mái hiên

trong phi trường ra sân bay. Họ không cho Má bước lên cầu thang, con phải chạy xuống mấy bậc, Má đưa hai tay vươn lên và con ôm chặt đôi tay của Má, con hôn lên đôi bàn tay đó, bây giờ nghĩ lại con còn cảm động đến phát khóc. Khi đó, Ba có vẻ bình tĩnh hơn những con còn nhớ lúc Ba nói với con : « Con đi nhé, cố lên con », giọng Ba như muốn vỡ ra trong tiếng động cơ nổ rền.

Chọn đường

Vấn đề đặt ra cho tất cả các sinh viên mới đỗ Tú tài là chọn đi đường nào. Ở Pháp có 3 đường chính, mà đường nào cũng chật. Sinh viên người Pháp kiếm được chỗ cũng khó khăn nên phụ huynh họ tức : « Nos fils n'ont même pas de places dans les lycées alors que les étrangers volent toutes nos places ».

1/ Con đường thứ nhất là vào ngay năm thứ nhất một trường kỹ sư như ghi tên vào I.N.S.A. ở Lyon hay Tonluse hay học các trường Mécanique, Textiles Vào được ngay thì lợi nhất vì học như thế này chỉ 4 năm là ra trường và được các xí nghiệp dùng ngay. Đối với gia đình mình thì con đường này thực tế nhất vì con nghĩ 4 năm nữa ba mẹ phải lo cho em Long rồi.

Vào trường nào cũng phải giỏi Math. Ngoài ra theo các ngành Mécanique, Bâtiment, Electronique thì phải giỏi Physique, theo các ngành Dệt, Nhuộm giấy, Canh nông thì phải giỏi Chimie.

Ở bên này có đủ loại trường Ingénieurs, đủ loại trình độ cho đủ loại học sinh. Mà lương chênh lệch nhau rất ít sau

khi ra trường : Một kỹ sư passable : 1200 NF — Một kỹ sư giỏi 1600 NF.

Tuy nhiên con đường này đối với con hơi muột vì trễ ngày inscription rồi. Dầu sao con cũng cố, được thì càng tốt.

2/ Con đường thứ hai là học *Math Sup* rồi lên *Math Spec* tức là học những năm dự bị để thi concours vào các grande Ecoles (Polytechnique, Centrale...)

Con xem qua chương trình Math Sup thì thấy có thể theo được. Nhưng vấn đề đặt ra không phải là mình có theo được hay không. Nhưng liệu có nhiều thẳng theo dễ dàng hơn mình không? Vì mình thi concours chứ không thi examen d'entrée.

Hiện giờ ở Pháp có 4 trường học Math Sup rất tốt là Saint Louis, Louis Le Grand, Janson de Sailly và Henri IV.

Các thống kê về concours thì cho biết rằng tỷ lệ đỗ so sánh giữa các Lycée ở Paris như sau : Louis Le Grand 70 phần trăm. Saint Louis 60 phần trăm còn Henri IV và Janson de Sailly 20 phần trăm.

3/ Con đường thứ ba là học *Faculté* Học khó hơn vì học trò rất đông mà lớp không đủ chỗ học. Tuy vậy không phải vì thế mà mình không theo được. Bằng chứng là nhiều người khác theo được. Có 2 cái lợi ở Fac.

a) Nếu thi đậu MPC hay MGP thì có thể vào năm thứ hai nhiều trường ENS mà theo được như thường. Có thể vào INSA thi concours vào Arts et Métiers, vào các ENS Hydraulique Métallurgie, Mécanique de Grenoble và các trường ingénieurs khác.

b) Học xong được Licence ở Fac, thì nếu có licence rồi được admis sans concours theo ordre de mérite vào năm thứ hai grandes écoles.

Faculté khác Math Sup ở cái gì?
Học Math Sup là đi vào một con đường gập lợc ghê gớm. Theo các sinh viên đã thi concours thì theo con đường Math Sup là chơi quitte ou double. Trượt grandes écoles thì coi như mình không có gì trong tay cả.

Trong khi đó Faculté là một trò chơi ăn chắc hơn nếu học hành thật đều đặn (MPC hay MGP mất 1 năm, licence 3 năm)

Mỗi năm có hàng trăm sinh viên Việt Nam thi vào concours grandes écoles mà chỉ đầu độ 20 người là cùng. Cho nên con rất lo. Đắm đầu vào Math Sup mà không lường sức chẳng khác gì một suicide.

Cũng có anh học ngoài chẳng có gì vào Math Sup mới vỡ rồi bứt đi luôn thật hay. Con thì không biết đã vỡ chưa, hay là có cái gì để vỡ không vì con rất tardif về đủ mọi mặt.

Ngoài ra mỗi người chỉ được thi 4 lần một concours nào thôi. Có một sinh viên kỳ cựu người Pháp cho con một kinh nghiệm :

« Les parents s'efforcent à croire que leurs enfants sont forts en Math. Ceux-ci font Math Sup naturellement, font 2 ans de Math Spec (95 pour 100 redoublent leur année de Math Spec) arrivent aux différents concours très bien préparés. Malheureusement, bien qu'ils soient déjà très bien préparés, beaucoup trop d'autres étudiants sont beaucoup

mieux préparés parce que ceux-ci sont vraiment doués. Et ils perdent 4 ans aux concours en vain.

Après 7 années de lutte courageuse, ils sont forcés de tout recommencer c'est à dire commencer la Fac. Et bien qu'ils soient du niveau de la Licence ils perdent encore 3 années pour l'avoir. Avec cette licence ils sont automatiquement admis en 2e année dans une grande école et obtiennent le diplôme d'ingénieur 3 ans plus tard.

Ils ont perdu en tout 13 ans pour un diplôme d'ingénieur !!! C'est incroyable mais c'est la vérité pour 30 pour 100 d'étudiants qui ne se connaissent pas et qui font un choix trop hâtif après leurs études secondaires. »

Con viết vậy nhưng con không có ý định chùn bước đâu. Con sẽ hết sức cố gắng là đằng khác. Con hơi chán cơm tây rồi, lúc nào cũng thấy pomme de terre.

Các đồ Má xếp cho con, con giữ kỹ lắm. Vì con biết còn lâu lắm mới được Má chăm lo cho con như vậy.

Kiểm tiền

Con chỉ còn có 47,5 NF. Con cố gắng hà tiện để khỏi phải tiêu nhiều. Về Paris mỗi lần đắt quá (vé xe lửa đã mất 6 NF chưa kể tiền métro từ ga tới nhà correspondant). Muốn ở lại trường cũng không được. Chỉ có cách xin ông curé de village cho ngủ nhờ để khỏi mất tiền hotel. Con sẽ giúp ông ấy trong những công việc lật vạt như chép écritures saintes v...,v... Ông ấy đã nhận lời nhưng con xem lỗi kiểm ăn

này cũng không xong, vì ngủ như thế dễ pneumonie lắm, đêm thì lạnh mà nhà thờ không có chauffage.

Con phải làm lại budget mới của con và rút tiền blanchissage. Tiền này nặng lắm. Con đành phải giặt lấy vậy. Đêm đêm, chờ bọn surveillants ngủ hết, con lên giặt quần áo. Xong đâu đấy, mang ra phơi ở trên cái radiateur (chống khô lắm) rồi lại phải nhớ trước khi mọi người dậy, trở ra đem hết quần áo cất đi.

Noël vừa rồi nghỉ vài ngày, không có cách nào khác là phải trở về Paris. Nhưng con đã kiếm được việc làm. Mà kiếm được là vì con vừa quá 18 tuổi, dưới tuổi đó nó không nhận. Số là ông Malraux, bộ trưởng văn hóa Pháp có ý kiến cao tường và rửa tượng cho bộ mặt thành phố đẹp đẽ hơn. Rửa tượng là phải chuyên môn rồi vì đó là các công trình mỹ thuật không thể làm ẩu được. Cho nên con xin đi cao tường. Buổi sáng đi métro rồi cuộc bộ tới chỗ hẹn, nó chở camion đi đến chỗ làm. Làm 8 tiếng rưỡi một ngày, lương 30 NF một tiếng nhưng nó trả cho cả pourboire, thành ra mỗi ngày kiếm được 3 NF. Cuộc đời lên hương quá. Buổi trưa nghỉ tại chỗ, déjeuner bánh mì và cá hộp.

Mỗi một kỳ nghỉ dài ngày, bọn Pháp thì tung tăng về với gia đình hay đi xa chơi. Mình được nghỉ thì lo. Con đã chuẩn bị được một chương trình cho Pâques và grandes vacances rồi. Pâques con đi làm Stage de moniteur de colonie de vacance ở Château de Vaugrigneuse Họ nuôi ăn ở, mình học cách cắm trại

và tổ chức trại hè. Như vậy đến nghỉ hè con sẽ đi coi các trẻ em đi cắm trại ở gần Bordeaux.

Thế là tạm giải quyết được cách sinh sống trong những ngày nghỉ. Còn nếu cứ ra Paris mà nằm hotel thì vừa chán vừa cạn túi rất chóng.

Đời Taupe

Con càng ngày càng bận, và càng ít thì giờ để viết thư hơn. Đời sống vật chất của một sinh viên nội trú thật là dễ chịu, nhưng đời sống tinh thần thật là pénible. Chỉ sợ crise nerveuse đến lúc nào mà không biết thôi. Vì tối ngày chỉ có Math và Physique chưa passer colle này thì đã vào colle khác. Có hôm con passer 3 colles một lượt. Vì xong collé Physique đã phải chạy tốc phở đến phòng collé Math. Ở Math ra phóng vội đến phòng Anglais. Thành ra chẳng biết đời sống bên ngoài là gì hết, sống toàn với những thằng Matheux, tối ngày chỉ raisonner trong bữa cơm, trước khi đi ngủ, ở vestiaire, lúc đánh răng, khi rửa mặt, trong cầu tiêu vân vân...

Colle là gì ? Colle là interrogation hàng tuần do các giáo sư trường khác đến quần mình trong 30 phút. Le colleur peut vous demander n'importe quoi dans le programme.

Chưa hết composition nọ đã tới composition kia. Ở secondaire một năm 2 compositions de Math, ở classes sup một năm 12 compositions. Đặc biệt hơn là devoirs sur feuille thi cho ngày thứ bảy, thứ hai phải góp, thế là mất bég ngày chủ nhật.

Cho nên con nhận được nhiều thư

mà chẳng biết đến bao giờ có thể trả lời. Thầy giáo cũng chẳng rỗi hơn học trò và thật ra chẳng ai có thì giờ lo cho người khác. Con xin tĩa việc con làm ngày thứ bảy và ngày chủ nhật.

Thứ bảy : colles từ 2 giờ trưa đến 4 giờ 30 ; 4 g 30 đến 5 giờ : chạy ra phố mua giấy đề học cho tuần sau. Trở về học đến 7 giờ chơi một lát 8 giờ ăn cơm tối, 9 giờ lên dortoir. Học đến 12 giờ. Ngủ.

Chủ nhật : được dậy muộn.

9 giờ 15 : ăn sáng.

9 , 30 đến 12 giờ : Math.

12 giờ cơm trưa rồi chơi đàn (con chơi guitare).

1 giờ : Math và Chimie.

3 , 30 đến 4 , 30 : Television

5 giờ học đến lúc ăn cơm tối.

9 giờ lên dortoir học đến 11 giờ 30. Từ 11 giờ 30 đến 12 giờ viết thư về nhà.

Đó là ngày chủ nhật. Các ngày khác bận hơn nhiều. Vì vậy mà người ta gọi bọn con là Taupe, một con vật sống trong hang không biết ánh sáng là gì.

Math Sup. là Hypo taupe.

Math Spec. là Taupe.

Nhớ nhà lắm nhưng cũng đành phải viết ít vì trong vài phút nữa thì họ tắt đèn dortoir. Còn phải đi rửa tay chân trước khi đi ngủ.

Bonne nuit cả nhà. Tim con lúc nào cũng đập gần tim ba má và các em.

T.

Đời sống du học-sinh tại Nhật-Bản

Tối đất Nhật

Con tới Tokyo hồi 11 giờ đêm, giờ địa phương tức là 9 giờ tối ở Việt-Nam. Tòa Đại sứ Việt-Nam không cho ai ra đón và hướng dẫn cả nhưng may có đại diện Bộ Ngoại-giao và Quốc-gia Giáo-dục Nhật-Bản ra đón và đưa ngay về Quốc-Tể học hữu hội quán » (International Student house) Ở đây các sinh viên các nước xúm vào giúp đỡ con mọi thứ, và

lo cho con ăn tối. Restaurant của hội quán đã đóng cửa, nên bữa cơm ra mắt chỉ có hai quả trứng luộc và một cốc nước lạnh nhưng vô cùng cảm động.

Hội quán là một nhà building rất rộng cất trên một khoảng đất chừng hai mẫu vườn giồng thông và anh đào, chia ra từng khu Á Châu, Âu Châu vân, vân...

Mỗi sinh viên được một buồng riêng gồm 1 giường với ba chiếc chăn bông, bàn

học, tủ, lò sưởi, nước dùng có hhi vôi một nóng một lạnh, telephone dùng thả cửa và television ở foyer và restaurant.

Phải nói rằng người Nhật đã coi sinh viên như những người khách quý. Chính hai ông đại diện Bộ Giáo-dục và Ngoại giao Nhật đã xách va-li cho con, đường ra chỗ xe đậu thì xa, hai cậu cả xách không nổi, bèn vác lên vai như phu gạo bất kể pardessus, veston, cravate.

Ăn uống ở đây rất rẻ, mỗi bữa ăn mất chừng 70 yên. Mỗi ngày họ bắt buộc sinh viên phải ăn ba bữa. Thức ăn chỉ có một món nhưng đầy đủ, buổi tối có thêm đĩa súp. Tráng miệng táo cam rất rẻ, con sẽ cố gắng ăn nhiều trái cây cho mẹ bằng lòng. Các cô hầu ở restaurant trông cũng tầm tàm. Nhờ cái gì cũng Ari gato goazimasu. Xin cảm ơn ngài.

Học chữ Hán

Năm đầu tiên chỉ học chữ Hán và tiếng Nhật. Con đã bỏ bao nhiêu cuộc đi chơi do Trường, do Hội quán, Hội Bảo Trợ sinh viên, các tòa báo lớn như Asahi và Mainichi tổ chức đi mà vật lộn với những thứ chữ ngòong nghèo này. Mấy thằng cha sinh viên Mỹ, Miến-Điện, Tích-Lan thử nhiều chuyển rồi nhưng kham không nổi chúng bèn học qua sách tiếng Anh tuy sách tiếng Nhật rất nhiều và dĩ nhiên rất tốt. Đối với chúng sự học chữ Hán thật là một vấn đề nan giải. Còn đối với con, tuy sự học chữ Hán rất khó nhưng nhờ ở giòng máu dân tộc « được » người Tàu đô hộ mấy ngàn năm nên đến ngày nay vẫn còn một vài phần tử của chữ Hán lưu thông trong huyết quản nên sự học tương đối cũng còn dễ

hơn to với mấy đứa kia – không biết đó là một điều đáng tự hào không ?

Dầu sao con hy vọng rằng nếu tinh thần này mà còn giữ được thì đến năm thứ ba con sẽ dùng được sách khảo cứu về ngành học một cách rất thấu triệt.

Chị ở nhà có muốn diện Kimono không ? Em sẽ gắng để dành tiền mua biếu chị một áo.

Bị phỏng vấn

Con vừa đi xem thành phố Hiroshima về. Lành phố này hầu như không còn dấu vết gì của bom nguyên tử nữa, nhưng đến khi tới căn nhà độc nhất còn sót lại đến ngày nay và viện tàng trữ những tàn vật thì các phóng viên nhà báo vác máy ảnh sờ tay vào phỏng vấn các sinh viên. Về cảm tưởng khi trông thấy những di tích này con đã trả lời :

«Đối với tôi những di tích này là bằng chứng sống động và cảm động cho chúng ta biết cái thảm họa của chiến tranh. Thành phố Hiroshima không còn một vết tích tàn phá nào của bom nguyên tử đã khiến du khách khâm phục sức kiến thiết của người Nhật. Sức kiến thiết này còn mạnh mẽ hơn sức tàn phá nguyên tử».

Tưởng nói cho qua mà thôi, ai ngờ về đến Tokyo thấy báo đăng nguyên văn lời mình «tuyên bố» và nhà báo gửi đến tặng một món quà kỷ niệm.

Rút kinh nghiệm này, du học sinh đi đâu cũng phải chuẩn bị trả lời các cuộc phỏng vấn cả.

Tái gầu và cá lụi

Hiện giờ thì vấn đề ăn uống đã quen

nên tạm dễ chịu, nhưng chưa và có lẽ không bao giờ quên được món phở tái gầu và nhất là món cá lụi của mẹ. Đã nhận được mứt mẹ gửi cho đề ặn tết rồi, nhưng nào có chờ được Tết. Nhận được vào lúc 11 giờ thì đến gần 1 giờ đã hết nhãn. Có ăn hết một lúc thế mới cảm hết được cái thơm thường những món ăn xứ sở nhất là những món do mẹ nấu.

Người Bách-Khoa

Mấy ông giáo sư của con vừa giúp đỡ con lập một phòng thí nghiệm nhỏ ngay trong phòng ngủ con bằng cách cho những dụng cụ cần thiết như kính hiển vi, đồ mổ sẻ, hộp nuôi cá và những loại cá mẫu vân vân.

Tuy ngành chuyên môn theo học là ngư nghiệp nhưng con bắt đầu thấy thiếu sót về sự hiểu biết đại cương quá. Khi ở bên nhà vì ngoại ngữ không được thông thạo, vì cách học đề thi lấy bằng tú tài hay đúng hơn vì hoàn cảnh học nên đã đọc ít quá những sách có tính cách đại cương nhất là kinh tế, chính trị, triết học, lịch sử thành ra ngay trong ngành học chuyên môn của mình cũng thấy vấn đề suy nghĩ bị giới hạn lại nhiều. Con mong các em, các cháu con sẽ tránh được trường hợp của con. Thiếu những hiểu biết khác ngoài vấn đề chuyên môn con người sẽ chỉ còn là bộ phận phụ thuộc của máy móc. Đáng rằng trước sự phát triển của văn minh hiện tại, con người không thể thành người « bách khoa » nhưng thiếu « bách khoa » giá trị của con người chỉ còn là giá trị của cơ khí.

Thực tập

Hôm nay con đã về tới Tokyo sau

gần một tháng trời thực tập ở ngoài bề. Nếu mẹ gặp con lúc này chắc không thể nào nhận ra được vì da con cháy nắng đen đến độ mà mấy sinh viên Ấn độ và Tích lan cũng phát sợ. Gần một tháng trời, ăn cơm với dưa hoặc cá mèi khô, kéo buồm, vá lưới, con tưởng con phải xuống cân rất nhiều, ai ngờ về cân lại thấy lên được một cân.

Ngoài những kỹ thuật đánh cá, định vị trí cá, kỹ thuật lái thuyền đi bề, còn học được nhiều thứ khác. Trước hết bây giờ con bơi một cây. Thuyền về gần cập bến, còn chừng ba cây số nữa là họ quảng mình xuống nước phải bơi vào, khi tới nơi nước mặn làm đôi mắt sưng bằng hai quả ổi.

Nhưng cái đáng kể nhất là học tinh thần tập thể, tinh thần chỉ huy và đời sống thực tại của dân chài. Điều sau này con cho là quan trọng nhất để tìm hiểu đời sống của họ cũng như học hỏi thêm những kinh nghiệm mà chỉ họ mới có.

Con đã lặn xuống đáy bề nhiều lần. Ở nhà không thể tưởng tượng dưới đáy bề đẹp như thế nào. Nếu bình hơi mang theo không có giới hạn thì có thể nói những ai đã đeo bình hơi lặn xuống đáy bề đều không muốn lên nữa. Cái đẹp dưới đáy bề có cái đặc biệt là vô cùng yên tĩnh thành ra tuy mình thở mà luôn luôn tưởng là đang mơ. Các màu sắc ở dưới đó là những màu không tìm thấy trên mặt đất. Ngay những khoảng hoàn toàn đen tối cũng đẹp đến ghê rợn. Ở những chỗ nông hơn thì ánh sáng mặt trời bị những sóng lăn tăn trên mặt biển phân ra thành nhiều màu và

phóng xuống thành hàng hà vô số những cầu vồng nho nhỏ thay đổi vị trí và kích thước luôn luôn. Cứ nhìn cái đó không thôi cũng không bao giờ chán được ấy là chưa kể còn gặp những thứ cá đủ các màu uốn éo lách qua những cụm san hô trắng phau hay những ngọn cỏ, sợi rong xanh biếc...

Ngọc trai

Con vừa dọn sang một căn nhà mới. Nhà này dành cho những chuyên viên đang tu nghiệp nghiên cứu thêm nên ít người và tĩnh hơn. Ai nấy cặm cui với công việc của mình nên không có thì giờ tán dóc.

Ngày mới ra đi khăn gói chỉ có một cái va-li thể mà lần này dọn nhà đã phải dùng một xe vận tải. Ngoài cái phòng thí nghiệm "bỏ túi," còn lại toàn là sách vở báo chí. Điều lạ nhất là tuy lắm sách như vậy mà vẫn dốt như bò!

Con đang đề ý nhiều về cách làm ngọc trai vì theo những điều con đọc được trong sách vở thì ở bề Việt Nam có những loại trai Bạch điệp và Hắc điệp có thể cấy ngọc được. Về nhiệt độ của nước biển và về khí hậu thì bề Việt Nam có lẽ thích hợp hơn bề Nhật Bản. Thật vậy ở đây, vấn đề thời tiết và bão tố là một mối lo ngại cho các nhà cấy ngọc. Hàng năm cứ đến mùa rét người ta phải đem những trai đang nuôi ở những khu bề miền Bắc xuống miền Nam để chạy rét và năm nào có bão nhiều là mất mùa ngọc trai. Tại Việt Nam, không lo chạy rét và bão tố có lẽ cũng ít hơn ở đây.

Làm được ngọc, chỉ lâu chứ không khó. Cái khó là từ chỗ có ngọc làm thành

những chuỗi hạt đẹp. Thi xong nhân dịp nghỉ xuân con sẽ đi Kobe để học trong một hãng làm ngọc của gia đình một người bạn vì thương mại và kỹ nghệ khác ở trong phòng thí nghiệm nhiều. Hiện nay ở trường con cũng có nuôi ít trai cấy ngọc nhưng chắc chúng không sống được cho đến khi làm thành ngọc vì nước biển hút về trường không đủ những điều kiện cần bản và hơn nữa chúng là vật để thí nghiệm nên suốt ngày cứ bị hết ông nọ đến ông kia mò lên dỡ ra xem có ngọc chưa, trông đến tội nghiệp!

Giới thiệu bạn

Con xin thân trọng giới thiệu với mẹ, người cầm lá thư này là cô Ogura, một người bạn của con, sinh viên ban Bác sĩ (Ph. D.) về nông nghiệp kinh tế ở cùng trường với con.

Nay cô Ogura được học bổng của chánh phủ Ai Cập để sang học và gom góp tài liệu viết luận án. Vì đã được sống ở Hội quán với nhiều sinh viên các vùng Đông-Nam-Á-châu nên cô có ý định đi thăm các nước này trên đường tới Ai Cập. Cô Ogura sẽ lưu tại Saigon khoảng từ 2 cho tới 3 ngày, cô nghĩ ý muốn con giới thiệu với mẹ để được ở đằng nhà vì là con gái nên muốn được nghỉ tại những gia đình quen biết hơn là những khách sạn. Và lại là sinh viên nên số tiền kinh phí không có là bao mà nghĩ tới chuyện ở khách sạn.

Con cũng biết nhà vừa bạn vừa đông người, chật chội, lại ngôn ngữ bất đồng, có thể có nhiều phiền phức. Song việc tiếp đãi sinh viên cần thành thực không

cần trang trọng nên con ước ao gia đình ta sẽ giúp cô Ogura như những gia đình ân nhân người Nhật đã giúp con, không những cơ hội ăn học thành người mà còn cả tình cảm trong khi con xa mẹ và các anh các chị. Con không thể nào quên được các bà mẹ Nhật ngày nghỉ tới Hội quán vá quần áo cho con hay ngồi làm những món đồ trang trí gửi về biếu mẹ ở Việt Nam.

Con tha thiết mong mẹ các anh các chị đón tiếp cô Ogura và giúp cô ta những cơ hội tìm hiểu văn hóa và phong tục Việt Nam.

Gần một tháng nay sinh viên Việt Nam tại Nhật-Bản có tổ chức cuộc lạc quyền, cứu trợ đồng bào nạn lụt miền Trung. Kết quả là tiền và phẩm vật quyền được lên tới gần một triệu yên. Dem chia cho số nạn nhân bên nhà thì mỗi người chưa được 1 yên. Song của ít lòng nhiều. Anh em chúng con biết rằng việc làm của mình chỉ như muối bỏ biển nhưng đã tích cực làm vì xa nhà nghĩ đến đất nước, lòng thật xót xa.

N.

SÁCH MỚI

Bách-Khoa T.Đ. đã nhận được :
— **Khúc nhạc đồng quê**, do Đào-Đặng-Vỹ dịch «La Symphonie Pastorale của» André Gide và dịch giả tặng. Sách dày 144 trang.
Giá 40đ.

— **Đêm xuân trăng sáng** tập truyện của Võ-Phiến do Thời-Mới xuất-bản và tác-giả gửi tặng. Sách dày 172 trang, in lần thứ hai, gồm 4 truyện : Lẽ Sống, Tâm hồn, Anh em, Đêm xuân trăng sáng, bản đặc biệt không đề giá.

— **Kẻ tình nguyện** tập truyện của Lê-Tất-Điêu do Thời Mới xuất-bản và tác-giả gửi tặng. Sách dày 93 trang, gồm 5 truyện : Kẻ tình nguyện, Con đường xuống, Lớp học trưa, An ủi, Ánh sáng trong

bóng tối. Bản đặc biệt không đề giá.

— **Năm văn-sĩ Hoa-Kỳ**, nguyên-tác cuốn The America Writers, dịch-giả Lê-Bá-Công và Bửu-Nghi do Ziên-Hồng xuất-bản và gửi tặng. Sách dày 270 trang, gồm thân-thể và sự-nghiệp của 5 nhà văn Hoa-Kỳ : W. Faulkner, E. Hemingway, F. Scott Fitzgerald, T. Wolfe, K. Anne Porter.
Giá 30đ.

— **Tơ vương**, tập thơ của Vân-Nương do Quỳnh-Dao xuất-bản và gửi tặng. Sách dày 140 trang, bìa và phụ bản của Phương Mai. Bản thường 45đ. Bản đẹp 90đ.

Trân trọng cảm ơn các tác-giả, dịch giả trên đây và xin ân cần giới thiệu cùng bạn đọc BK.TĐ.

Phỏng vấn về vấn đề du-học

L.T.S.— Vấn đề du học đã gợi ra rất nhiều thắc mắc như bạn Vũ-Bảo đã nêu ra trong bài giới thiệu số báo đặc biệt này. Những thắc mắc ấy tất nhiên không thể giải đáp được bằng vài ba bài báo. Để bù lại phần nào chỗ thiếu đó, chúng tôi dự định phỏng vấn một số lớn nhân vật hoặc có trách nhiệm, hoặc vẫn hằng lưu tâm đến vấn đề du học đề trình bày cùng bạn đọc một số quan-niệm và kinh nghiệm về du học. Nhưng vì muốn hoàn thành số báo gấp rút cho kịp với mùa du học đã bắt đầu nên chúng tôi chỉ mới tiếp xúc được với mấy vị giáo-sư Đại-Học. Chúng tôi mong sẽ có dịp trở lại vấn đề lớn lao trên đây trong một cuộc phỏng vấn khác rộng rãi và đầy đủ hơn.

1.— PHỎNG VẤN G.S LÊ-XUÂN-KHOA, Đổng-lý văn-phòng Bộ Văn-Hóa Giáo-dục.

HỎI 1 : Thuyết trình viên về chế độ học bổng và du học sinh, trước Hội Đồng Quốc-Gia Giáo-Dục ngày 27-3-65 có kết luận rằng «khuyết điểm căn bản : chế độ học bổng ngoại viện và du học sinh cơ hồ như vô chính sách, vô kế hoạch... » và yêu cầu «đề ra chính sách hợp lý», vậy xin ông cho biết tình trạng học bổng ngoại viện và du học sinh từ trước đến nay thế nào và theo ý ông thì vấn đề trên đây phải quan niệm ra sao để có thể đề ra một «chính sách hợp lý» không những thích hợp cho hoàn cảnh chiến tranh hiện tại của đất nước mà còn thích hợp cả với lúc hòa bình trở lại sau này nữa.

2 : Xin ông cho biết những kinh nghiệm riêng của ông, hoặc những nhận xét riêng của ông về việc học tập và lưu trú ở nước ngoài.

TRẢ LỜI 1. Trong tháng Năm vừa qua, Ủy Ban Kế Hoạch tại Bộ Văn-Hóa Giáo-Dục đã soạn thảo một dự án về chính sách du học để trình lên Thủ-tướng và xin đưa ra trước Hội Đồng Chính Phủ trong một kỳ họp rất gần đây. Tôi xin tóm lược một vài điều chỉnh của dự án ấy.

Trước hết, nhận xét về tình trạng du học từ trước đến nay, chúng ta thấy có nhiều khuyết điểm lớn :

— Thứ nhất là bất công : Nếu xét thành phần xã hội của du học sinh hiện nay, dầu là sinh viên được học bổng hay tự túc, thời sẽ thấy phần đông thuộc gia đình khá giả hoặc có địa vị. Con nhà giàu đi du học tự túc là lẽ dĩ nhiên, nhưng có những trường hợp con nhà giàu, học lực tầm thường mà vẫn được học bổng.

— Thứ hai là thủ tục phiền toái, khó khăn, và đôi khi không được công bố minh bạch. Bởi vậy, từ lúc lập hồ sơ cho đến ngày lên đường, sinh viên thường phải sửa soạn mất mấy tháng. Do đó, đa số học sinh nhập học chậm trễ, không kịp thích ứng với đời sống xa lạ ở nước ngoài, và hậu quả tất nhiên là cuối năm kết quả học tập không mấy gì tốt đẹp. Đáng khổ tâm là Hội Đồng du học thường không đếm xỉa tới lý do ấy khi xét đơn xin chuyển ngân cho niên học sau, và đã lạnh lùng bác bỏ đơn xin của những sinh viên « học kém ».

— Khuyết điểm thứ ba lớn nhất là thiếu một chính sách du học. Không có một sự chuẩn bị nào, không có một sự hướng dẫn nào, dầu là hướng học hay hướng nghiệp. Nói một cách khác, không có một kế hoạch, một tổ chức nào cả. Mạnh ai nấy lo, nếu cần và nếu có thể thì dùng những biện pháp không trong sạch. Lẽ dĩ nhiên, trong tình trạng ấy con ông cháu cha bao giờ cũng được ưu đãi hơn.

Cũng vì thiếu kế hoạch và tổ chức nên tình trạng du học đã có nhiều hậu quả tai hại. Có những trường hợp du học sinh xin đổi sang một ngành học khác, thường là dễ hơn và không phù hợp với nhu cầu đất nước. Ngoài ra, có rất nhiều du học sinh và ngay cả công chức nữa, xuất ngoại tốt nghiệp xong rồi không chịu về. Có một số người khi hồi hương lại không có chỗ làm hoặc không được dùng đúng chỗ.

Riêng năm ngoái, dư luận đã hết sức xôn xao vì :

— Thấy phụ huynh học sinh mừng rỡ lúc đưa con em lên máy bay hầu thoát nợ quân dịch.

— Thấy mãi sau khi một số lớn « con ông cháu cha » đã xuất ngoại với hối suất chính thức rồi mới có thông cáo ấn định hối suất tự do cho những du học sinh đi sau.

— Thấy một số du học sinh sang Pháp rồi phải trở về.

Tất cả những khuyết điểm trên đây đòi hỏi phải có một chính sách du học công bằng, thực tế và hữu hiệu. Chính sách ấy phải đáp ứng được nhu cầu quốc gia, thể hiện trong những chương trình đào tạo và sử dụng nhân tài đúng chỗ.

Muốn được như vậy, tôi tưởng cần phải đề cập đến một vài khía cạnh cụ thể của chính sách du học :

Điều kiện : Nhu cầu cấp bách và ngoại tệ eo hẹp của quốc gia trong hiện tình không cho phép một chính sách quá rộng rãi và tự do. Như vậy, chỉ nên tuyển lựa hoặc cho phép những phần tử có khả năng và lý tưởng tốt được xuất ngoại du học. Chúng ta cần nhớ rằng du học sinh, dù tự túc, cũng vẫn là một gánh nặng cho quốc dân và chính phủ vì hồi suất tự do (thường chỉ bằng nửa giá chợ đen) phải được kể là một ân huệ lớn lao. Tuy nhiên, không vì thế mà chính sách du học có thể trở nên quá khắt khe. Thí dụ : điều kiện thông thường là học sinh phải có bằng Tú tài II mới được phép du học, nhưng cũng có thể miễn cho một số ngành học không bắt buộc phải có văn bằng ấy mà vẫn lợi ích cho quốc gia. Chẳng hạn âm nhạc, mỹ thuật và vài ngành công kỹ nghệ. Một thí dụ khác là việc triển hạn du học. Nếu một sinh viên học giỏi muốn tiến xa hơn, chính phủ nên cứu xét rộng rãi hồ sơ triển hạn, trừ những trường hợp vì nhu cầu cấp bách.

Phân nhiệm và phối hợp : Vấn đề du học có liên hệ đến nhiều cơ quan công quyền, đặc biệt là bốn nơi : Tổng Nha Kế hoạch, Bộ Văn hóa Giáo dục, Bộ Ngoại giao và Bộ Nội vụ. Cần phải ấn định rõ trách nhiệm của mỗi cơ quan phối hợp. Cần phải tránh sự dẫm chân lên nhau giữa kế hoạch và giáo dục như thường xảy ra từ trước đến nay. Một sinh viên từ lúc chuẩn bị lên đường qua thời gian lưu học ở nước ngoài, cho đến khi về nước, cần phải được thường xuyên hướng dẫn, kiểm soát và giúp đỡ. Công việc này đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa Ngoại giao và Giáo dục.

Ngân sách : Ý thức được tầm quan trọng của nhu cầu đào tạo chuyên viên, Chính phủ cần cố gắng gia tăng phần ngân sách quốc gia dành cho việc cấp phát học bổng cho sinh viên du học. Nếu xét cần nâng đỡ những du học sinh tự túc xuất sắc, Chính phủ sẽ dành cho họ một khoảng tiền trợ cấp. Mặt khác, phải phối hợp với các cơ quan học bổng ngoại viện, các quốc gia bạn, hầu chương trình ngoại viện ăn khớp với kế hoạch quốc gia nói chung và chính sách du học nói riêng. Ngoài ra, chính phủ cũng cần tìm những biện pháp đặc biệt để khuyến khích và nâng đỡ những sinh viên muốn du học tự túc tại những quốc gia mà học phí và giá sinh hoạt quá cao so với nước ta (thí dụ : Hoa kỳ).

Hướng mới : Ảnh hưởng của hệ thống giáo dục và văn hóa Pháp đã gây nên nơi đầu óc sinh viên và phụ huynh nhiều tập quán và định kiến bất lợi cho kế hoạch quốc gia cũng như chính sách du học. Bởi vậy cần phải chuyển hướng chính sách du học ngay từ bây giờ.

Trước hết, là hướng về khu vực Anh ngữ. Ta phải nhận định rằng không phải chỉ riêng nước Pháp mới dạy bằng tiếng Pháp mà còn Bỉ, Gia-nã-đại (khu nói tiếng Pháp), Thụy-sĩ, không những đã dạy bằng tiếng Pháp mà việc du học tại các nước đó còn ích lợi cho nước nhà cũng như cho cá nhân du học sinh hơn

là ở Pháp nữa (đời sống rẻ hơn, thi cử dễ hơn, ít bị cám dỗ hơn...). Vả lại tất cả những môn học mà lâu nay du học sinh ta muốn theo học tại Pháp đều có tại các nước bạn trong khu vực Anh ngữ, như Gia-nã-đại (khu vực nói tiếng Anh), Tân-tây-lan, Úc-đại-lợi, Mã-lai, Tân-gia-ba, Hương-cảng, Phi-luật tân. Đây là chưa nói đến Anh-quốc và Hoa-kỳ. Chúng ta cần nhớ rằng vai trò của Anh ngữ càng ngày càng quan trọng và trở nên chính yếu trong việc giao dịch quốc tế, ngay cả trong khu vực các nước Á Đông. Chính sách du học còn phải hướng nhiều về kỹ thuật. Trong những năm trước đây, sự lựa chọn ngành học của thanh niên ta không được hướng theo một đường lối hay kế hoạch nào để nhằm phụng sự quốc gia cho thực tế và hữu hiệu. Có rất nhiều trường hợp sinh viên chọn những ngành học mà ở quốc nội đã có sẵn, làm tốn kém cho tài nguyên đất nước. Hoàn cảnh hiện tại của nước ta cần rất nhiều cán bộ kỹ thuật chuyên môn để phát triển kinh tế hầu nâng cao mức sống toàn dân. Vì vậy Bộ Văn hóa Giáo dục sẽ đặc biệt hướng dẫn và giúp đỡ du học sinh theo ngành chuyên nghiệp càng nhiều càng hay.

2. — Xin miễn trả lời câu hỏi thứ hai vì thời gian du học của tôi ở nước ngoài không đáng kể so với nhiều du học sinh khác. Thời kỳ ấy cũng đã xa rồi, những nhận xét và kinh nghiệm bản thân e không khỏi bị lỗi thời. Trong những dịp khác tôi xuất ngoại thì chỉ là tham dự hội nghị hay quan sát trong một thời gian ngắn chứ không phải là du học. Vậy xin nhường lời cho những bạn nào đã xuất ngoại du học lâu năm và mới hồi hương thì vấn đề sẽ được giải đáp thích hợp hơn.

PHỎNG-VẤN G.S. NGUYỄN-ĐÌNH-HÒA

Giám-Đốc Nha Văn-Hóa

1. Vấn-đề du-học.

Vấn-đề gửi Sinh-viên đi du-học nước ngoài cần phải được đặt trong khuôn khổ kế-hoạch chung của nhà nước, nghĩa là sát với nhu-cầu dự-liệu trong khoảng năm năm hay mười năm tới.

— A. Trước hết một chính-sách phải được đề ra cho rộng-rãi và công-bằng.

Thủ-tục xuất ngoại cần được dễ-dàng. Tuy nhiên vấn-đề lựa chọn sinh-viên đi học những ngành mới lạ mà nước ta sẽ cần đến, không những trong các cơ-quan Chính-phủ mà cả trong những xí-nghiệp tư-nhân.

— B. Tôi thấy không nên cho nên cho thanh niên xuất ngoại sớm quá, trước khi họ thấm-nhuần Văn-hóa nước nhà. Những người đã học xong ít nhất bậc Trung-học hoặc nếu có thể xong Cử-nhân rồi mà được dịp học hỏi thêm ở nước ngoài, thì sẽ chắc-chắn là có căn-bản vững chắc để khỏi quên gốc.

— C. Nên sử-dụng hết những học bổng do các nước bạn cấp và đồng-thời cũng nên cấp thêm học bổng Quốc-gia, hoặc cho vay những món nợ danh-dự để giúp thanh-niên hiếu học xứng đáng được xuất-dương càng nhiều càng tốt.

2. Kinh-nghiệm riêng.

Tôi may mắn đã được hưởng cái học bổng đầu tiên của Đại-học Mỹ cấp cho Sinh-viên Việt-Nam. Hồi đó là năm 1948, Viện Giáo-dục Quốc-tế đứng làm trung gian để thu xếp và chuyển đơn của ứng-viên. Viện Đại-học thì cấp học bổng để trả học phí, còn một hữu xã (Fraternity) thì giúp tiền ăn ở, hồi ấy học bổng chỉ có thể thôi chứ không có đủ tiền vé máy bay, tiền mua sách, tiền tiêu vặt, v.v... như bây giờ. Ngày nay Sinh-viên Việt-Nam được học-bổng đầy đủ nên yên tâm học-hành khỏi phải lo đi làm kiếm tiền thêm, tuy nhiên chính nhờ việc phải đi làm kiếm tiền ngay trong khi đi học, mà chúng tôi đã học tập được nhiều điều có ích như kính trọng lao-công, biết quý đồng tiền, không phí phạm. Những cậu con các Ông lớn nên có kinh nghiệm rửa bát, quét nhà, cắt cỏ, hốt tuyết, trông trẻ v.v... để học thêm cách tự làm lấy những công việc cần thiết.

Ngoài ra, Sinh-viên Việt-Nam dễ thích ứng với hoàn-cảnh mới sẽ không thấy bơ-ngỡ lâu lắm với đời sống ở nước ngoài. Điều cần-thiết là phải biết chia thì giờ cho hợp lý và xử-dụng thì giờ cho khéo-léo. Sinh-viên không nên học tất và học nhảy, cứ tuần tự mà tiến cho nó chắc. Vốn sẵn chăm học Sinh-viên Việt-Nam đại đa-số đều thành công rực-rỡ. Vấn đề còn lại là trong nước phải có những cơ-hội hấp-dẫn để người Sinh viên sau khi đã thành tài sẵn-sàng hồi-hương phục-vụ. Có thể đời sống chật chội kém lúc ở nước ngoài nhưng mình đã được cái phần thưởng tinh-thần là giúp ích cho xứ sở, tùy khả-năng và sở trường.

PHÒNG - VẤN ÔNG HỒ-HỮU-TƯỜNG

Phó Viện-trưởng Viện Đại-Học Vạn-Hạnh

L.T.S. — Bách Khoa Thời Đại phỏng vấn bạn Hồ Hữu Tường về vấn đề gởi du học sinh Việt Nam ra ngoại quốc, Hồ quân cho rằng vấn đề này vừa phức tạp, vừa biến đổi theo hoàn cảnh cụ thể, vừa là một vấn đề «cụm cây» đối với vấn đề «rừng» to rộng hơn tức là «vấn đề đào tạo thanh niên Việt Nam ở cấp bậc Đại Học» nên Ông cảm thấy lúng túng mà trả lời trong phạm vi của năm ba trang. Tuy nhiên, Hồ quân trao cho Bách Khoa Thời Đại một tài liệu, một lá thư gửi Thượng tọa Thích Minh Châu, khi vị Viện Trưởng Viện Đại Học Vạn Hạnh công du sang Âu Mỹ để viếng các Viện Đại Học lớn.

Trong thư này có một đoạn nói về tinh thần hỗ-trợ giữa những Viện Đại Học, trong có liên hệ đến việc học tập với các giáo sư nước ngoài và việc du học mà chúng tôi xin trích đăng nguyên văn như sau :

...Những Viện Đại Học thường giúp nhau những giáo sư chuyên môn. Không khỏi các Viện Đại Học bạn, muốn giúp Viện Đại Học Vạn Hạnh chúng ta, sẽ đặt vấn đề ấy. Trong hoàn cảnh hiện nay vấn đề này hiện ra thành hai hình thức, vì ở vào bình diện khác nhau.

— 1. Viện Đại Học bạn chỉ đề cử người, còn việc đài thọ (tồn phí di chuyển, lương bổng...) thì thuộc về phần chúng ta. — Trong trường hợp này, xét vì Viện chúng ta vừa thành lập nền tài chánh còn kém cỏi, số sinh viên còn ít ỏi, Viện chúng ta không đủ sức mà đài thọ những tồn phí lớn lao ấy. Nhưng, từ chối, lại thất lễ. Viện trưởng nên trình bày thực trạng của Viện ta, nói rõ tấm lòng của chúng ta, rồi do đó mà yêu cầu đổi hình thức của sự giúp đỡ theo đề nghị của chúng ta như sẽ trình ở đoạn kể đây.

— 2. Viện Đại Học bạn phái giáo sư và đài thọ luôn tất cả tồn phí. — Trong trường hợp này, Viện trưởng nên trình bày thực trạng trong nền giáo dục của nước nhà. Học sinh của ta, sau mấy năm học sinh ngữ, chưa rành sinh ngữ ấy, cho nên khi vào Đại học, không đủ sức mà nghe giảng bằng tiếng nước ngoài. Tình trạng này là cái ung nhọt của nền Đại Học ở Việt Nam. Sinh viên cố gắng thì nhiều, hiểu đề thấu đạt lại rất ít. Kết quả của thi cử chẳng là bao. Sự lãng phí về vật chất lẫn tinh thần rất lớn. Như vậy thì dậm theo bước cũ trong đường này, Viện chúng ta cũng sẽ lún chìm.

Tình trạng này đòi hỏi một sự chuyển thân của nền Đại Học ở xứ ta. Về một mặt, đối với tối đại đa số sinh viên, phải dùng tiếng mẹ đẻ mà làm thừa ngữ đề dạy, ngay ở cấp bậc Đại học. Vấn đề này được Viện chúng ta nghiên cứu những biện pháp hợp lý và hữu hiệu để giải quyết. Và đối với đề nghị của những Viện Đại Học bạn gửi giáo sư qua dạy trực tiếp cho sinh viên, Viện trưởng nên đem những kinh nghiệm đã qua, trong mười mấy năm nay, mà vạch rõ rằng biện pháp giúp đỡ có thể cải thiện cho hợp lý hơn, cho hữu hiệu hơn.

« Biện pháp ấy là dùng số tiền đài thọ số giáo sư dạy bằng tiếng nước ngoài, để làm tồn phí phiên dịch những tác phẩm có ích cho sự dạy dỗ, như là những bài giảng của ngay các vị giáo sư mà các Viện bạn đề cử. Cái bịnh nặng của các Viện Đại Học ở Việt Nam là cái bịnh thiếu sách vở bậc Đại học mà viết bằng tiếng Việt. Nhờ các Viện bạn đỡ đầu mà Viện Đại Học Vạn Hạnh dịch được nhiều sách cho sinh viên mình, thì sinh viên của các Viện Đại Học khác cũng giúp chung hưởng. Ấy là các Viện Đại Học bạn giúp chung cho tất cả sinh viên Việt Nam, chứ chẳng phải riêng cho sinh viên của Viện Đại Học Vạn Hạnh.

« Đối với tối đại đa số, đã có biện pháp như thế, còn đối với thiểu số là phần ưu tú, sau khi có bằng cử nhơn, bằng cao học, hoặc bằng tiến sĩ, mà còn tiếp tục nghiên cứu, hoặc nơi một Viện Đại Học lớn ở nước ngoài hoặc nơi Viện Nghiên cứu Cao đẳng, thì Viện trưởng nên trình bày một phương pháp hợp lý hơn, hữu hiệu hơn là gửi giáo sư đến tại chỗ mà dạy theo phương pháp cổ điển.

« Theo phương pháp cổ điển, giáo sư đến giảng đàn mà nói. Sinh viên Việt Nam, thiếu sinh ngữ, nghe qua một đợt, tiếng được tiếng không, sẽ không hiểu chi cả, mà muốn tự học lại, cũng không biết bằng vào đâu. Viện trưởng nên trình bày ý kiến của chúng ta là đem áp dụng một cách khoáng đại phương pháp thính

trị (méthode audio - visuelle) mà hiện nay các Đại Học lớn đều áp dụng để dạy sinh ngữ rất có kết quả.

«Lời giảng của giáo sư, bằng tiếng nước ngoài và còn ở ngoại quốc, trong bất cứ khoa nào, thầy đều cho ghi vào băng từ điện, rồi gửi sang qua Viện Đại Học Vạn Hạnh. Ở Viện này, sẽ có một cơ quan để chép lời của giáo sư, một mặt cho in lên giấy, một mặt cho dịch ra tiếng Việt và in bằng tiếng Việt. Đa số sinh viên, chỉ muốn có một văn bằng có giá trị trong nước, thì học theo chương trình bằng tiếng Việt, học bài giảng của giáo sư ở nước ngoài. Thiều số có cao vọng sau này xuất dương lại học bằng phương pháp thính thị, tai nghe lời của giáo sư bằng tiếng nước ngoài, mắt đọc tài liệu bằng chữ nước ngoài, chỗ nào chưa hiểu nghĩa thì tìm nghĩa trong tài liệu bằng tiếng Việt. Lại được cái lợi rất lớn là được cho quay lại máy ghi âm mấy lần cũng được, học cho thuộc bài mới thôi. Lại được cái lợi càng lớn hơn, là sinh viên vừa học khoa chuyên môn của mình, vừa học thêm sinh ngữ của vị giáo sư mà mình đang theo dõi. Viện Đại Học Vạn Hạnh chúng ta lại được cái lợi càng lớn hơn nữa, là rất bớt lúng túng trong vấn đề tuyển trạch và đãi thọ những vị giáo sư có tiếng tăm, để làm giáo sư thực thụ những giảng đàn. Những giáo sư này, tuy ở xa xăm, song có thể kể là trực tiếp dạy dỗ. Viện Đại Học chỉ cần tuyển những viên phụ giảng (assistant), giảng nghiệm, là chuyên khoa được đảm bảo hoàn toàn.

«Các Viện Đại Học bạn thông cảm được cái hợp lý, cái khế cơ, cái hữu hiệu của phương pháp này, Viện thì giúp đỡ một môn của một giáo sư, Viện thì giúp đủ cả các môn của một chứng chỉ (nếu Viện ấy tổ chức thi cử theo thể thức chứng chỉ), Viện thì giúp đủ cho hết tất cả chứng chỉ trong một ban, Viện thì giúp cho cả một phân khoa, thì tốn phí đãi thọ chẳng có bao, mà kết quả tinh thần, vừa về ảnh hưởng vừa về công hiệu của sự dạy dỗ quả rất lớn. Sự cộng tác, hỗ trợ, khai thác một cách hợp lý và khoa học như thế, sẽ mở viễn đồ cho vấn đề bằng cấp.

Năm 1954, tôi có gặp một sinh viên Việt, từng học ở Viện Kỹ thuật ở Hanovre (Đức), mà cũng học kinh tế, bằng lối hàm thụ, với Viện Đại Học Oxford. Sinh viên ấy trình bày cho tôi hiểu cách thi cử mà ban giáo thụ của Oxford tổ chức cho trường hợp anh như thế này. Đến kỳ, bài thi sẽ từ Anh gửi qua cho lãnh sự Anh. Vị này cho gọi thí sinh đến, trao đề thi cho, rồi đích thân làm giám thị. Thay vì có thi hạch miệng, thì Viện Oxford lại gửi qua câu vấn mà phải đáp theo lối viết.

Nếu ta áp dụng phương pháp thính thị, thì bài luận là bài viết còn thi hạch miệng, có thể ghi vào băng từ điện, rồi gửi cả về Viện Đại Học nào có trách nhiệm của cuộc thi ấy. Đó là những tiêu tiết thuộc về chuyên môn mà khi các Viện Đại Học bạn chấp nhận nguyên tắc giúp đỡ tích cực rồi, thì sự thỏa thuận không gặp trở lực lớn đâu.

Tôi nói phác qua cái quan niệm gom tất cả những Viện Đại Học nổi danh trong thế giới về Việt Nam (toutes les Universités célèbres du monde réunies au Vietnam), mà nằm trong nhà tù ở Côn Sơn, tôi đã mơ ước cả năm, và đến nay, tôi vẫn mơ mộng mãi. Tôi cho rằng cái quan niệm ấy là căn bản cho sự pháp huy huy tinh thần dân tộc. Một sinh viên vừa xong Trung học, chưa đủ ngôn ngữ mà sang nước ngoài để học ở Viện Đại Học nước ngoài, sẽ bơ vơ nếu phải xuất dương. Năm ngoái, mấy trăm sinh viên ta sang Pháp, rồi phải trở về ngay, vì học không nổi. Ví dầu có rán lắm mà theo nổi, thì cũng không thể nào học giỏi được. Ví dầu có học giỏi được, thì trong năm bảy năm ở nước ngoài, không hiểu chi thực tế ở Việt Nam, khi về nước phải mất năm bảy năm nữa mới hoàn nguyên mà thấu rõ vấn đề Việt Nam.

Trái lại, sống tại đất nước, vừa trưởng thành vừa hiểu thêm thực tế ở Việt Nam, vào trường hấp thụ khoa học tối tân, sinh viên sẽ luôn luôn đối chiếu vấn đề thực tại và lý thuyết, sinh viên sẽ không phải là một thanh niên mất gốc rễ. Và khi học xong ở Việt Nam, hiểu rõ vấn đề, bấy giờ sang Âu Mỹ với ngôn ngữ thuần thực, mà tu nghiệp thêm trong một thời gian ngắn, thì kết quả sẽ gấp trăm lần nhiều hơn..* »

PHỎNG-VẤN G.S. NGUYỄN-VĂN-TRUNG

Đại-Học Văn-Khoa Saigon

Tôi chưa có dịp đào sâu vấn đề du học. Nhưng tôi có cảm tưởng rằng người ta sẽ chẳng bao giờ giải quyết được thực sự những khuyết điểm (1), trong vấn đề du học, nếu không chịu tìm ra những nguyên nhân căn bản, mấu chốt của vấn đề. Nếu việc du học « bê bối » thất bại, bất công, thì vì đã hỏng từ gốc, từ chính thể, chế độ.

- (1) Những khuyết điểm về vấn đề du-học thường được nêu lên từ trước đến nay là :
- Nhiều người đi mà ít người về. Mất cả của lẫn người. Hình như số bác sĩ V.N. ở lại Pháp gần bằng toàn thể số bác sĩ hiện có ở V.N. — Biết bao kỹ sư chuyên viên đủ ngành vào làm việc ở các xí nghiệp Pháp hay các xứ thuộc địa cũ của Pháp... «Ta mang tiếng là nhận viện trợ văn hóa kỹ-thuật của Pháp với những ngân khoản mà tổng số đáng đề ý, nhưng kỳ thực, trong thực tế ta cung-cấp chuyên-viên cao cấp và cả trung cấp nữa cho Pháp » (trích bản thuyết trình về chế-độ học-bổng và du-học-sinh trước Hội-đồng Quốc-gia Giáo-dục 27-3-65)
 - Số ít về nhà có người lại không được dùng đúng chỗ, hoặc đi làm cho các xí nghiệp ngoại quốc.
 - Vấn đề ưu-đãi giai cấp quá rõ rệt trong số những người được đi du-học. Chỉ con ông cháu cha mới đi được. Con nhà nghèo rất ít.
 - Trong thời gian du học, thanh thiếu niên V.N. nhiều người hư hỏng, đang điểm, sa đọa... (xem bài « Tìm hiểu một số thanh niên hư hỏng ở Pháp » của Hồ-Tấn-Vinh, tạp chí Quê Hương số 26).

Việc du học đòi hỏi một chính sách du học. Không thể có chính sách du học nếu không có một chính sách giáo dục. Không thể có chính sách giáo dục, nếu không có chính sách phát triển quốc gia. Không thể có chính sách phát triển quốc gia, nếu không có chế độ chính trị xã hội cách mạng *thực sự*. Thực sự ! Ôi thất vọng biết bao ! Vì thực ra là vẫn có chính sách, chương trình kế hoạch cách mạng, rất hay đẹp hoàn hảo, nhưng chỉ không thực sự mà thôi. Vấn đề du học gắn liền với vấn đề phát triển quốc gia của một nước chậm tiến. Vì thiếu chuyên viên, cán bộ lãnh đạo các ngành sinh hoạt quốc gia mà phải gửi người đi ngoại quốc du học. Nhưng từ mười năm nay có kế hoạch phát triển quốc gia thực sự không ? Có Tổng Nha Kế hoạch đấy chứ ! Nhưng phải chăng Nha này lập ra chỉ để xin ngoại viện hay phân phát ngoại viện Đào tạo kỹ sư làm gì, và do đó bắt buộc một kỹ sư về một ngành chuyên môn ở ngoại quốc về làm gì, nếu không có nhà máy xí nghiệp cần dùng. Kỹ sư để ngồi bàn giấy hay đi buôn sao ?

Không có kế hoạch phát triển quốc gia thực sự nên cũng không thể có chính sách giáo dục hợp lý. Chưa bao giờ người ta dám hay muốn xét lại vấn đề giáo dục tận *căn bản*, cơ cấu, về vai trò của nó trong đoàn thể quốc gia trong kế hoạch phát triển quốc gia. Từ 10 năm nay chế độ giáo dục xét cơ cấu, ý thức hệ, vẫn là một chế độ thừa hưởng của Phong kiến Thực dân. Nếu có cái gọi là cải tổ giáo dục, hội nghị giáo dục, thì cũng chỉ là vá vôi, sửa chữa chương trình học, thể lệ thi cử v.v .. Chưa bao giờ đặt vấn đề giáo dục như một vấn đề *đầu tư* nhân sự của quốc gia để có thể tra hỏi về sự nên có hay không nên có của một nhà trường, và do đó nên tổ chức như thế nào cho hợp lý trong khuôn khổ kế hoạch phát triển quốc gia. Chẳng hay có nên có Trường Luật không ? Hoặc có nên tổ chức trường Y-Khoa như hiện nay rất tốn phí, mỗi năm ra được dăm bảy bác sĩ phục vụ cho đô thành để có vinh hạnh là *tương đương* với văn bằng các nước Âu Mỹ hay phải tổ chức thật nhiều trường cán sự y tế vì nhu cầu *cấp bách* ở nông thôn.

Song song với đòi hỏi hợp lý hóa giáo dục là đòi hỏi *dân chủ hóa* học chính. Chỉ có thể thực hiện được lý tưởng công bằng trong việc đề cử người đi du học nếu trong nước đã thực hiện được lý tưởng dân chủ hóa học chính. Sự bất công bắt nguồn từ chỗ con nhà nghèo không thể theo học được hoặc không thể theo học trường công và sau cùng không thể tiếp tục học lên đến Đại học. Lấy tiêu chuẩn ai có *tú tài* thì được chọn. Đó chỉ là một bình đẳng *hình thức* cũng như Pháp lý hình thức qui định ai cũng có quyền tư hữu. Sự bất bình đẳng ở tại qui định những *điều kiện* để có thể đi học, hay có thể có tư hữu. Vậy chỉ khi nào có một chính sách phát triển kinh tế thực sự, một chính sách giáo dục thực sự, mới có một chính sách du học hợp lý : hợp lý trong quan niệm coi việc du học cũng chỉ là một đầu tư nhân sự của quốc gia, hợp lý trong việc lựa chọn đề cử người đi, hợp lý trong việc xử dụng những người thành tài sau này — 10 người đi, 10 người về — và được dùng đúng chỗ, bổ khuyết đúng nhu cầu.

Đã là một chính sách quốc gia, tất nhiên chính phủ cũng phải lo tổ chức chặt chẽ thời gian du học của du học sinh để theo dõi đời sống du học của họ : chăm nom, lo liệu về việc ăn ở, nghỉ hè, trao đổi văn hóa và kiểm soát việc học hành.

Nói tóm lại, có vấn đề *tổ chức*, và có vấn đề *điều kiện* tổ chức. Muốn tổ chức hợp lý việc du học, điều kiện căn bản là phải có một chính quyền cách mạng thực sự, một chính quyền thực hiện được cuộc cách mạng xã hội như là một đòi hỏi tất yếu của công trình giải Thực.

Hai hình ảnh người sinh viên du học : Một người hư hỏng, đang điểm ở ngoại quốc, hay học xong không về, đi làm cho ngoại quốc, hoặc về nhưng chỉ nghĩ đến chức cao lương nhiều, vì coi việc du học như một phương tiện *sửa soạn địa vị* cá nhân. Một người khi đi ý thức được trách nhiệm của mình đối với dân tộc, vì coi việc du học như một *món nợ*, vay của quốc gia mà mình phải *trả* sau này (học bổng phải do ngân sách quốc gia, chứ không phải hoàn toàn trông cậy vào sự trợ cấp ngoại quốc) nhờ một tổ chức du học chu đáo và gương khích lệ của chính bậc đàn anh đang lãnh đạo các ngành sinh hoạt quốc gia. Với một tinh thần phục vụ, liêm khiết... trong niềm phần khởi xây dựng của cả một dân tộc muốn tiến bộ, muốn giàu mạnh... làm sao có thể hư hỏng hay từ chối không chịu về nước khi học xong.

Tự họ, người sinh viên không hẳn là hư hỏng, ích kỷ. Nhưng một chế độ, một tổ chức có thể làm cho họ hư hỏng hay trở nên đạo đức cho nên, nếu chỉ nói cái cốt yếu, thì vấn đề du học trước hết là một vấn đề *cách mạng* chế độ chính trị.

NGUYỄN VĂN TRUNG

SỬA CHO ĐÚNG

Bách Khoa số 202, bài 'Ba cuộc nói chuyện của Hồ Hữu Tường tại Huế', người viết vốn hai mà ở bìa, ở mục lục, và ở trong bài, lại sót một, vậy xin bổ túc : « *Nguyễn-Ngu-I và một sinh viên ở Huế thuật* ». Và trong bài, trang 79 cột 1, dòng 3, có nhảy một dòng in xiên sau đây : 'Chúng tôi xin ghi lại một số cảm tưởng về hai buổi nói chuyện của ông Hồ Hữu Tường *do một sinh viên ở Huế ghi* cùng nội dung...' Đoạn này bắt đầu từ dòng 5 sau 3 ngôi sao cột 1 trang 79 đến trang 80 cột 2, trước 3 ngôi sao.

Nhà xuất bản **THỜI MỚI**
VỪA PHÁT HÀNH :

- VĂN HỌC NGÀ SÔ HIỆN ĐẠI của Trạng-Thiên — giá 20đ
SẮP PHÁT HÀNH MỘT LOẠT :
- VỌC NƯỚC GIỖN TRẮNG của Sơn Nam
- NGƯỜI XA LẠ của Albert Camus (do Võ Lang dịch)
- TRUYỆN HAY CÁC NƯỚC tập II, của Nguyễn Minh Hoàng
và Trạng Thiên
- MỘT MÌNH của Võ Phiến

Di-tích Lạc-Việt trong xã-hội Việt-Nam

• BÙI-HỮU-SÙNG

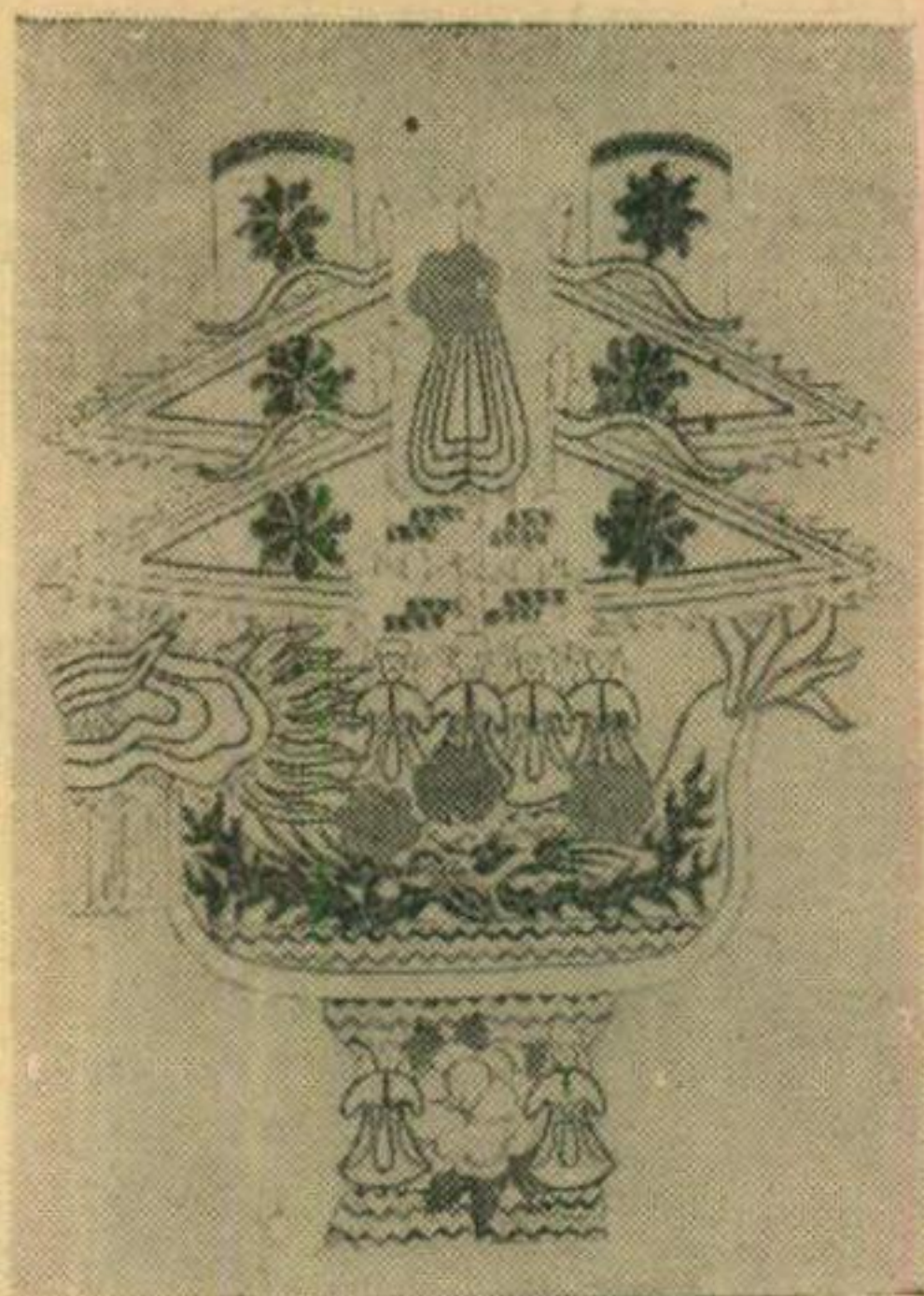
(Xin xem từ B.K.T Đ. số 201)

Thắc mắc thứ 5: *Các hình vẽ trên trống đồng.*— Ngoài hình chim, trên trống đồng còn vẽ vài hình khác mà chúng ta cũng thấy di tích ở xã hội Việt-Nam ngày nay.

a) *Thuyền.*— Bàn về thuyền vẽ trên trống đồng, giáo-sư Nguyễn Phương cho đây là một chiếc thuyền siêu-độ trở linh hồn người chết về nơi Cực-Lạc Nhân đây, giáo sư cho rằng : « Các cảnh vẽ trên mặt trống và nhất là ở thân trống đều biểu lộ lòng ưu ái của dân Đông Sơn trong bồn phận đối với người quá cố » (1). Người sống không những làm kiệu rước linh hồn người chết, còn làm hẳn một cái nhà đốt cho linh hồn và cúng các thức ăn « để không cắt đứt dây liên lạc » giữa bên sống bên chết.

Xin thưa ngay : trong xã hội Việt Nam ngày nay, cũng có thuyền làm bằng giấy để chở linh hồn : thuyền ấy gọi là thuyền bát-nhã hay thuyền rồng. Cái nhà đốt đi cho người quá cố gọi là nhà táng (Phương ngôn : Vén tay áo sô đốt nhà táng giấy). Khi đưa ma, cái kiệu, để rước vong linh gọi là linh xa. Sau khi an táng, mỗi ngày hai bữa cũng cúng cơm tựa như người chết hằng ngày vẫn sống với gia đình. Dân ta cũng « ưu ái » người chết như dân Đông Sơn (Indonésiens) và cũng làm chay nhờ thầy Pháp tụng Kinh để linh hồn « người chết thoát những vất vương trần tục » (2) như lễ Tiwah, lễ siêu thoát của người Dayak (Indonésiens).

(1) (2) Tạp chí Đại-Học Huế số 39 (năm 1958).



Thuyền thờ Mẫu Thoải (chữ Thủy là nước, vì Đức Thánh Mẫu coi về sông bể nên đọc là chữ Thoải).

Phong tục và tín ngưỡng trên hiền nhiên và rất thông thường trong nước ta, chắc độc giả nào cũng quan sát thấy hằng ngày.

b) Nhà sàn và sàn đình.— Trên

trống đồng, nếu người ta nhận thấy vẽ nhà sàn và đình quán mái quắp xuống của người Indonésiens (Lạc Việt) thì ngày nay chúng ta vẫn còn thấy kiểu nhà sàn của dân Mường và sàn đình ở các làng Việt Nam. Trong cuốn « La terre et l'homme en Extrême-Orient » nơi trang 190, ông Pierre Gourou đã viết về sàn đình ngoài Bắc như sau : « Đình là một đền thờ thần hoàng làng, xã nào không theo Thiên Chúa đều có. Ngôi đình Việt Nam, xây trên một cái sàn thấp, nhắc nhở lại một thời xa xưa nhà cửa Việt Nam hồi còn là những chiếc nhà làm treo leo, tựa như nhà của người Indonésiens. » Các nhà khảo cổ hiện nay như G. Coedès, Bezacier (L'art Vietnamien p. 21) cũng cho rằng các sàn đình tại các làng ngoài Bắc là làm theo nhà người « Lạc Việt » xưa. Trong quyển « Les peuples de la péninsule indochinoise » (Dunod, Paris, 1962) trang 203, ông G. Coedès đã viết : « Cổ nhiên người ta có thể khám phá thấy ở trong các địa hạt khác nhau, một số nét tỏ ra có một căn bản thổ dân (substrat indigène), không

hãy tìm đọc sách do nhà Lá Bối mới xuất bản :

• **ĐẠO PHẬT HIỆN ĐẠI HÓA**

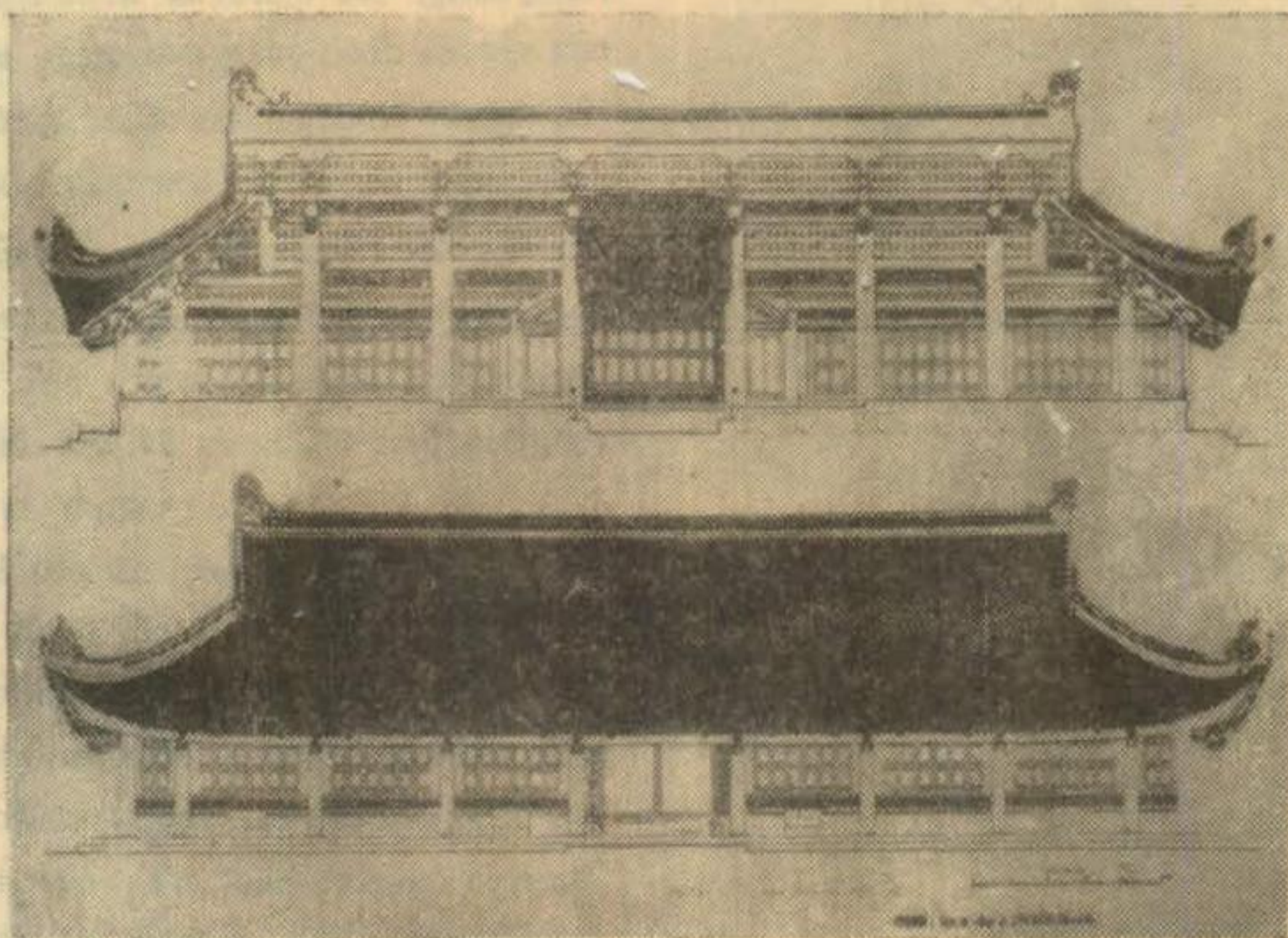
của Nhất-Hạnh — 256 trang giá 50đ.

• **Ý THỨC MỚI TRONG VĂN NGHỆ**

của Phạm-Công-Thiện — 656 trang giá 85đ.

• **HÀNH HƯƠNG**

thơ của Trữ-Vũ — 128 trang giá 45đ.



Đình làng Đình-Bảng

phải từ ở Trung Hoa tới. Ví dụ ngôi đình thờ thần hoàng làng, dùng làm nơi hội họp của các kỳ mục phụ trách về việc hành chính của làng, luôn luôn được xây trên sàn cột gỗ, có khi rất thấp.

Nhưng cần gì phải dẫn sách vở, người Bắc Việt chúng ta ai chả biết, ngôi đình làng mình có ba phần: hậu Cung thờ thần-sắc, đình giữa đề kiệu, lòng đình đề đồ thờ và đình ngoài, hai bên có sàn gỗ rộng lớn để bàn việc làng. ăn cỗ, khao tiệc. Năm 1946, tôi tản cư về miền Hải-Dương, qua các làng Đại-Điền (làng Me) Tiên Tảo, Kim Cao, (huyện Thanh Hà) tôi đã từng mục kích những sàn gỗ rộng, với những cột bằng gỗ lim to lớn một người vòng hai cánh tay ôm chưa hết, ở vùng này đã có

thành ngữ: to như cột đình làng Mè (Làng Đại Điền, tổng Đại Điền, huyện Thanh Hà, Hải Dương).

Cho hay, nhà soạn sử cũng như các nhà xã-hội-học, nhà nhân chủng học, muốn bàn về phong tục, tín ngưỡng phải biết rời bỏ, chốc lát, thư viện và sách báo đến quan sát tại chỗ những di tích của quá khứ, những « vang bóng » của một thời đề hiệu được ý-nghĩa tinh thần của một thổ dân. Trong chúng ta, ai chả biết Durkheim chỉ cặm cùi đọc sách rồi ông vận dụng lý trí mà đã dựng nền tảng cho khoa Xã-hội học của nước Pháp. Những thuyết của ông và của đồ đệ ông, như Lévy Bruhl (thuyết về tư-tưởng tiền luận lý) đã bị rạn nứt bởi những quan sát tại chỗ gần đây của các nhà xã-hội-học

trẻ tuổi. Ví dụ : Ông L. Strauss bác cái thuyết « tiền luận lý » kia và cho rằng dân tộc bán khai nào cũng có một thứ luận lý riêng, khác với luận-lý Tây Phương (« xem La pensée sauvage của ông Strauss »). Trong tác-phẩm vừa xuất bản nhan đề « Le cru et le cuit », ông thuật lại rằng những thần thoại mà chính tại ông được nghe thấy của thổ dân đều trầm bổng, du dương như các khúc nhạc. Quan sát tại chỗ, chấp nhận thần thoại chứa đựng sử liệu và *thông cảm* với tâm hồn tập thể của thổ dân : đây là ba thái độ của nhóm sử-gia trẻ gần đây, thái độ này hầu như chưa thấy ở các sử-gia của chúng ta.

c) *Khố, y phục, răng, tóc.* — Trong bài « Tiều sử và Lịch-sử Lạc-Việt » (Đại học số 39) giáo sư Nguyễn-Phương đã viết về cái *khố* trong y-phục của người Indonésien, theo hình vẽ trên trống đồng: « Quần của người dân Đồng-Sơn là một « tấm sarong » như thường thấy nơi dân Mã-Lai, sarong đó họ mặc trong những buổi diễn hành, nhưng khi làm việc trong nhà họ lại cởi ra để bận chiếc khố cho tiện (Parmentier). Sau khi dẫn lời của Parmentier mà giáo-sư cho là cầu kỳ, riêng về việc đóng khố giáo sư cũng nhận là « không phải là không có một dân nào bận khố giống như những người vẽ trên trống đồng (trang 356).

Xin thưa dân nào khác thì chưa rõ, còn dân Việt-Nam từ thượng cổ đến nay, dân quê vẫn còn đóng *khố* đi cày, đi đánh cá, đắp bờ ruộng. Ngày nay tại nhiều vùng, khố đã bắt đầu thay thế bằng quần đùi. Y phục thô sơ đã được ghi bằng

một nét bất diệt trong câu tục ngữ hài hước, gọi một cách hý-họa, những cái gì phân biệt người Việt-nam với cái người mà dân chúng gọi bông đùa là « thằng Ngô, chú khách, chú chiệc : »

Sơn răng, chẳng dit, chít đầu.

Chẳng dit tức là đóng khố. Sơn răng là nhuộm răng ăn trầu không, khác với « thằng ngổ răng trắng ớn ». Chít đầu là đội khăn như hình vẽ trên trống đồng và tục này có từ thời trước hai Bà và kéo dài tới ngày nay. Người Tàu họ để bím hoặc đội mũ, nhất là đàn ông của họ không chít khăn lượt, khăn nhiễu tam giang kiểu chữ nhân, chữ nhất hay kiểu « Bảo-Đại ». Riêng xét về y-phục, về ngôn ngữ, chúng ta thấy chúng mình không phải là từ Trung-Hoa di cư sang.

Ở đây cũng cần nhắc lại rằng tục vẽ mình, tục nhuộm răng cũng không phải là một tục đặc trưng của giống Indonésien hay Lạc-Việt, hay Việt Nam (đời Trần). Nhiều dân tộc khác cũng thường làm như vậy, chẳng hạn như dân Nhật-Bản, khoảng thế kỷ thứ hai, thứ ba trước công nguyên, cũng đổ máu vào thân thể hoặc vẽ hình vào mình. Trên cánh tay, bộ ngực của các thủy thủ trên các tàu cập bến Sài-gòn, Hải-phòng, chính mắt tôi trông thấy họ xăm cả một phong cảnh hay một hình người.

Còn tục nhuộm răng, nước Nhật xưa kia cũng có. Trong bộ Nhật bản quốc chí của Hoàng-Tuân-Hiến trong mục lễ-tục-chí có chép rằng : hể đàn bà đã lấy chồng thì cạo lông mi, vẽ mực lên trán và nhuộm răng cho đen. Cụ Lê-Dư khi bốn ba ở nước Nhật (khoảng 1910) có kể truyện rằng, tại

Tokyo cụ còn gặp các bà già người Nhật đen răng như đàn bà bên ta, trước đây.

Nhưng đối với tổ tiên ta xưa kia mái tóc với hàm răng là hai biểu hiệu của lòng trung-quân, ái-quốc. Trong khi Lê-Quýnh theo Lê-Chiêu-Thống lưu vong ở Tàu, nhất định ông không theo lệnh quan lại Tàu bắt ông cắt tóc, ông cứ giữ nguyên tóc và quốc-phục. Trong bài hịch của Hoàng-Tử nhà Lê tức là Lê-duy-Mật, tuyên truyền, kêu gọi dân chúng Bắc-hà nổi lên chống chúa Trịnh, tác giả của bài ấy tuyên dương công đức của anh hùng Lê-Lợi: *Dài tóc hóa nên trọc đầu, đầu đội ơn công đức vô cùng; Trắng răng đổi lại đen răng, miệng chúc tụng thái bình hưng vượng.*

Để hiểu câu trên, phải nhớ lại lịch sử của tóc và răng. Giống như mái tóc người vẽ trên trống đồng, tiền dân Việt-Nam để tóc dài như người Indonésien. Ở đền Hùng, người ta hiện còn thấy hai pho tượng đầy tớ gái có mái tóc dài lật ngược lên đỉnh đầu, ngoài cột khăn. Về sau, vì đi bề và vì theo đạo Phật, dân ta mới cắt tóc. Trong tập kiến văn Tiên Lục, Lê-Quý-Đôn đã viết: Đời Trần trong nước để trọc đầu cho nên Trần-Cương-Trung người Nguyên sang ta soạn ra tập sử Giao Châu có chép rằng: « Dân Giao Châu đầu trọc tóc, người có quan chức thì quấn cái khăn xanh ». Về sau, khi quân Minh sang chiếm nước ta, tướng nhà Minh hạ lệnh cấm dân ta không được cạo tóc, nhuộm răng. Khi Vua Lê-Thái-Tổ phục quốc, dân ta mới lại cắt tóc và nhuộm răng như xưa, Vì thế mới có

câu « Dài tóc hóa nên trọc đầu » ... Trắng răng đổi lại đen răng ». Sau Lê Lợi, nho học thịnh, người ta lại để tóc, theo đúng lời dạy trong kinh Lễ: « Thân thể, da, tóc, là của cha mẹ sinh ra (người con hiếu) không nên hủy bỏ. « Vua Lê-thánh Tôn hạ lệnh: Không phải bọn nhà sư thì không được trọc tóc. Từ đấy dân ta lại để tóc dài, trừ mấy làng thuyền chài vẫn trọc đầu như cũ. Tóc để dài mãi tới thời Đông-Kinh Nghĩa Thục mới có phong trào xén búi tóc theo vệ sinh âu-tây.

Như vậy dân ta còn nhiều phong tục giống như người Lạc-Việt (hay Indonésiens). Và lại, nếu có vài phong tục thay hình đổi dạng, pha trộn, lại cũng có phong tục chung cho nhiều thứ dân tộc khác nhau, căn cứ vào vài phong tục của một dân tộc để kết luận rằng dân tộc ấy là thuần chủng, chúng ta sợ kết luận ấy thiếu nền tảng khoa học vững chắc.

Thắc mắc thứ 6 : Có thể hiểu hình vẽ trên trống đồng một cách khác với giáo sư Nguyễn-Phương được không ?

Ở đoạn trên, chúng tôi đã nhìn trống đồng Đồng-Sơn theo cái nhìn của giáo-sư Nguyễn-Phương và chúng tôi đã chứng minh rằng, dù có nhìn theo giáo sư, người ta cũng vẫn thấy di tích Lạc-Việt trong xã hội Việt-Nam. Bây giờ nếu ta tìm hiểu ý nghĩ trống đồng một cách khác với giáo-sư, mối liên lạc giữa hai dân tộc ấy lại càng chặt chẽ và mật thiết hơn

nữa nhất là về phương diện phong tục và tín ngưỡng.

Trước hết, hình vẽ còn lại trên trống đồng chỉ là những dấu hiệu (signes) và tượng trưng (symboles), dờ đó mỗi nhà khảo cổ có quyền giải thích (interpreter) một cách khác nhau. Lối hiểu của giáo sư Nguyễn Phương là nhắc lại sự tìm hiểu của cô Colani, ông Hoop, Goloubew v.v. Nói cho đúng thì thuyết ấy bắt đầu xưa rồi và nhất là chưa được gần với sự thực.

Gần đây (1957) trong cuốn *Prehistory and Religion in South-East Asia*, bác sĩ Quaritch Wales đã đưa ra một thuyết mới hơn, hợp lý hơn, đánh đổ các thuyết cũ và mở ra một chân trời mới cho sử học và nhân chủng học tỉ-giáo. Dưới đây, chúng tôi lấy hai thí dụ để so sánh giá trị của hai thuyết.

a) *Mặt trời hay ngôi sao?* — Thuyết của nhóm cô Colani, ông Hoop v.v. cho rằng hình ngôi sao vẽ trên trống Hoàng Hà và Ngọc-Lũ là mặt trời vì người cổ thờ mặt trời. Giáo sư Nguyễn-Phương phụ họa theo thuyết trên, nhưng ông quên không đưa ra một chứng cứ nào để minh chứng rằng người Mường ngày nay (Lạc-Việt) vẫn còn thờ mặt trời như dân Đông-Son. Sự thiếu sót này rất bất lợi cho thiên khảo cứu rất công phu của sử-gia.

Trái lại, ông Q. Wales cho rằng ngôi sao ấy là một vì sao đóng vai trò quan trọng trong đời sống hằng ngày và đời sống tôn giáo của giống người Indonésien. Nhìn vào tín ngưỡng Việt-Nam, chúng ta thấy dân chúng hãy còn tin sao tốt, sao xấu trong số mệnh của mỗi người.

Hàng năm, và đầu xuân, các điện thờ, các chùa làm lễ *Dâng sao giải hạn* (nghĩa là giải sao độc, sao xấu để tránh tai họa trong năm mới). Trong thần thoại và tín ngưỡng Việt-Nam không thấy tôn thờ mặt trời, trái lại có thờ sao và có chuyện thần thoại về sao Nam Tào, Đắc-Đầu (1).

Nếu thuyết của Q. Wales đúng hơn thuyết của nhóm Colani-Nguyễn-Phương, thì vũ trụ thần thoại của Indonésiens (Lạc-Việt) cũng là vũ trụ thần thoại (cosmo-mythologie) của dân chúng Việt-Nam.

Gần đây trong giới khảo cổ và nhân chủng học tỉ-giáo (ethnologie comparée) nảy ra một khuynh hướng mới :

Ở Đông-Nam-Á, xưa có một nền văn minh khá cao và văn minh Việt-Nam là một tổng hợp của các nền minh cổ, dân Việt-Nam dưới lớp sơn văn minh Trung-Hoa vẫn còn giữ được đôi chút thực chất ấy : nhà sàn, lên đồng, kính trọng phụ nữ, âm dương vừa mâu thuẫn vừa hòa đồng, lối

(1) Hai vị Thần này, nguyên xưa là hai anh em ruột sinh đôi ; khi bà mẹ có mang thì đã luống tuổi và có mang những 69 tháng. Lúc sinh ra, chỉ thấy hai cục thịt lớn, dính máu khếng đầu, không tay chân, bà cụ đã định mang vứt đi, sau lại cất vào một xó. Được trăm ngày, tự nhiên hóa ra hai chàng thanh niên mạnh khỏe, đặc biệt là thông minh rất mực, ký ức phi thường có thể nhớ hết những chuyện vụn vặt xảy ra ở khắp thế gian. Ngọc Hoàng đang bận nhiều việc linh tinh lại gặp hai chàng sáng dạ như vậy, bèn cho chức vụ, bắt Nam-Tào làm thần giữ sò sinh và Đắc-Đầu giữ sò tử. Từ đấy, hai thần phải ở luôn luôn bên cạnh Ngọc-Hoàng, Nam-Tào ở bên tả (phương Nam) còn Đắc-Đầu ở phương hữu (phương Bắc). Hiện nay, ở Phả-Lại (Bắc phần) gần đền đức Trần-Hưng-Đạo, còn có hai quả đồi mang tên đồi Nam-Tào và đồi Đắc-Đầu.

hát đối đáp như hát quan họ, hát trống quân v.v... (xem Les chants Alternés en Annam của Nguyễn-văn-Huyền (1934) và Etude sur les Rites agraires des cambodgiens, luận án của cô Porée-Maspéro, 1956). Nhưng cũng xin nhắc lại rằng: phong tục nào, tín ngưỡng nào cũng biến dạng thay hình và ít nhiều pha trộn. Đi tìm nguồn gốc của một dân tộc mà xây dựng thuyết của mình lên tín ngưỡng và phong tục, ấy là xây một cái nhà lớn lên trên bãi cát ọp ọp (le sable mouvant). Sử gia Nguyễn-Phương chủ trương rằng giống Việt-Nam gốc ở Trung-Hoa nên khác với dân Lạc Việt về phong tục, tín ngưỡng. Tôi e rằng nền tảng của thuyết ấy mong manh.

b) *Lễ siêu độ hay phép đánh đồng thiếp?* — Giáo sư Nguyễn-Phương dựa vào thuyết của V. Goloubew cho rằng kiểu vẽ trên trống là để rước linh hồn người chết, thuyền là thuyền siêu độ, và các hình người là những chiến sỹ hay người đi săn mặc y-phục như chim vật-tỏ: đầu đội mũ lông chim, thân đeo khố bằng lông chim, khí giới đầu đeo lông chim.

Bác sĩ Quaritch Wales lại hiểu cách khác: các hình người là những phù thủy đi tìm linh hồn người chết, người ốm. Họ đeo khí giới để chống với ma quỷ. Những thuyền vừa dùng để chở linh hồn người chết, vừa để chở các thầy phù thủy đi tìm linh hồn người ốm, người chết. Ý-nghĩa này bao quát và phù hợp với tâm linh người thời xưa hơn. à thuyết chọn làm nền tảng cho thuyết của giáo sư Nguyễn-Phương.

Nhìn sang xã hội chúng ta ngày nay, các hình vẽ người trên trống đồng, nếu ta hiểu như Wales, khiến ta liên tưởng ngay tới các *thầy mo* và *thầy phù thủy đạo*

cô có thể xuất thần, hồn lìa khỏi xác thịt đi xuống âm-phủ tìm linh hồn người quá cố, rồi trong giây lát lại trở và báo cho người trần tục biết tin. Thí dụ khi Thúc Sinh được tin nàng Kiều bị Hoạn Thư thuê người đốt cháy, chàng Thúc mới nhờ một đạo nhân đi xuống tìm ở âm phủ.

*Gần miền nghe có một thầy,
Phi phù tri quý, cao tay thông huyền,
Trên tam đảo dưới cửu tuyền
Tìm đâu, thì cũng biết tin rõ ràng.
Sấm sanh lễ-vật rước sang
Xin tìm cho thấy mặt nàng hỏi han
Đạo nhân phục trước tĩnh-dàn
Xuất thần giây phút chưa tàn nén
hương.*

*Trở về mình bạch nói tường,
Mặt nàng chẳng thấy, việc nàng đã tra:
Người này nặng kiếp oan gia,
Còn nhiều nợ lắm, sao đà thác cho.
Mệnh cung đang mắc nạn to,
Một năm nữa mới thăm dò được tin
Hai bên giáp mặt chiến chiến
Muốn nhìn mà chẳng dám nhìn lạ thay.*

Không những không gặp nàng Kiều ở dưới âm phủ, mà đạo-nhân còn báo trước Thúc Sinh sẽ tìm thấy Kiều ngay tại trên trần thế và hai bên giáp mặt mà không nói được một lời. Nguyễn-Du tin như thế, mà độc giả Việt-Nam cũng yên chí thế vì đó là tín ngưỡng của người bình dân giống Việt.

Ở đây không nên lẫn «lên đồng» với «đánh đồng thiếp». Lên đồng là phụ linh hồn cô cậu, ông hoàng, Đức thánh Mẫu về nhập vào người lên đồng (vai trò của người này thụ động). Còn đánh đồng thiếp là *hồn người thầy phù thủy* lìa bỏ xác thịt đi xuống âm phủ gặp

linh hồn người chết, xem xét tình hình rồi trở về bá cáo (vai trò tích cực và phiêu lưu). Nhưng cả hai đều thuộc về một tín ngưỡng chung của nhiều giống người thời tiền-sử như dân Nam-Mỹ (Sud-Américains - précolombiens), Tây-Tạng, Trung Hoa, Indonesiens ngày nay và nhất là dân chúng Việt-Nam. Trong cuốn Technique et Panthéon des Médioms (lên đồng-Paris 1959), ông M. Durand chỉ nói tới lên đồng và các bài châu văn, ông chưa hề nói tới việc đánh đồng thiếp gọi hồn, gọi vía v.v... Ở nước ta, các cô, các bà mù chữ hay đi lên đồng hầu bóng, không cần đọc sử liệu, cũng biết dễ dàng mấy phong tục và tín ngưỡng trên là chung cho cả người Mường, người Mán, người Việt, họ hiểu ngay thế, khi họ nghe câu văn châu về ông Hoàng Ba:

*Năm Bính dần mồng mười tháng tám
Thái hậu bà sinh được năm Ông*

Ông Ba vạn phép ai tày

Các cửa ngàn đâu đấy đều kinh

Chúa Mường, chúa Mán thần linh

Thượng ngàn các cửa phục tình làm tôi

Cho hay, nhiều khi, lương-tri của bình dân (le bon sens populaire) sáng suốt hơn những nhà học giả vùi đầu vào núi chữ, rồi quên cả thực trạng hiển nhiên trước mắt. Một lần nữa ta lại nhận thấy về phương diện phong tục và tín ngưỡng, hai giống người Đồng-Sơn và Việt-Nam có nhiều chỗ giống nhau. Riêng về tục lên đồng, gọi hồn, đánh đồng thiếp, có lẽ là chung cho cả nền văn-minh Đồng Sơn, Việt-Nam và Đông-Nam-Á.

*Đón xem kỳ sau : Tìm hướng mới
cho quốc-sử*
BUI HUU SUNG

SỰ AN NINH CÁC BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO HIỂM BẠN

DESCOURS & CABAUD

Bảo Hiểm

27 - 29, Đại lộ Hàm-Nghi — SAIGON

Điện thoại : 23.739

ACCIDENT — INCENDIE — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS
Tai Nạn Hỏa Hoạn Hàng Hải Linh Tinh

ĐẠI LÝ CỦA

MUTUELLE GÉNÉRAL FRANÇAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANÉE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Nhánh : Paris — Tourane — Cholon — Dalat — Cantho — Vientiane
— Hongkong Tananarive — Tamatave Addijan Douala

ĐẠI CƯƠNG TRIẾT-HỌC TRUNG-HOA

GIẢN - CHI VÀ NGUYỄN - HIỂN - LÊ

PHÁP TRỊ

PHÁP VỚI HÌNH

Đốt sách và chôn Nho là chính sách của Lí-Tử, chứ học thuyết của Hàn-Phi Tử không tàn nhẫn như vậy, mà rất có nhiều điểm khả thủ. Hàn bàn về 3 điểm chánh : Pháp với Hình, Thuật và Thế.

Trước hết ta xét về pháp với hình.

Ở chương trên chúng tôi đã nói Tuân-Tử rất trọng lễ, cái giới hạn giữa lễ và pháp rất tế nhị, khó định được, cho nên Hàn-Phi-Tử, học trò của Tuân Tử, trọng pháp cũng là do ảnh hưởng của Tuân-Tử một phần nào. Vì pháp có hai nghĩa rộng và hẹp : nghĩa hẹp là kiện tụng, luật lệ, hình pháp ; nghĩa rộng là chế độ chính trị. Xét theo nghĩa hẹp thì lễ với pháp tách biệt hẳn nhau ; nhưng xét theo nghĩa rộng thì lễ với pháp không khác nhau mấy. Tuân-Tử trọng lễ tức là trọng pháp theo cái nghĩa rộng, trọng những nghi thức cần thiết để duy trì trật tự trong xã hội ; Hàn-Phi Tử trọng pháp là trọng luật hình cũng

để kéo xã hội từ cảnh loạn về cảnh bình trị. Tuân-Tử từ nhân trị muốn chuyển qua pháp trị.

So sánh những lời dưới đây của Khổng Tử và Tuân-Tử về hình pháp, ta thấy rõ sự chuyển biến ra sao.

Khổng-Tử bảo :

« Dùng chính trị mà khiến, dùng hình pháp mà tề nhất, thì dân khỏi tội, nhưng không có lòng hồ thẹn ; dùng đức mà khiến, dùng lễ tề nhất thì dân có lòng hồ thẹn mà lại cố làm điều hay. » *Đạo chi dĩ chính, tề chi dĩ hình, dân miễn nhi vô sỉ ; đạo chi dĩ đức, tề chi dĩ lễ, hữu sỉ thả cách* (Vi chính)

Lại nói : « Xử kiện thì ta cũng như người, cốt sao cho khỏi kiện tụng mới là hay. »

Tuân-Tử thì bảo : « Hình pháp là cái gốc thiên hạ, ngăn cấm điều bạo ngược, ghét bỏ điều ác, là để răn những điều chưa xảy ra » *Phàm hình, nhân*

chi bản, cấm bạo ố ác, thả trung kỳ vị dã. (Chính Luận)

Tuy vậy ông không trọng hình pháp lắm, cho nên lại bảo: «Đời xưa dùng hình pháp không quá cái tội, ban thưởng tước lộc không vượt cái đức (...) người thiện kẻ ác phân biệt, ai nấy đều lấy cái trung thành mà thông đạt. Ấy là đề khuyên kẻ làm thiện và răn kẻ ác, hình phạt thì giảm bớt mà cái uy quyền thi hành ra như nước chảy, chính lệnh rất phân minh, mà việc cải hóa (dân chúng công hiệu) như thần « *Cồ giả hình bất quá tội, tước bất dụ đức (...) phân nhiên các dĩ kỳ thành thông Thị dĩ vi thiện giả khuyến, vi bất thiện giả thư, hình phạt cơ tình nhi uy hành, như lưu chính lệnh trí minh nhi hóa dịch như thần (Tuân Tử)*

Hàn-Phi tiến lên một bậc nữa, chuyển hẳn qua pháp trị, coi pháp là một trong những công vụ quan trọng nhất của bất quân chủ, nên bàn về pháp rất cặn kẽ. Trong thiên *Nạn tam* ông viết :

« Những công cụ quan trọng của vị nhân chủ, ngoài pháp với thuật ra không có gì khác. Pháp là biên chép trong đồ thư bày ra ở quan phủ, ban bố ở trong dân gian; còn thuật là giấu ở trong lòng (...) Pháp thì không gì bằng rõ, mà thuật thì đừng nên cho hiện ra. « *Nhân chủ chi đại vật, phi pháp tức thuật dã. Pháp giả biên trứ chi đồ tịch, thiết chi ư quan phủ, nhi bố chi ư bách tính giả dã; thuật giả tàng chi ư hung trung (...) Pháp mạc như hiền nhi thuật bất dục hiện.*

Theo ông thì Thân Bất Hại chuyên bàn về thuật, Thương Ưởng chuyên

bàn về pháp (thực ra có lẽ Quản Trọng là người đầu tiên bàn về dùng pháp để trị dân, cả hai chỉ chuyên dùng một món nên công dụng không lớn, ông gom ý kiến của cả hai nhà mà dùng vào việc chính trị. Sáng kiến của ông là vạch rõ những qui tắc để hành pháp.

Có ba qui tắc :

1. — Phải truyền bá pháp luật rộng rãi cho dân được biết. Đầu đời Chu, hình luật đã khắc lên thẻ tre và đỉnh đồng, nhưng chỉ đề riêng cho hạng quý tộc biết mà thi hành. Thế kỷ thứ bảy trước T.L. Quản Trọng nước Tề đã có ý công bố pháp luật rộng rãi hơn; tới thế kỷ sau, Tử Sản nước Trịnh mới đặt ra hình thư, công bố pháp luật thành văn mà pháp lí học phát sinh, truyền cho Thương-Ưởng (thế kỷ thứ tư) Hàn-Phi theo chính sách Thương-Ưởng nhấn mạnh vào sự quy hoạch chế độ cho rõ ràng để dân hiểu được; định rõ trách nhiệm các quan lại về hình pháp coi họ như những bậc thầy trong thiên hạ, bất kì ai muốn hỏi gì về pháp luật, họ cũng có bổn phận phải giảng rõ cho; nhưng nếu hỏi mà không đáp hoặc tự ý giảng sai điều lệ, sửa đổi điều lệ thì bị tội; hơn nữa khi giảng rồi phải chép lời giảng cả ngày tháng, tên mình, lên một tờ khoán, họ giữ nửa tờ khoán bên phải người hỏi giữ nửa tờ khoán bên trái, để không thể chối được, gian lận được. Trong bài sớ của Lý Tư, câu «Ai muốn học pháp lệnh thì phải lấy kẻ lại làm thầy.» (Nhuộc dục hữu học pháp lệnh, dĩ lại vi sư), chính là tự tưởng của Hàn Phi.

2. — Trọng thưởng và nghiêm phạt. Thương-Ưởng chủ trương chỉ phạt

tội mà không thưởng công, thuyết để thiên lệch, Hàn Phi sửa lại : «Thưởng mà hậu thì điều mình muốn cho dân làm dân mau mắn mà làm ; phạt mà nặng thì điều mình ghét và cấm, dân mới mau mắn mà tránh.» *Thưởng hậu giả tắc sở dục chi đắc dã tậ ; phạt trọng tắc sở ố chi cấm dã tậ.*

Ông bác cái thuyết cho rằng thưởng mà hậu thì tổn tiền, phạt mà nặng thì hại dân, mà bảo ; «Thưởng mà hậu không phải chỉ để thưởng công mà còn để khuyến khích dân chúng nữa ; phạt nặng không phải chỉ để phạt một kẻ gian mà còn để ngăn kẻ bậy ở trong nước ; khi đã ngăn được kẻ bậy trong nước rồi thì còn hại gì cho dân nữa đâu. *Thượng thiết trọng hình nhi gian tậ chi, gian tậ chi tắc thử hề thương ư dân dã.* (Thiên Lục Phân)

Thương-Uởng nghĩ rằng làm điều thiện là bổn phận của công dân cho nên không đáng thưởng ; chỉ bọn cáo gian là mới được thưởng thôi. Hàn phi rộng rãi hơn trong sự thưởng, bảo làm điều thiện cũng đáng khuyến khích. Về sự nghiêm phạt thì hai nhà đồng ý với nhau đại ý bảo ;

«Lợi cho dân không gì bằng nước được trị, muốn trị thì phải lập vua, lập vua thì phải tôn pháp, luật, tôn pháp luật thì phải trừ gian, trừ gian thì phải dùng nghiêm hình, vậy dùng hình để trừ tội rồi khỏi phải dùng đến hình nữa.»

Muốn tôn trọng pháp luật thì hình không phân biệt giai cấp ; từ khanh tướng đại phu tới thứ dân, kẻ phạm pháp là đều bị tội không tha. Chính

sách đó trái với chính sách thời phong kiến, là một tấn bộ về chính trị ; nhưng còn khuyết điểm này là cả Thương-Uởng lẫn Hàn Phi cho địa vị của vua chúa cao hơn pháp luật ; cho nên vua không cần theo pháp luật, do đó có cái tệ chuyên chế trong hai ngàn năm sau.

3. — Áp dụng pháp luật phải chuyên, không được bàn ra bàn vào : «Pháp đã định rồi, đừng dùng lời mà khéo hại pháp». Hàn Phi bảo đặt ra pháp luật để trị dân mà lại còn thi hành nhân nghĩa, thì hỏng » Ban ơn cho kẻ nghèo khổ, đời gọi là nhân nghĩa, thương hại trăm họ, không nhẫn tâm giết, phạt, đời gọi là huệ ái. Ban ơn cho kẻ nghèo khổ thì thành ra kẻ không có công mà được thưởng không nhẫn tâm giết phạt thì bị bạo loạn không hết.», «cho nên người có lòng nhân mà ở ngôi cao thì kẻ dưới phóng túng mà phạm cấm, rồi mong người tha thứ, người tàn bạo mà ở ngôi cao thì pháp lệnh bậy bạ (...), dân oán mà sinh lòng làm loạn ; cho nên bảo : kẻ nhân và kẻ tàn bạo đều là hạng người mất nước.» *Phù thi dũ bần khốn giả thử thể chi sở vị nhân nghĩa, ai lân bách tính, bất nhẫn chu phạt giả thử thể chi sở vị huệ ái dã. Phù thi dũ bần khốn tắc vô công giả đắc thưởng, bất nhẫn chu phạt tắc bạo loạn bất chi Nhân nhân tại vi tắc hạ tứ nhi khuynh phạm cấm pháp, thâm hạnh nhi vọng ư thượng, bạo nhân tại vi tắc pháp lệnh vọng (...) dân oán nhi loạn tâm sinh ; cổ viết : Nhân bạo giả giai vong quốc giả dã.* (Bát thuyết)

Vậy theo Hàn thuyết người trên theo nhân nghĩa mà trị dân thì dân sẽ

theo nhân nghĩa, chỉ là một ảo tưởng của nhà Nho, làm hại cho nước. Là vì tính con người vốn ác.» Bày một vật không đáng giá gì ở chỗ vắng vẻ tối tăm thì dầu Tăng Sĩ cũng chưa chắc là không lấy trộm; treo trăm lạng vàng ở giữa chợ thì dầu kẻ chuyên trộm cướp cũng không dám lấy «*Trần khinh hóa ư u uẩn, tuy Tăng Sĩ khả nghi dã; huyền bách kim ư thị, tuy đại đạo bất thủ dã.*» (Lục phản)

Và lại, hạng người thiện trong nước nếu có thì cũng ít lắm, hạng người bất thiện thì rất nhiều, trị nước là trị cái số đông, chứ không trị số ít, cho nên không chăm chú vào đức mà phải chăm chú vào pháp.

Tư tưởng của Thương và Hàn đã trái ngược hẳn với tư tưởng của Khổng Mạnh.

Thương, Hàn còn phản đối chính sách «pháp cồ» của nhà Nho. Khổng Mạnh thì «pháp tiên vương» nghĩa là lấy Nghiêu Thuấn làm mẫu mực để trị nước, Tuân tử thì «pháp hậu vương» nghĩa là noi gương và dùng chính sách của các vua đời Tam Đại (Hạ, Thương, Chu); còn Thương, Hàn biết rằng xã hội diễn biến, không nên bắt chước đời trước, phải tùy thời thế mà đặt ra pháp lệnh. Hàn Phi viết:

«*Thời đổi mà pháp không đổi thì loạn...* Cho nên thánh nhân trị dân tùy thời mà đổi pháp. «*Thời di nhi pháp bất dịch tắc loạn...* Cổ thánh nhân chi trị dân, pháp đữ thời di.

Hàn đã kích Khổng Mạnh nhất trong đoạn này:

«*Khổng-tử, Mặc-tử đều dẫn Nghiêu, Thuấn mà chủ trương khác nhau, và đều tự bảo thuyết của mình mới là đạo Nghiêu, Thuấn chân truyền. Nghiêu, Thuấn không sống lại thì ai là người định được Nho, Mặc bên nào là phải? Ấy thế mà nay lại muốn xét đạo Nghiêu Thuấn cách đây tới 3000 năm thì có lẽ không thể nào đoán được.*»

«*Không tham nghiệm mà quyết rằng đúng là ngu vậy; không thể quyết chắc là đúng mà lại cứ nói chắc, là lừa gạt người ta vậy. Cho nên cứ lấy lời người trước mà đoán định Nghiêu, Thuấn thì nếu không ngu, tức là lừa gạt người.*»

Khổng-Tử, Mặc-Tử câu đạo Nghiêu, Thuấn nhi thủ xả bất đồng, giai tự vị chân Nghiêu, Thuấn. Nghiêu Thuấn bất phục sinh, tương thù ử sử định Nho, Mặc chi chân? Kim nãi dục thâm Nghiêu, Thuấn chi đạo ư tam thiên tuế chi tiền, ý giả kỳ bất khả tất hồ?

Vô tham nghiệm nhi tất chi giả, ngu dã, phát năng tất nhi cứ chi giả, vu dã. Cổ minh cứ tiên vương tất định Nghiêu, Thuấn phi ngu tắc vu dã.

GIẢN CHI và NGUYỄN HIẾN LÊ

Kỳ tới : **THUẬT & THẾ**

Sách của Thương Quân cũng có câu: «*Khéo trị nước thì khiến cho tên Chích (tên đại bọm) cũng đáng tin, huống là Bá Di (vị hiền nhân rất liêm khiết); không trị được nước thì khiến cho Bá Di cũng đáng nghi, huống hồ là tên Chích.*» vì cái thế không thể gian được và có thể gian được, khác nhau có bấy nhiêu thôi.

CÁT LÂY

PHẦN THỨ HAI

2 | Em đã mất cái nhìn về toàn thể lịch sử em chỉ còn thấy được sự kiện hỗn độn của thực-tế vô phép tắc. Nên tư tưởng của em cũng vậy, ông Hoanh nói, ông vẫn coi tôi như đứa học trò cũ từ năm lớp nhất và ông đã mở óc, kết nạp, hướng dẫn trong hoạt động mấy năm trước. Ông không chú ý đến tôi đã lớn, đã thay đổi và những phân tích, giải thích, suy luận của ông không còn thoả mãn được tôi như ngày nào ; sở dĩ lâu lâu tôi vẫn lui tới thăm ông, ngồi im lặng nghe ông dạy dỗ, nhận sách báo tài liệu ông chuyển cho đọc là so chừng cái mức độ rõ rệt của một lý tưởng ở nơi tôi (Lý tưởng trở thành huyền tượng mông hùg và con người bị nhất bằng treo giữa hư vô). Tôi ngồi trong gian nhà gạch vùng quê, giống như gian nhà của gia-đình tôi, nhưng ngăn nắp sáng sủa nhiều sinh khí hơn. Ông Hoanh dạy ở trường tiểu học tại tỉnh từ nhiều năm, nhưng sống cách xa nơi làm việc mười cây số ; buổi chiều ông trở về nhà bằng xe đò hay xe Lambretta lồi. Vợ ông lãnh trông nom mầu vườn trái cây của một gia-đình giàu có ở Saigon, nhà ở không mất tiền, ông sanh được bốn người con và còn nuôi thêm đứa con nuôi, con của một nữ đồng chí đã chết trong nhà giam của quân đội Pháp; vợ ông là người nhà quê thuần túy không biết chính trị và cũng không hề đề ý đến hoạt động của chồng, chỉ lo chăm sóc con cái, vườn cây, bầy heo và bầy gà. Ông Hoanh thường nhật có dáng

dấp bậc mô phạm hiền lành, kiêu mẫu, một ông giáo làng già mãi không hết tuổi, an phận và chậm-chạp, Những khi ngồi họp với chúng tôi, bọn học sinh mới lớn, ông linh động hơn, hăng hái hơn nhưng vẫn không rũ hết vẻ lừ-như cổ-hữu. Ông đứng dậy sờ chân vào dép, đi tới tủ gỗ, mở tìm lấy một cuốn sách đã cũ vàng, đưa cho tôi nói: « Bây giờ là lúc em nên đọc những cuốn sách như thế này », đó là cuốn Duy vật biện chứng pháp của Phan văn Hùm. Tôi không muốn nói với ông là trong mấy năm tôi đã đọc khá nhiều sách loại này, tôi đã đọc như kẻ đói khát, như kẻ tội lỗi, như kẻ chết đuối, tôi đã đọc như tôi được sống và được chết (và tôi không sống cũng không chết) « Em phải làm việc lại. Chỉ có công tác thực tế mới làm cho em thấy hữu ích, em mới có thể nhận quan đúng về lịch sử... Còn những cái này em phải hiểu... Cách mạng có những lúc thoái trào, lực lượng phản động... Ông chỉ tay xuống bức hình chụp lớn của một đám thanh niên nam nữ Hung-gia-Lợi cặp tay nhau đi trên đường phố, sau lưng là một ngọn cờ, trong dáng điệu tươi cười hơn hờ của những kẻ bước tới những chốn hẹn hò của lịch sử, trên một tạp-chí ngoại quốc. Tôi ngó theo, tưởng nhớ tới những tấm hình gấp ở trong và nhủ: Tôi không có đồng bạn.

Tôi đã nghe ông Hoanh tiếp xúc với những đứa cùng lứa tuổi tại trường Đại-học và tôi cố gắng muốn gia nhập trở lại nổi mê say cũ mà không được. Bọn sinh-viên di-cư, tuy không còn quá khích như những năm mới vào, chịu ép mình trong chế - độ mới nhưng vẫn giữ thái-hộ tinh thần quyết liệt của những kẻ mất quê hương đối với chủ nghĩa. Đám sinh viên ông Hoanh giới thiệu tôi đến gặp chỉ là bọn tư sản đang tự sát. Tôi đã tới dự buổi họp của bọn sau này bàn định chống lại việc thống nhất Tổng-Hội Sinh-Viên do bọn di cư đề xướng được nguy - trang như một buổi tiếp tân tại biệt thự của một viên cự bộ trường Canh-nông. Âm nhạc nổi, gian phòng trần thiết lối Tây phương các cửa lớn mở ra vườn đón ánh sáng buổi chiều mùa hè, bọn con trai con gái đi lại tụ tập cười đùa trò chuyện (phần đông dùng ngoại ngữ) đứa con gái chủ nhân sửa soạn đi Pháp học thuốc, bal cuối năm sắp mở của tụi Médecine, tinh thần của bọn Yankee không hợp với esprit européen, nhạc Jazz của bọn nègre (câu chuyện hào hứng khi có một giọng đầm kêu trời lên: Blues ảo não chưa. Nổi thống khổ của bọn đen tại Etats - Unis... Tôi ngồi chết cứng ở một đầu ghế dài, trên tay ly nước cam, không biết mình sẽ hội họp với những ai sau buổi tiệc vui này. Đứa đưa tôi tới đứng giữa một bầy con gái đang khoa môi múa mép về vấn đề chia rẽ chủng tộc tại Hoa Kỳ. Tiếng vỗ tay lớp lớp khi từ ngoài sân bước lên thêm hai ba nhân vật đứng tuổi, trong số ấy có một nữ bác sĩ có chân trong phong trào vận động hòa bình. Phòng khách mỗi lúc thêm huyền ảo, tôi có cảm tưởng mọi người có thể nói tào lao

cho tới khuya và riêng tôi, tôi không hiểu tôi phải nói với ai, ngồi trên ghế gỗ người qua lại đụng vào mình đợi chờ gì. Tôi tự nhủ : tụi bay đang tự đào huyệt chôn tụi bay đó. Một bọn đứng kể chỗ tôi, án hết tầm mắt nhìn ra ngoài, thảo luận về hòa bình : hòa bình xã hội, một xã hội không giai cấp : tôi phải ngoảnh phía trước mặt, nhìn bức tượng đồng đen nhỏ đặt trên nắp đàn dương cầm để khỏi phải nghe những tiếng làm xàm chọc lỗ nhĩ. Tôi bỏ về ngang, không đợi phần thứ hai của buổi họp mặt, và nói với ông Hoanh tôi không thể nào tiếp xúc với bọn trưởng giả đón hèn chỉ làm mình khinh bỉ, chúng nói chuyện cách mạng như xức dầu thơm đi dự dạ hội. Ông Hoanh bảo : « Em chưa hiểu rõ thế nào là tranh đấu ... Họ không phải là người làm cách mạng, trong cuộc cách mạng xã hội sắp tới, tất nhiên không thể có họ, nhưng trong lúc này họ có ích với chúng ta. Em phải sáng suốt mới được ». Tôi muốn hỏi ông trong cuộc cách mạng sẽ tới đây có ông và tôi không, nhưng tôi biết ông không sao trả lời cho tôi được.

Ra khỏi biệt thự, tôi bước vào con đường dài thẳng tới phi trường hai bên cây trồng thẳng kết thành vòm hiu quạnh trong buổi chiều nhá nhem. Tôi nghĩ đến đời sống chật hẹp ràng buộc, từ nhỏ tới giờ tôi chưa vượt quá con đường dài ba mươi cây số từ tỉnh lên Sài Gòn, và tôi chỉ biết mơ mộng cùng chiều sâu thẳm của các ý tưởng. Tôi như sự tỉnh về thân phận mình hơn, một đứa nhà quê muốn thoát tới chân trời viễn vọng, nhưng đó lại là sự sự tỉnh muộn màng ử ử vì bị nhốt kín trong gian hầm tối tăm của một trí tuệ ly thân.

Hiệp quay lưng, nghiêng đầu tựa vào mặt quầy, gần bên bình « lay-on » ; sau bình bông, một người đàn bà ngồi thẳng, cổ dài như muốn vươn cao thêm như một con hươu sao nghech mồm ; dường như Hiệp nói một câu gì duyên dáng và người đàn bà cười nắc nẻ, đầu tóc nghiêng ngả như nhập cốt. Tôi đứng bên góc đường, sau lưng là một phố tối âm u, nhìn qua quán rượu chiếm góc tường đối diện, mở vòng hai mặt phố. Trước quán là vườn bông với đường chạy vòng, những nhánh phố thông sang con phố Tây sang trọng, nhập vào đường bờ sông lớn chạy từ xưởng Ba son xuống cột cờ Thủ Ngữ ; ngồi trong quán những buổi sáng mệt mỏi êm tĩnh nhìn thấy chiến hạm nằm nghỉ, bến đò sang Thủ-thiên là mặt tường của hãng Caric. Trong ánh sáng nồng nặc của ánh nê ông, người đàn bà và Hiệp cử động như một khúc phim câm, không có người thứ ba trong quán. Tôi đứng tò mò theo dõi và nghĩ : giờ này chưa về, Hiệp không về nhà tối nay. Một lúc người đàn bà đi vào trong, Hiệp khát khường rời quầy tới ngồi vào ghế bên cạnh một chiếc tủ đứng thấp bọc kính dày thấp đèn sáng bên trong — chiếc máy hát tự động mỗi lần bỏ

xu vào — Người đàn bà trở ra, Hiệp lại đưa tay nói tiếp nhưng không rời chỗ ngồi, câu chuyện có vẻ tương đặc; đến phiên người đàn bà áp má xuống mặt quầy, nhào bở thông bàn tay ra phía ngoài và Hiệp tiến đến, ghé lên chiếc ghế cao cũng ghé mặt xuống, nhìn xa trông đáng điệu như Hiệp đang ôm lấy người đàn bà; có lẽ Hiệp nói nhỏ điều gì đó vào tai, người đàn bà cười rú lên nghe rõ bật ngửa người lại đằng sau còn Hiệp cũng ôm bụng cười nghiêng ngửa. Tôi nghĩ bụng: giá Diệp được chứng kiến ông thầy của nàng trong cảnh này.

Tôi băng ngang đường, kiếm một chỗ ngồi đục mưa khuất trong đám bàn ghế mây kê ngoài hè của quán rượu sát chân tường dưới mái hiên. Tôi nghe rõ tiếng nói chuyện ở trong quán, người đàn bà và Hiệp đang nói tới một người thứ ba: một người đàn ông tên Kim, có lẽ là bạn chí thân của Hiệp, hiện ở xa. Người đàn bà chắc là tình nhân cũ của Kim, đang kể những tật xấu của bạn cho Hiệp cười, tiếng rói yếu hơi thoát thành những âm chuốt nhỏ sắc; Hiệp coi bộ muốn say, cười ngả ngón khoái trá, gọi người đàn bà bằng cô, dưới ánh đèn mặt hai người xanh sao bệnh hoạn. Tôi ngồi có đến năm phút người đàn bà mới nhìn thấy và bước ra ngoài chào khách. Ở trong quán, âm nhạc đột nhiên vọng lên kéo theo một khúc hát thăm thì kể lẽ: Xưa có một mối tình lớn tưởng bền thiên thu, Xưa có bầu trời xanh... (Amour perdu ... armour perdu : ne reviendrait jamais phus); Hiệp ra đứng tựa bên cửa quán, ngó mông sang phía sông tối mù vì màn mưa nhỏ nhưng dày; khi người đàn bà đi ngang chỗ Hiệp đứng họ cười với nhau. Tôi nhìn thấy đốm lửa thuốc trên môi Hiệp lập lòe và bỗng đứng tôi nghe mình cô đơn và gần gũi với Hiệp lạ lùng; tôi muốn tiến tới nói với Hiệp nhưng không biết phải mở đầu câu chuyện như thế nào.

Tôi không rõ Hiệp tới gần tôi lúc nào, tôi giật mình khi anh kéo ghế bên cạnh ngồi xuống và nở nụ cười. Dường như anh đã ngà say nên mọi cử động khoan thai và thoải mái hơn, anh ngồi im một lúc không nói hay anh đã nói một câu trước đó nữa mà vì mưa tôi không nghe nên anh im lặng. Anh bập bập từng hơi thuốc dài, điệu thuốc lòe sáng và cháy sèo vì những hơi nước tạt. Chúng tôi cùng im lặng lúc lâu nhưng không ai thấy khó chịu. Tôi nhìn ánh điện hoen mờ bên bờ sông và nghe rào rạt tiếng mưa trên mặt sông. Rồi người đàn bà cũng ra ngồi chung bàn bỏ mặc cái quán trống vắng không ánh đèn màu và những đĩa nhạc quay không. Một lúc nhạc tắt, tôi còn nghe mang máng bên tai lời ca ảm đạm tê tái (một thành phố cao, chán chường trong khuya): nhìn ra cửa sổ, hút điệu thuốc nhạt nhẽo này của tôi .., điệu thuốc nhạt nhẽo của tôi.

(còn tiếp)

THANH-TÂM-TUYỀN

SINH HOẠT

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

Văn-chương quốc-tế

Đó là tên một giải thưởng — văn chương, dĩ nhiên — do các nhà xuất bản đặt ra năm 1961. Đầu tiên có sáu nhà xuất bản sáng lập. Tới nay, là năm thứ năm, có tất cả mười ba nhà xuất bản tham gia. Hội đồng năm nay họp ở Valescure, tại nước Pháp, do Claude Gallimard mời.

Người trúng giải năm nay là một nhà văn Hoa-Kỳ : Saul Bellow. *Herzog*, cuốn tiểu thuyết mới nhất của ông, trong năm sáu tuần vừa qua đã dẫn đầu trên thị trường.

(Xin nhắc lại : người trúng giải năm ngoái là Nathalie Sarraute).

Giải Formentor 1965

Cũng lại mười ba nhà xuất bản nói trên, họp tại nơi nói trên, vừa quyết định cấp giải Formentor cho bản thảo

cuốn *The Night Clerk* của Stephen Scheneck. (Bản thảo sẽ được dịch, ấn hành cùng một lượt mười ba thứ tiếng, tại mười ba quốc gia).

Cái gì còn ở trong bản thảo tất nhiên là còn bí mật. Những lời bàn tán về nó đều coi như không chính thức. Vậy : tin không chính thức cho biết rằng *The Night Clerk* chứa đựng nhiều điều khá tục tĩu. Người gác đêm đã trộm lên mục kích những điều làm cho văn chương phải đỏ mặt.

Thư tình

Mặt khác, Jacques de Lacretelle cũng vừa làm một chuyện khiến nhiều văn sĩ (chứ không phải văn chương) phải đỏ mặt... nếu họ còn sống. J. de Lacretelle cho xuất bản cuốn *L'amour sur la place*.

Đó là cuốn sách tiết lộ những bức thư tình thực bí mật của nhiều danh nhân, mà đa số là văn sĩ, nam có nữ có.

Đọc cuốn sách đó, người ta nhận thấy trong cuộc tranh tài này những tay chuyên nhả ngọc phun châu như Chateaubriand, như Balzac, như Hugo v.v... không ăn đứt nổi những ông tướng như Nelson, Bonaparte : những ông này không dính líu ăn thua gì tới văn chương, nhưng khi cần viết thì dám viết thành linh những câu này lửa.

Kinh nghiệm rút được : những ai yêu đương từ rày đừng có thuê văn sĩ thảo giùm thơ tán gái nữa, hãy cầm một mảnh giấy thơm tìm đến các ông tướng.

Là bài triết lý học được ở tác phẩm này là : không có gì cho ta thấy được trọn vẹn một con người, không có gì cho thấy rõ được một xã hội, các phong tục tập quán, các điều giới cấm của nó cho bằng một bức thư tình ». (Ý kiến của Christian Murciaux khi phê bình tác phẩm của J. de Lacretelle).

Một loài sắp bị tuyệt chủng

Đó là loại phê bình gia chịu đọc hết cuốn sách mà mình phê bình. Loại đó ngày nay không còn sót lại được mấy trên thế gian, theo ý kiến của Jacques Brenner.

Nhà phê bình văn học Maurice Chapelan khen rằng ý kiến đó rất đúng. Quả thực giống phê bình gia cần thận sắp tuyệt chủng đến nơi rồi. Sách bây giờ nhiều quá, thì giờ thì lại ít quá : chờ đọc xong từ đầu tới cuối một cuốn sách rồi mới cầm bút phê bình mớ xẻ nó, như vậy chẳng hóa ra lắm cầm quá, lạc hậu quá, không hợp thời chút nào.

Nhận định về thiên hạ xong, Maurice

Chapelan tự thú : về phần ông thì ông vẫn đọc hết cuốn sách trước khi phê bình, đó là chỗ « yếu đuối » và « ngây thơ » của ông. (Giống phê bình gia khiêm tốn « chân thành » như M. Chapelan; may thay, chưa có vẻ gì sắp tiêu diệt).

Bên này và bên kia dãy Pyrénées

Người ta quyết định thưởng cho J. P. Sartre giải Nobel Sartre từ chối. Chuyện đó ai nấy đều biết, vì là chuyện lớn lao, không dễ gì mỗi lúc mỗi xảy ra.

Sartre từ chối không phải vì chê tiền, vì muốn khoe giàu, dĩ nhiên. Sartre không cần người ta biết mình là một người giàu có trong giới giàu có của cái xã hội tiền bạc này. Cái ông cần là xác nhận để người ta biết ông ở phía tả, ông là nhà văn tiến bộ. Bởi vậy, công kích giải Nobel, ông vẫn hỏi nó : Tại sao không thưởng giải đó cho Chokolov, cho Aragon, mà lại thưởng cho Pasternak ? Ý ông muốn nói cái giải thưởng chỉ chuyên làm hại mà không chịu làm lợi cho uy tín nước Nga, ông chê nó, ông không bằng lòng nhận nó.

Minh bạch như thế ai cũng phải chịu ông là người tiến bộ, ông là nhất rồi. Tình hình phía bên này như vậy.

Nhưng vừa rồi bà Olga Carlisle đi du lịch ở Mạc tư khoa về, có viết một bài trên *New York Times Book Review*, nói về tình hình văn nghệ bên kia, bên phía Nga-Sô. Bà kể rằng thái độ của Sartre, nhà cầm quyền Nga « chịu » lắm. Còn giới trí thức thì, trái lại, họ bắt đầu ngán Sartre sau câu chuyện về Pasternak. Ở Nga, giới trí thức coi Pasternak là nạn

nhân của áp lực nhà nước. Những phần tử tự do bên vực Pasternak. Và họ xem như Sartre vừa rồi đã đứng về phía đàn áp, về phía hàng ngũ... phản động !

Chân lý bên này dãy Pyrénées không thành chân lý phía bên kia. Một thái độ, đối với bên này và bên kia bức màn sắt có ý nghĩa khác nhau xa, Sartre bị kẹt bất ngờ !

Ôn cố tri tân

Giải Formentor chỉ chọn các tác phẩm chưa xuất bản, bản thảo được dịch rồi in ra năm sau. Bởi vậy về cuốn *Night clerk*, như ta đã thấy, chỉ có lời ước đoán không rõ thực hư ra sao.

Nhân dịp này, có thể nhắc lại tác phẩm được thưởng giải Formentor năm ngoái — 1964 —, tức là tác phẩm hiện nay đã ra mắt độc giả. Đó là cuốn *Những người Lùn-Khồng lồ* của Gisela Elsner. Nữ sĩ, năm nay 27 tuổi, vừa có hai đời chồng. Người ta bảo rằng nếu ban giám khảo chấm luôn cặp mắt đẹp,

chắc hẳn Gisela Elsner cũng chiếm một giải thưởng quốc tế, không sai.

Người đẹp (mắt) ấy có một đặc điểm : là nói tục không ai bằng. Trong *Những người Lùn-Khồng lồ* (bản tiếng Pháp của nhà xuất bản Gallimard) có những đứa trẻ con xúm nhau trối cha mẹ lại trên giường và bắt cha mẹ hoạt động sản xuất cho chúng một đứa em, ngay dưới mắt chúng. Lại có người đàn ông mở rộng hai bắp đùi tới nỗi đủ chỗ lao cả một cái đầu vào giữa. Có những cảnh giữa người đàn ông và người đàn bà chỉ có cái bụng là dính liền, và giữa hai cái đầu cách nhau thì chiếc cà-vạt của người đàn ông thông xuống nối nhịp cầu tương giao...

Thì ra thứ văn chương được các nhà xuất bản hâm mộ thi dù của Anh, hay của Đức, (hay của Việt-Nam cũng vậy), dù là của nam sĩ hay nữ sĩ, đều có một chỗ giống nhau.

Tháng 6 - 1965

TRĂNG THIÊN

Chuyến công du của thượng tọa Thích Thiên Ân tại Hoa-Kì và Nhật-Bản

Thượng tọa Thích-Thiên Ân không xa lạ gì với bạn đọc Bách-Khoa, vì thượng tọa vốn là học giả Đoàn-Văn-An, người đã từng viết nhiều bài về Phật-giáo, về Thiền-học cho Bách-Khoa. Hiện ông giữ chức khoa trưởng phân khoa Văn khoa và Nhân văn ở trường Đại-học Vạn-Hạnh, và mới công du sang Hoa-Kì và Nhật-Bản.

Sinh viên, giáo sư Đại học Vạn-Hạnh cùng một số nhà báo, nhà giáo, nhà văn, nhà thơ và nhà trí thức ngoại quốc và trong nước đã đến đông đảo nghe ông tường thuật chuyến công du này, tại giảng đường của viện Đại học Vạn-Hạnh, lúc 4 giờ chiều ngày thứ bảy 29-5-1965.

Sau lời giới thiệu của thượng tọa

Thích Minh-Châu, viện trưởng, diễn giả nói mấy lời cảm ơn hội Văn-hóa Á-Châu (Asia Foundation) đã bảo trợ cuộc công du dài sáu tuần lễ này (bắt đầu từ đầu tháng tư đến giữa tháng năm năm nay). Nhiều người — rất nhiều người — nghĩ rằng ông đi sang Mĩ-Quốc có nhiều lí do, trong đó có lí do... Chánh trị. Sự thật, vấn đề Chánh trị không thành vấn đề trong chuyến đi này, mục đích cốt yếu của nó chỉ là Văn-hóa và Giáo-dục. Nên ông ân cần nhờ thỉnh giả giải thích giùm cho những người quen biết hôm nay không có mặt nơi đây, mà đã hiểu lầm như thế. Rồi ông nói rõ những mục đích — vì mục đích có nhiều — của chuyến công du này.

Mục đích thứ nhất : dự các cuộc hội nghị quốc tế ở Hoa-Kì tại San-Francisco và Colorado Springs.

Mục đích thứ hai : chứng tỏ với thế giới, và nhất là với người Mĩ — vì cùng đi với linh-mục Cao-Văn-Luận, nguyên viện trưởng Đại học Huế — rằng hai tôn giáo lớn ở Việt-Nam dù có những quan niệm bất đồng về tín ngưỡng, nhưng ít nhất cũng có thể cộng tác với nhau trên các phương diện Văn hóa và Giáo dục.

Mục đích thứ ba : thăm viếng thiện chí các cơ quan Văn hóa và Giáo dục ở Hoa-Kì và Nhật-Bản, và tiếp xúc với các nhà lãnh đạo các ngành ấy.

Mục đích thứ tư : mục đích quan trọng hơn hết : giới thiệu viện Đại học học Vạn-Hạnh và đặt liên lạc giữa viện Đại học Vạn-Hạnh với các viện Đại học ở Hoa-Kì và Nhật-Bản,

Đây là lần đầu diễn giả viếng nước cầm đầu Thế-giới Tự do, nên sau phần mở đầu, diễn giả cho biết :

Vài nhận xét về người Hoa-Kì.

Nhận xét đầu tiên của ông là :

— Hoa-Kì là một quốc gia tiến bộ về văn minh vật chất : nào nhà cao, đường rộng, xe đông, nào sự giao thông tiện lợi và mức sống dân chúng rất cao. Ở Hoa-Kì, người ta ít thấy sự cách biệt về mức sống giữa thành thị và thôn quê. Một cố gắng của Hoa-Kì là làm cho sự cách biệt này càng ngày càng ít.

Nhận xét thứ hai là :

— Hoa-Kì đất rộng mênh mông : đi từ bên này sang bên kia, giờ địa phương thay đổi đến bốn lần, và từ tiểu bang này sang tiểu bang khác, thường mất ba tiếng đồng hồ. Người ta nói Hoa-Kì là một đại lục, quả không ngoa. Đất đã rộng mà tài nguyên khoáng chất lại rất dồi dào, phong phú.

Đó là đôi nhận xét về bên ngoài, còn đây là về bên trong :

— Người dân Hoa-Kì có một trình độ phổ thông giáo dục rất cao, hầu hết đều học xong nghĩa vụ giáo dục (8 năm). Nhờ thế mà họ không dễ dàng theo những tà thuyết như dân các quốc gia mà đa số dân chúng còn thất học.

— Xã hội Hoa-Kì là một xã hội hoàn toàn tự do và dân chủ. Những người công dân có chức vụ trong guồng máy quốc gia rất tận tụy với nhiệm vụ của mình.

Đến đây, diễn giả kể một bằng chứng : thông hành của ông Luận và của ông bị

thieu hủy trong vụ bom nổ gần tòa lãnh sự Mi ; bộ Nội vụ cấp cho thông hành mới, nhưng tai nạn vừa xảy ra hôm trước, các nhân viên ở tòa lãnh sự Mi có trách nhiệm để đóng dấu chiếu khán v.v..., không làm việc ngày ấy, và giữa cảnh bẽ bộn, chính tay ông lãnh sự Hoa-Kì tự đánh máy, đóng dấu, làm tất cả thủ tục để cho hai ông khỏi trễ việc lên đường.

Ở Hoa-Kì, người ta không thấy rõ sự cách biệt giữa thầy và trò, giữa kẻ trên người dưới, giữa chủ và tớ. *Tổ* là một cách nói, chớ ở Hoa-Kì, không thể thuê người ở. Chỉ có những người làm giờ, giúp ta trong việc quét dọn nhà cửa, lo việc bếp núc. Tài xế lái xe riêng tới nhà chủ, để xe mình đó, lái xe cho chủ, rồi mãi giờ làm việc, lại lên xe mình, lái xe về nhà, là điều thường như ăn cơm bữa.

— Hoa-Kì là một quốc gia tân lập, một dân tộc hợp chủng, vì thế mà người Mi đối xử với người ngoại quốc rất tự nhiên, ít có quan niệm phân biệt về nòi giống, trừ vấn đề màu da. Vấn đề này rất phức tạp, có đến tận nơi, ta mới thấy có lắm yếu tố tạo thành, như nếp sống của người da đen, trình độ học vấn của họ.

Nhận xét sau cùng, là về tôn giáo. Tự do tôn giáo được bảo đảm hoàn toàn. Không có sự phân biệt giữa những người khác tín ngưỡng. Có sự đoàn kết chân thành giữa các tôn giáo, không như ở các nước chậm tiến. Ở Mi, ít thấy những thái độ hiềm khích và chống báng giữa những người khác tôn giáo. Điều này giúp họ tiến bộ và văn minh mau.

Diễn giả đã cảm động biết bao khi được nhiều vị viện trưởng các Đại học Thiên-Chúa-Giáo tự lái xe tìm thăm diễn giả, rước diễn giả về diễn thuyết về Phật giáo tại trường mình. Nếu ở nước ta, mà được thế, thì đẹp để biết bao !

Người Hoa-Kì đối với dân tộc ta và tôn giáo ở Việt-Nam.

Hiện giờ, ở Hoa-Kì, đang có phong trào nghiên cứu và tìm hiểu dân tộc Việt-Nam. Hằng ngày báo chí đề cập đến vấn đề Việt Nam rất nhiều. Có nhiều lớp dạy tiếng Việt, có nhiều người Mi nói và đọc được tiếng Việt, nhất là các giới ngoại giao và quân nhân.

Các tầng lớp dân chúng, cũng như các giới học sinh, sinh viên, giáo sư .. rất quan tâm đến vấn đề Việt-Nam. Rất nhiều viện Đại học tổ chức những cuộc hội thảo về chánh sách của Hoa-Kì đang áp dụng tại Việt-Nam, tán thành cũng nhiều mà phản đối cũng lắm. Tinh thần tự do và dân chủ được biểu lộ rõ rệt trong các cuộc hội thảo sôi nổi này. Diễn giả mong sao ở nước ta, ít nhất người dân cũng được tự do phát biểu ý kiến mình về chánh trị.

Nhưng báo chí Hoa-Kì phóng đại những mâu thuẫn và chống đối giữa Phật giáo và Thiên-Chúa giáo tại nước ta. Khiến linh mục Cao-Văn-Luận và ông có lần đã vui vẻ bảo nhau : “ Nếu chúng mình tin theo những điều mà báo chí Hoa-Kì nói về hai tôn giáo chúng ta, thì tới khách sạn nào, chúng ta cũng phải ở hai phòng thật xa nhau, chớ ở khít nhau như thế này, thì chúng mình đến phải đánh nhau đi mất ! ”

Chẳng biết kí giả Hoa-Kì nhận thức sai lầm như thế là cố ý hay vô tình, nhưng linh mục Luận và ông, trong bất cứ cuộc tiếp xúc nào với người Mi, cả hai đều cho mình có bổn phận đính chánh dư luận tai hại trên đây. Và cả hai cùng nhận : quả giữa những người lãnh đạo hai tôn giáo này, có những điểm bất đồng ý kiến, nhưng hiện tình không quá thảm thê như thế !

Một điều đáng chú ý nữa, là từ năm 1963, dân chúng cũng như chánh giới Hoa-Kì đặc biệt quan tâm đến các hoạt động của Phật giáo Việt-Nam. Nhưng tiếc thay, lại có rất nhiều người hiểu lầm về các hoạt động của Phật giáo Việt-Nam, bởi những nguồn tin xuyên tạc hoặc do nhận thức phiến diện. Họ cho rằng Phật giáo Việt-Nam có tham vọng chánh trị, khuynh loát chính quyền, lấn áp các tôn giáo khác v.v...

Diễn giả kể lại, cuộc đối thoại giữa một kí giả Hoa-Kì và ông :

— Xin thượng tọa cho biết quan niệm thượng tọa về chánh trị.

— Người tu sĩ Phật giáo không được tham gia một tổ chức chánh trị nào.

— Thế sinh viên Phật tử xuống đường đó có phải là làm chánh trị không ?

— Sinh viên Phật tử xuống đường, là để biểu lộ ý nguyện của mình, đó là một hành động tự vệ, chứ không phải là làm chánh trị.

Vì thế mà trong các cuộc họp báo ở Hoa-Kì, diễn giả đã phủ chính những sự hiểu lầm ấy, nhưng còn phải cố gắng nhiều và thường xuyên hơn nữa mới mong người Mi hiểu đúng nguyện vọng và hành động Phật giáo Việt-Nam.

Và diễn giả đưa ra đề nghị này : Giáo hội nên thành lập tòa Đại diện Phật giáo Việt-Nam tại Hoa-Kì và các nước bạn để liên lạc và kịp thời đính chánh những nguồn tin xuyên tạc, hầu giữ tình thân hữu với Phật giáo đồ và dân chúng các nước bạn.

Rồi diễn giả nói đến

Phong trào nghiên cứu Phật giáo ở Hoa-Kì

Phong trào này đang lên mạnh. Các học giả, triết gia Hoa-Kì đang cố gắng tìm hiểu văn hóa Đông Phương, và nhất là Phật giáo ở Á-Đông. Ở lâm tiều bang, đã có dựng chùa thờ phụng, đã có những trung tâm để nghiên cứu Phật giáo, như ở San Francisco, Los-Angeles, Hawaii, Chicago... Có những người Hoa-Kì nghĩ rằng nếu họ có hiểu rõ Phật giáo thì họ mới giúp một cách hữu hiệu các dân tộc Á-Đông.

Trong việc truyền bá đạo Phật tại Hoa-Kì, các nhà truyền giáo Nhật đóng một vai trò quan trọng. Hầu hết các Đại học danh tiếng đều có các giáo sư Nhật dạy về Phật giáo. Ông không khỏi buồn mà thấy rằng Phật giáo Việt-Nam ta chưa đáng góp được gì, trong hiện tại. Nhưng trong tương lai, thì chắc sẽ có phần ; và ông báo một tin vui : ông được một trường Đại học Hoa-Kì mời dạy một năm.

Ở các viện Đại học lớn và danh tiếng, đều có các trung tâm chuyên dạy về Triết học Phật giáo và Văn hóa Đông Phương, như trung tâm Nghiên cứu Tôn giáo Thế giới ở Đại học Havard, trung tâm nghiên cứu Lịch sử Đông Phương ở Đại học Chicago, trung tâm

Nghiên cứu Văn hóa Đông-Tây ở Đại học Hawaii. Đặc biệt nhất là Đại học Wisconsin có dạy cả chương trình của lớp tiến sĩ Phật giáo nữa.

Có nhiều học giả Hoa-Kì nghiên cứu rất tường tận về triết học Phật. Các vị này đều là những giáo sư Đại học chuyên dạy về Phật giáo. Ngoài các sinh ngữ như Anh, Pháp, Đức họ có thể đọc được cả những bộ kinh bằng chữ Sanscrit, Pāli, Tây Tạng, Mông Cổ, Hán, Nhật...

Sau một buổi thuyết trình ở một Đại học, có một sinh viên lớp tiến sĩ hỏi ông : "Trong chương trình cổ ngữ Đại học Vạn Hạnh, sao chúng tôi chỉ thấy có một cổ ngữ ?" Diễn giả đã nhanh miệng trả lời : "Đó là điều kiện bắt buộc tối thiểu của trường chúng tôi." Nhưng ông nhắc nhở sinh viên Vạn Hạnh thấy rằng, sinh Hoa Kì phải học ba cổ ngữ để nghiên cứu về Phật giáo, mà sinh viên ta chỉ học có một cổ ngữ, thì khó hơn người.

Viện Đại học Vạn Hạnh với các viện Đại học Hoa Kì

Trong thời gian công du ngoài các việc vừa kể, ông còn có nhiệm vụ đặt liên lạc giữa viện Đại học Vạn Hạnh và các viện Đại học Hoa Kì, yêu cầu họ giúp đỡ về học bổng, xin sách cho thư viện, đề nghị việc trao đổi giáo sư và sinh viên.

Thấy rằng nhiệm vụ cấp tốc của viện là đào tạo giáo sư, nên bất cứ ở Đại học nào, ông cũng không quên xin học bổng cho sinh viên Vạn Hạnh.

Được biết mục đích của Đại học Vạn Hạnh vốn có hai : đào tạo cấp lãnh đạo Phật giáo và cấp lãnh đạo quốc gia sau này, dựa vào giáo lý nhà Phật ; các vị viện trưởng, giáo sư các Đại học mà ông tiếp xúc lấy làm hoan nghinh. Và khi họ biết viện Đại học Vạn Hạnh còn có trường Thanh niên phụng sự xã hội, thì họ vừa ngạc nhiên, vừa thích thú (ở Phật cũng thế). Và họ hứa sẽ gọi một số cán bộ sang giúp trường mới mẻ này.

Các viện Đại học mà ông có dịp tiếp xúc như Havard, Wisconsin, Chicago, Columbia, California, Hawaii, v.v... đều chấp thuận trên nguyên tắc về sự giúp đỡ và công nhận giá trị của viện Đại học Vạn Hạnh.

Các viện Đại học nói trên đều hứa cấp học bổng cho sinh viên viện Đại học Vạn-Hạnh, sau khi các sinh viên này đỗ bằng cử nhân của viện, cả Phật học và Văn khoa. Như học xong lớp B.A. (cử nhân) của viện thì qua Hoa Kì được vào học lớp M.A. trở lên, chứ không phải học lại. Và chậm lắm là trong tháng 9 này, viện Đại học Wisconsin sẽ cấp cho viện Đại học Vạn Hạnh một học bổng về lớp M.A. và Ph.D, các viện đại học Havard, Chicago Hawaii cũng hứa như thế.

Trong mùa thu sẽ tới đây, sẽ có vài vị giáo sư từ các viện Đại học nói trên đến giảng dạy tại Đại học Vạn Hạnh.

Và để đưa ra một bằng chứng cụ thể về sự giúp đỡ thân hữu của các viện Đại học Hoa Kì, diễn giả bưng đề lên bàn ba kiện sách của viện Đại học



T.T. Thích Thiên Ân

Chicago gửi biểu thư viện Đại học Vạn Hạnh.

Món quà chữ nghĩa này làm thính giả vui ra mặt, thì lại làm người « sứ giả văn hóa » buồn ra mặt, vì ông « thấy người lại găm đến ta ». Giá trị của một viện Đại học gồm có : sự tận tụy của giáo sư, đức siêng năng của sinh viên, và số sách của thư viện. Ở Mi, viện Đại học nào cũng có một thư viện chứa ít nhất là năm triệu quyền sách. Nhìn lại thư viện nhà, không khỏi đau lòng : nó mới nghèo nàn làm sao ! Nên ông xin hiến cho thư viện Vạn Hạnh tất cả sách của thư viện nhỏ của ông.

Cử chỉ « hiến dâng » này được cử tọa — nhất là anh chị em sinh viên — vỗ tay hoan nghinh một cách nồng nhiệt.

Trên đường về nước, ông có ghé Nhật Bản.

Viện Đại học Vạn-Hạnh với Quốc hội và các viện Đại học ở Nhật

Diễn giả đã được các nghị sĩ trong Quốc hội Nhật mời đến dự lễ thành lập « Nhật — Việt hiệp hội » do các nghị sĩ này của đảng Tự do Dân chủ thành lập.

Trong dịp này, ông được mời lên diễn đàn phát biểu ý kiến. Và ông đã lợi dụng cơ hội đề yêu cầu các nghị sĩ Quốc hội này tặng cho viện Đại học Vạn Hạnh một Đại tạng kinh bằng chữ Tây-Tạng, như họ đã tặng cho một viện Đại học ở Đại-Hàn tháng trước.

Tông hội Phật giáo Nhật cũng hứa sẽ tặng cho viện Đại học Vạn Hạnh nhiều học bổng và một Đại tạng kinh bằng chữ Hán.

Các viện Đại học lớn và danh tiếng như viện Đại học Tokio, Waseda, các viện Đại học Phật giáo như viện Komazawa, Taisho, Bukyo, Ryakoku v.v. cũng hứa giúp đỡ và trao đổi giáo sư, sinh viên với Đại học Vạn Hạnh.

Đặc biệt, có một viện Đại học Thiên Chúa giáo ở Nhật, viện I.C.U. (Quốc tế Thiên Chúa giáo Đại học) trong dịp diễn giả được mời đến giảng thuyết, cũng hứa cấp học bổng cho sinh viên Vạn Hạnh và thêm một việc giúp đỡ rất thiết thực, là sẽ gửi giáo sư qua giúp lớp Nhật ngữ và lớp Văn học Nhật sẽ mở tại phân khoa Văn học và Khoa học Nhân văn.

Thế thì ta có quyền tin tưởng ở

Tương lai của viện Đại Vạn-Hạnh

Vì những thành tích và kết quả trên, tuy chỉ là mới bước đầu, song với những chuyển công du sắp tới đây của thượng

tọa Thích-Minh-Châu, viện trưởng viện Đại học Vạn-Hạnh, của thượng tọa Thích-Nhất-Hạnh, sự liên lạc sẽ được thắt chặt thêm với Hoa-Kì, Nhật-Bản, và sự tiếp xúc với các nước khác, như Pháp, Anh, Đức, Phi-Luật-Tân sẽ đưa viện Đại học Vạn-Hạnh đến một giá trị quốc tế.

Diễn giả hi vọng rằng viện Đại học Vạn-Hạnh sẽ có nhiều dịp trao đổi và cộng tác với các viện Đại học ở trong nước hầu đóng góp vào nền Văn hóa Giáo dục của quốc gia ở cấp bậc Đại học. Và nếu không có gì trở ngại, diễn giả xin đề nghị giữa viện Đại học Thiên Chúa giáo Đà-Lạt và viện Đại học Phật giáo Vạn-Hạnh, sẽ trao đổi giáo sư và sinh viên, hầu tình đoàn kết giữa hai tôn giáo — ít nhất là trên phương diện Văn hóa và Giáo dục — được tốt đẹp hơn.

Ông lại hi vọng cuộc công du vừa qua của ông cũng như những cuộc công du sắp tới của các thượng tọa sau này, sẽ là nền móng để cải tiến chương trình giáo dục và nâng cao giá trị của Viện Đại Học Vạn Hạnh, trên phương diện quốc tế cũng như quốc nội.

Và viên đá đầu tiên của Viện Đại Học Vạn-Hạnh sẽ được đặt trong tuần sau đây, sẽ là viên đá của một viện Đại học có giá trị quốc tế và quốc nội trong mục đích đào tạo con người cho thế hệ mai sau. Viên đá ấy được xem như là kết tinh của hằng bao nhiêu người có thiện tâm thiện chí đối với tiền đồ của Dân Tộc và của Đạo giáo.

..

Tràng pháo tay hoan nghinh diễn giả vừa dứt, thì thượng tọa viện trưởng Thích-Minh-Châu có lời góp ý với người sứ giả quốc tế đầu tiên của trường Đại học Vạn-Hạnh.

Người ta giàu, nên hưởng bao điều tiện, lợi.

Chúng ta nghèo, nhưng nghèo trong sạch, thì cái nghèo của ta cũng có cái giá trị của nó.

Nước ta nghèo và khổ, Phật giáo Việt Nam đã khổ và vẫn nghèo, viện Đại học Vạn-Hạnh hiện thiếu thốn mọi bề, nhưng cũng chưa nghèo như trường Santiniketan của thi hào Tagore, khởi đầu chỉ là một túp lều tranh, sau có tiếng vang cùng thế giới và có một giá trị quốc-tế. Vậy, ta không nên có tự ti mặc cảm, vì khởi đầu, ta nghèo tiền. Chỉ ngại nếu ta nghèo tâm, nghèo chí. Giáo sư ta giàu lòng tận tâm giảng dạy, sinh viên ta giàu đức cố gắng học hỏi, tìm tòi, thì tương lai của Đại học Vạn-Hạnh sẽ vững bền. Ông nhớ lại, lúc du học ở Ấn-Độ, có một nhà sư trẻ Tây-Tạng, lánh nạn Cộng sản Trung-Hoa, được một người đàn bà Pháp hằng tâm hằng sản đỡ đầu. Nhà sư này xin bà giúp cho qua Pháp để học hỏi thêm. Bà này đồng ý, nhưng khuyên nhà sư thư thả, đợi bốn, năm năm sau hãy đi. Trong thời gian này, hãy nghiên cứu văn hóa của dân tộc Tây-Tạng cho đến nơi đến chốn. Vì bà nhận thấy rằng sau thế chiến thứ hai, thường những người trẻ tuổi, thiếu kinh nghiệm, qua các nước văn minh, không biết hấp thụ oái hay của nền văn minh ấy mà chỉ hấp

thụ cái cặn bã. Vì vậy cần phải có ít nhiều căn bản về nền văn hóa xứ sở trước khi xuất dương để khỏi bị những ảnh hưởng tai hại và thâu thập được những gì hay đẹp của văn minh nước ngoài.

Vậy sinh viên ta cần biết và thẩm

nhuần cái cao cái đẹp của dân tộc, để khi sang học ở những nước giàu, nêu cao phẩm giá người Việt, chứ chẳng làm người ta hiểu lầm dân tộc mình. Và ông mong giáo sư và sinh viên Vạn Hạnh sẽ phát huy cái sắc thái độ đặc biệt của dân tộc.

NGUYỄN-NGU-Í

Buổi tiếp tân của trường Thanh-Niên Phụng-Sự Xã-Hội

Trường Thanh niên phụng sự xã hội, một trường chuyên nghiệp thuộc viện Đại học Vạn Hạnh đã tổ chức một buổi tiếp tân tại giảng-đường của Viện vào 9 giờ sáng ngày 6/6/65.

Mở đầu T.T. Thích Minh-Châu viện trưởng Viện Đại Học Vạn Hạnh, giới thiệu sự thành lập của trường (để thực hiện lý tưởng từ bi của đạo Phật— và thành phần Ban giám đốc) (gồm có sư bà Diệu Không : Giám đốc quản trị, và T.T Thích Nhất Hạnh : Giám đốc chuyên môn).

Sau đó hai vị giám đốc lần lượt trình bày mục đích, chương trình huấn luyện và tổ chức của trường kết hợp với phong trào thanh niên phụng sự xã hội.

Trường, khai giảng vào ngày 1/8/65, mục đích «đào luyện những thanh niên nam nữ có chí hướng, kiến thức và khả năng chuyên môn để đi vào xã hội nông thôn V.N. thực hiện một cuộc cách mệnh xã hội bằng tình thương và bằng sự cộng tác với người dân quê trên căn bản đồng sự và thông cảm.»

Chương trình học tập hướng về nông thôn là nơi đa số trong dân tộc V.N. đương chịu nhiều đau thương và thiệt thòi nhất (ngu dốt, bệnh tật, nghèo đói, nghi ngờ và thiên tai).

Người thanh niên phụng sự xã hội, sau 2 năm được trau dồi kiến thức về mọi mặt : sự phạm, y-tế, kinh-tế, chính trị, xã hội v.v..., được rèn luyện về mặt tinh-thần : Tình-thương (Bi), ý thức trách nhiệm (Trí) và ý thức tự nguyện (Dũng), sẽ đi hẳn vào quần chúng nông thôn «ở lại với quần chúng, thay quần chúng để học tập các vấn đề của họ, phụng-sự quần chúng, bàn bạc kế hoạch cải tiến và phát-triển đời sống với quần chúng. Hơn thế nữa, người thanh niên phụng sự xã hội sẽ biết bắt đầu cuộc cách-mạng bằng những gì mà quần chúng biết và xây dựng những gì mà quần chúng có.»

Cuộc cách mạng xã hội trên đây nhằm xây dựng no ấm và dân chủ từ dưới lên trên để chống lại nghèo khổ, bệnh tật, ngu dốt, thụ động. Muốn vậy tất nhiên phải cải tiến nông thôn về 4 mặt kinh

tế, y-tế, giáo dục và tự trị, để xây dựng những «làng tự nguyện» trong đó có các «gia đình gương mẫu.»

Về tổ chức, Trường và Phong trào thanh niên phụng sự xã hội, nằm trong viện Đại Học Vạn Hạnh, trên hết có một Hội đồng chỉ-dạo Trường và Phong trào. Dưới Hội-đồng chỉ đạo là Hội đồng các nhà chuyên môn chia làm 3 phòng : nghiên cứu, giáo huấn và phổ triển, có các cấp phụ tá chuyên môn giúp đỡ và sau hết người thanh niên P.S.X.H hoạt động tại nông thôn có các

phụ tá kinh tế, giáo dục, y tế tại địa phương giúp đỡ.

Để tránh khỏi ngộ nhận, để gây được niềm tin, Trường và Phong trào T.N.P.S. X.H. phải vượt ra ngoài sự chi phối của chính trị; Do đó Trường và Phong trào sẽ không nhận trợ cấp của chính phủ, mà chỉ nhận của tư nhân và của các tổ chức quốc tế. Phong trào tá; thiết nông thôn tại Phi Luật Tân cũng nhờ đường lối trên đây mà đương thành công và phát triển mạnh mẽ.

Kỉ niệm 15 năm sáng lập đoàn Thanh-Minh — Thanh-Nga



Bà bầu Nguyễn Thị Thơ
và cô đào Thanh Nga

*Những là rày ước mai ao,
Mười lăm năm ấy biết bao nhiêu tình...*

Mà cái tình ta hiểu trong trường hợp này, phải là tình yêu Nghệ thuật. Nó đã thiết tha, nó lại còn thiết thực, để người chồng nghệ sĩ ấy — nghệ sĩ Lư-Hòa-Nghĩa — vừa già từ vĩnh viễn ánh đèn sân khấu, thì người vợ gan góc nọ vội gạt nước mắt khóc bạn đời để cùng cô gái lớn tài hoa kia tiếp tục sự nghiệp và chí hướng của người trưởng đoàn xấu số. Và người đàn bà góa đó, và người thanh nữ mồ côi cha này, đã tiếp tục... một cách vẻ vang, hơn sự ước mong của người sáng lập.

Đề đến ngày 29-5-1965, tại tửu lầu Thủ Đô, ở thủ đô nước Việt, người nghệ sĩ tiền phong của ngành ca kịch xứ này, Nguyễn Thành Châu, đã chân thành khen ngợi, qua giọng đọc của thi sĩ Kiên Giang :

«... Nhưng có một sự thật mà tôi

không nói láo được, là : Thanh Minh — Thanh Nga đã sống mười lăm năm trong khói lửa.

« Một kỉ lục !

« Người lèo lái nó phải là một bức gan lì và đầy đủ bản lĩnh.

« Tôi khâm phục và xin giở nón ».

Vì anh đã lăn lóc trong nghề từ khi đầu mướt xanh cho đến tóc bạc đầu, những cái vinh, nhục của người diễn viên cũng như của người bầu gánh, anh đều nếm đủ. Nên anh biết hơn ai những nỗi khó khăn của người giám đốc một đại ban, nhất là trong thời loạn. Vì thế mà cái cử chỉ « giở nón » của anh nó càng tăng giá trị cho người lèo lái đoàn hát lớn nhất miền Nam hiện nay.

Người quả phụ này quả là đáng cho ta khâm phục.

Bà đã khéo léo điều khiển đoàn, qua bao hồi tăm tối trong sáu năm qua. Hơn thế nữa, bà đã có can đảm tìm hướng mới cho đoàn, cái hướng tiến bộ nhưng mà rất chông gai, đó là việc *dám diễn những tuồng xã hội*.

Mười năm về trước, trong khi các tuồng kiếm hiệp, « La-Mã », các tuồng loại hương xa màu sắc đang thịnh hành, thì ban giám đốc Thanh Minh — Thanh Nga tung ra loại tuồng dã sử, hoặc Việt, hoặc Tàu; rồi sau khi loại tuồng dã sử này được các gánh khác hưởng ứng, thì Thanh-Minh — Thanh-Nga lại mở một hướng mới, là trình diễn một số tuồng xã hội. Quả là một sự can đảm gần đi đến sự liều lĩnh. Vì tuồng xã hội khó diễn, vì tuồng xã hội không mấy ăn khách. Người kinh doanh có gan thì một

là sạt nghiệp, một là làm giàu. Bà giám đốc ban cả kịch lớn nhất này của miền Nam có gan không theo những lối mòn dễ dãi (tuồng Tàu, tuồng « hương xa » dễ diễn, dễ ăn khách hơn), thì cùng với bằng hiệu của đoàn, cô đào chánh Thanh Nga « tài sắc lưỡng toàn » đã nổi bật trong giới diễn viên trẻ tuổi của sân khấu cải lương. Hễ nói đến những cô đào trẻ đóng tuồng xã hội, có tài, là người ta nghĩ đến Thanh Nga, người được Huy chương vàng đầu tiên giải Thanh-Tâm (1958), cũng như nhắc đến gánh hát lớn nào có tinh thần cầu tiến, là người ta nhớ ngay đến bằng hiệu Thanh Minh — Thanh Nga.

Nhưng năm rồi — năm « trắng rầm » của đoàn hát lớn nhất này — đoàn đã trải qua những cơn sóng gió bất thường, giống như cơ thể và tâm tính của những cô gái đến tuổi dậy thì. Vì thời cuộc : « cách mạng », rồi chỉnh lí, rồi đảo chính, rồi biểu dương lực lượng..., giờ giới đã làm tê liệt bao ngành sinh hoạt về đêm, mà ngành sân khấu chịu thiệt thòi hơn ai hết. Nghệ thuật, đành để một bên, mà chỉ còn làm sao cầm hơi cho cả đoàn qua cơn bí cực.

Rồi sóng gió có mồi lặng yên, cuộc sống xã hội trở lại bình thường, đoàn lại chạy theo thị hiếu một thời của khán giả để mong hái được những kết quả dồi dào về tài chánh, sau một thời đen tối : phóng tác những phim Tàu lịch sử ăn khách vừa chiếu ở màn bạc đô thành như : *Hoa-Mộc-Lan*, *Dương-Quý-Phi*, *Võ-Tắc-Thiên*, tiếp theo là những vở phóng tác theo dã sử tình sử Trung-Quốc, như : *Hằng-Nga* — *Hậu-Nghệ*,

Bích-Châu kì nữ. Đến mười mấy vở tuồng Tàu được diễn nối đuôi nhau, nhưng chỉ có *Hoa-Mộc-Lan* là thành công về mặt tài chánh, nhưng về mặt nghệ thuật, thì lại thất bại, vì loại tuồng Tàu là sở đoản của đoàn. Khách mộ điệu đã bắt đầu thất vọng, thì may thay, vở xã hội *Đôi mắt người xưa* của Nguyễn-Phương soạn theo tiểu thuyết của Ngọc-Linh, thành công rực rỡ (diễn đến 35 đêm), đã chuộc lại cảm tình của số khán giả trung thành. Nhưng rồi phong trào tuồng « chường » lại lôi cuốn đoàn. *Đỡ-Long đao, Í-Thiên kiếm* được đưa ra... thí nghiệm một cách tai hại ! Đoàn giựt mình, trở lại môn sở trường của mình : tái diễn những tuồng xã hội cũ : *Vàng 6 Bạc 10, Hậu Vàng 6 Bạc 10*, của Hoàng-Khâm, và diễn những tuồng xã hội mới : *Những kẻ dối lòng* của Tuấn-Khanh, *Yêu trong hoàng hôn* của Nguyễn-Phương (phóng tác tiểu thuyết của Ngọc-Linh), và định sẽ khai thác những đề tài dân tộc : xã hội, dã sử, đường rừng của... nước Việt.

Cho nên ai nấy cũng mong, bước qua cái tuổi 16 — tuổi trưởng thành — đoàn Thanh-Minh — Thanh-Nga sẽ là đoàn tiên phong trong việc trở về với bản sắc dân tộc.

Tuồng cũng nên nêu ra vài con số cho bạn đọc biết qua. Trong tuổi trắng rầm của mình, đoàn Thanh-Minh — Thanh-Nga đã trình diễn tất cả là 20 vở mới : 10 vở phóng tác tình sử Trung Hoa, 2 vở phóng tác tiểu thuyết võ hiệp kì tình Trung Quố, 8 vở xã hội. Có ba tuồng ăn khách nhất : *Hoa-Mộc-Lan, Đôi mắt người xưa*, và

Vàng 6 bạc 10. Thời « vàng son », đoàn thầu mỗi lần trình diễn, tối thiểu là năm chục ngàn, tối đa là chín chục ngàn. Nhiều đào kép hiện nổi danh đã từng một thời cộng tác chặt chẽ với « Thanh-Minh » (khi nghệ sĩ Năm Nghĩa làm làm bầu), với Thanh-Minh — Thanh-Nga (lúc thuộc quyền điều khiển của bà Nguyễn-Thị-Thơ) và đứng ra lập gánh, như : Út Trà-Ôn, Kim-Chường, Thành-Được, Út Bạch-Lan..., nên trong giới cải lương gọi bà bầu « Thanh-Minh — Thanh-Nga » là « bầu của các bầu ».

Đoàn cải lương lớn nhất miền Nam này, quả là có lắm điều đáng nói, mà trong đó, điều đáng nói hơn hết, là mối cảm tình đặc biệt mà giới văn nghệ sĩ đã dành cho Thanh Minh — Thanh Nga. Trong non hai trăm người khách: ân nhân, thân hữu, đến dự lễ mừng đoàn được 15 tuổi, số anh chị em trong gia đình văn nghệ khá đông. Người ta thấy nữ sĩ Mộng Tuyết, các nhà thơ Kiên Giang, Hà Liên Tử, các nhà văn Bình Nguyên Lộc, Thanh Nam, Ngọc Linh, các họa sĩ Hiếu Đệ, Bạch Đằng, các kí giả Hồng Sơn, Sĩ Trung và cả nhà khảo cổ đầu bạc như ông Vương Hồng Sên.

Cho nên sau ba tiếng đồng hồ thân mật nghe lời cảm tạ và mong mỏi của cô Thanh Nga, đại diện cho đoàn, vui vẻ nâng li vào tiệc, nghe và xem các « ngôi sao » nhỏ và lớn của đoàn hát ca, múa, diễn, nhận tập giai phẩm, công trình sáng tác và biên khảo của một số nhà văn tên tuổi và kí giả kịch trường, bắt thăm nhận quà kỉ niệm..., nhiều người vỗ tay tán thưởng « ông già chịu chơi » họ Vương, lúc anh được mời lên

sân khấu tạm, nói ít lời trước khi chia tay. Người tình nhân đầu bạc của tiếng đàn giọng hát và đồ cò này đã mở đầu:

— Hay quá ! Vui quá ! Sướng quá !

Rồi anh ngâm với giọng đặc biệt miền Nam :

*Những là rày ước mai ao,
Mười lăm năm ấy biết bao nhiêu Tình !*

NGUYỄN-NGU-Í -thuật

15 NGÀY TIN TỨC

• Chiến tranh mở rộng ra miền Bắc.

Phi cơ V.N. và H.K. vẫn tiếp tục tuần thám và oanh kích hằng ngày tại miền Bắc và những mục tiêu bị tấn công vẫn là các hệ thống giao thông, cầu, đoàn quân xa, xe lửa, tàu thủy, kho đạn, đài radar v.v... Khu vực bị oanh tạc nhiều lần nhất trong hai tuần qua là những căn cứ quân sự, hệ thống hỏa xa, kho tiếp tế, hải cảng Bến-Thủy ở Vinh (các ngày 1, 2, 3, 5, 7, 9 - 6). Ngoài ra phi trường Đồng Hới bị oanh tạc ngày 7 - 6 và kho đạn Hoài Ân (cách Hà-Nội 70 km) bị dội bom liên tiếp 3 ngày 30, 31 - 5 và 1 - 6.

• Chiến sự miền Nam.

Trong 15 ngày qua, 2 trận tấn công lớn nhất của địch, một ở miền Trung (Đồng Xoài, Phước Long) :

— *Trận Ba-Gia*, đêm 29 rạng ngày 30 - 5, V.C. vận dụng hàng chục tiểu đoàn chánh quy và địa phương quân với chiến thuật biển người, định cắt đứt Quốc lộ số 1, chiếm giữ các vùng giáp ranh các tỉnh, đề cô lập Vùng 1 chiến thuật. Kết quả V.C. chết 500, bị bắt 37. Bên ta chết 80, bị thương 100.

— *Trận Đồng-Xoài*, 2 giờ sáng ngày 10 - 6, một trung đoàn chính quy phối hợp cùng 3 tiểu đoàn du kích địa phương V.C. tấn công vào quận lỵ Đồng-Xoài, quận Đôn-Luận và trại Lực lượng Đặc biệt. 24 giờ sau, lực lượng ta mới phản công chiếm lại và cuộc tái chiến hoàn tất sáng ngày 11-6 sau những trận giao cự cực kỳ ác liệt : 300 V.C. chết tại trận, 400 V.C. chết dưới bom đạn của Không-quân. Bên ta : 108 chiến sĩ hy sinh, 46 bị thương, 124 mất tích. Ta thu được một số lớn vũ khí. Trong trận này 150 thường gồm phần lớn là đàn bà trẻ con đã thiệt mạng.

— *Các cuộc hành quân quan trọng :*

2 - 6 : Hành quân Dân chí 138 (Bạc-Liêu), kết quả : 73 V.C. chết, 8 bị bắt.

3 - 6 : Hành quân Tiền-Giang 22 (Thạch-Phú, Cai-Lậy, Định-Tường) tiêu diệt bộ chỉ huy Trung đoàn Đồng Tháp (tên Tham mưu trưởng Tân Long Phương tử trận) : 83 V.C. bỏ xác tại trận, 31 bị bắt, cùng thu được một số vũ khí.

3 - 6 : Hành quân bao vây địch tại quận Minh Đức (Vĩnh Long) và Vũng-Liêm (Vĩnh-Bình), giao phong ác liệt tại ấp Quang Diệu : Đại-đội địa phương V.C. huyện Minh-Đức bị tan rã để lại 41 xác chết tại trận, khoảng 100 chết và bị thương mang đi, 13 bị bắt, nhiều vũ khí quan trọng bị tịch thu, Ta : 4 hy sinh, 6 bị thương.

8 - 6 : Hành quân Đức-Chí (Phong-Dinh) kết quả : 151 V.C. chết, 34 bị bắt. Ta : 61 hy sinh, 90 bị thương, 17 mất tích.

● Khủng hoảng chính trị.

Do « ý kiến dị biệt » giữa Quốc-trưởng và Thủ-tướng về quyền bãi nhiệm 2 Tổng-trưởng Nội-vụ và kinh tế không chịu từ chức, nên 25 - 5 Quốc-trưởng từ khước bỏ nhiệm 2 tân Tổng trưởng. Ngày 3 - 6 các tướng lãnh đòi phải ổn định tình thế trong cuộc họp với Chính phủ và Q.T. Ngày 4 - 6 trong một phiên họp với Thủ-tướng và H.Đ.Q.G.L.P. Quốc-trưởng đã chấp thuận cho Thủ-tướng một lần quyền bãi nhiệm 2 Tổng trưởng nhưng ngày 8 - 6 Q.T. lại đòi ý giữ lập trường cũ do một văn thư gửi cho H.Đ.Q.G.L.P.

Trong khi đó các lực lượng chống Chánh phủ liên tiếp cử phái đoàn tới gặp Q.T. và H.Đ.Q.G.L.P. đề trao kiến nghị bất tín nhiệm Chánh phủ, đòi truất phế Thủ tướng : Mở đầu ngày 27 - 5 là Lực-Lượng Công-Giáo Đại Đoàn-kết do L.M. Hoàng-Quỳnh hướng dẫn. Tiếp đến các ngày 31 - 5 : Phái đoàn của sinh viên học sinh Công-giáo, 1 - 6 : Mặt trận Công-giáo-dân do L.M. Hồ văn Vui hướng dẫn, 2 - 6 : Khối Quốc gia chống Cộng do T.T. Nguyễn thành Phương hướng dẫn, Phái đoàn đại-diện tôn giáo (Công-giáo, Hòa-hảo, Cao-đài), 7 - 6 : Hàng trăm bô lão Công giáo tới phủ Q.T. ở lại đến tận đêm, 8 - 6 : Một trăm thanh niên, thiếu nữ công giáo cũng đòi ở lại đến chiều, 10-6 : 22 phụ nữ xã hội Công-giáo tới gặp Q.T.

Ngoài ra còn những cuộc mít-tinh tại chỗ chống đối Chánh phủ tại các khu định cư của giáo-dân từ ngày 2 - 6 trở đi. Những vụ bạo động đánh chém 2 nhân viên công lực, đốt công xa đêm 5 - 6 (khu Bùi Phát T.M. Giảng) bắt giữ, đánh trọng thương 2 thiếu úy phi công và đốt xe đêm 8 - 6 (khu Tân Mai — Biên Hòa)

Chiều 9 - 6, trong cuộc họp báo T. T. Phan huy Quát đã giải đáp những lời tố cáo của các lực lượng chống đối trong ngót 2 tuần qua và tuyên bố : « Chính phủ đã yêu cầu « các tướng lãnh đảm nhiệm vai trò trung gian » để ổn định tình hình. — »

Ngày 11 - 6 - 65 các tướng lãnh họp với Q.T. và H.Đ.Q.G.L.P. cùng chính phủ đến tận quá nửa đêm và sau đó Q.T. và H.Đ.Q.G.L.P. cùng Chính phủ đã tuyên cáo từ chức, trao trả lại cho quân đội V.N.C.H trách nhiệm và quyền hành lãnh đạo quốc gia. Quân đội yêu cầu Ô. Phan Khắc Sửu xử lý quyền Quốc trưởng và Ô. Phan Huy Quát xử lý quyền Thủ tướng cho đến khi thành lập được các cơ chế mới. H.Đ.Q.G.L.P. giải tán.

Chúng ta nhớ lại quân đội chính thức trao quyền cho Q.T. Phan Khắc Sửu từ ngày 26-10-64 và như vậy là chính quyền dân sự tồn tại được 7 tháng và trên 2 tuần khủng hoảng chính trị, đã cáo chung ngày 11-6 65 vừa qua.

• **Các tin tức khác.**

30 - 5 : Bầu cử Hội đồng Đô thành và các tỉnh.

2 - 6 : Ô. Nguyễn văn Chấn, Trung úy, Đảng vụ trưởng V.N.Q.Đ.D. từ trần.

6 - 6 : Đại sứ M. Taylor về Hoa kỳ.

7 - 6 : Tiểu đoàn I của Úc thuộc Trung đoàn Hoàng gia Úc tới giúp V.N.

8 - 6 : H.Đ. Q.G L.P. đã chấp thuận một đạo luật công nhận chính thức Phật-Giáo Hòa-Hảo và Đại Đạo Tam kỳ Phổ độ,

• **Phi thuyền Gemini IV** của Hoa.kỳ được phóng lên không trung 11 g 16 ngày 3 - 6 - 65, hơn 6 phút sau vào quỹ đạo mang theo 2 phi hành gia : Edward White và Jim Mc. Divitt. Trong vòng thứ 3 ở quỹ đạo, White đã ra khỏi phi thuyền và bay trong không gian 20 phút. Phi thuyền đã bay 62 vòng quanh trái đất trong 4 ngày và hạ xuống một địa điểm tại Đại Tây Dương hồi 17g 13 phút (giờ quốc tế).

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME - ORIENT

(S. D. A. E. D.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 - 23742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE — GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON ETC...

Matériel pour soudures oxy-acétylémique et électrique
Installations de garothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE
LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS.

BÁCH KHOA ĐÃ NHẬN ĐƯỢC :

Lời thú tội (Yên Hà Phương), Áo tưởng (Tâm Việt Chung), Khói lam chiều (DP Thanh Huyền Nga), Khi hỏi (Thụy Chân), Thực trạng (Lê Sơ Khai), Hồn ta (Thiên Giác), Về một mùa hè (Mặc Duy Thanh), Bốn mùa ngày xưa (Hoàng Liên Sơn), Căn thiết... (Ngọc Trại), Về Đông phương xưa... (Vũ Thúy Thụy Ca), Kể quê trời.. (Huyền Phong), Một ý kiến về việc học hành hiện tại (Bùi Bình Chúc), Nhìn lại... (Trần Hồng Nhan), Huyền Mộng... (Tài Chung), Con đường (Nguyễn minh Dương), Khóc.. (Nguyễn Bá Diệu), Những bài tình buồn (Nguyễn thị Tú Hồng), Trong công viên I (Mỹ Lan Công Chúa), Tiếng than của nước (Băng Sơn), Niềm đau về chiều (Đỗ Bình Minh), Thơ họa (L. D. Toàn), Vùng tuổi đại (Huyền Phong), Cõi Mộng (Tư Uyên Vũ), Nét gầy của tuổi (Trần Thị Gioan), Trái tim nghệ sĩ... (Phiêu Linh Tử), Những kiếp tài hoa... (Lê Thanh Xuân)

● Xin trân trọng cảm ơn quý bạn. Các bài trên đây, ngoại trừ thơ, nếu quá 4 kỳ không thấy đăng, thì các bạn coi như không hợp với Bách Khoa.

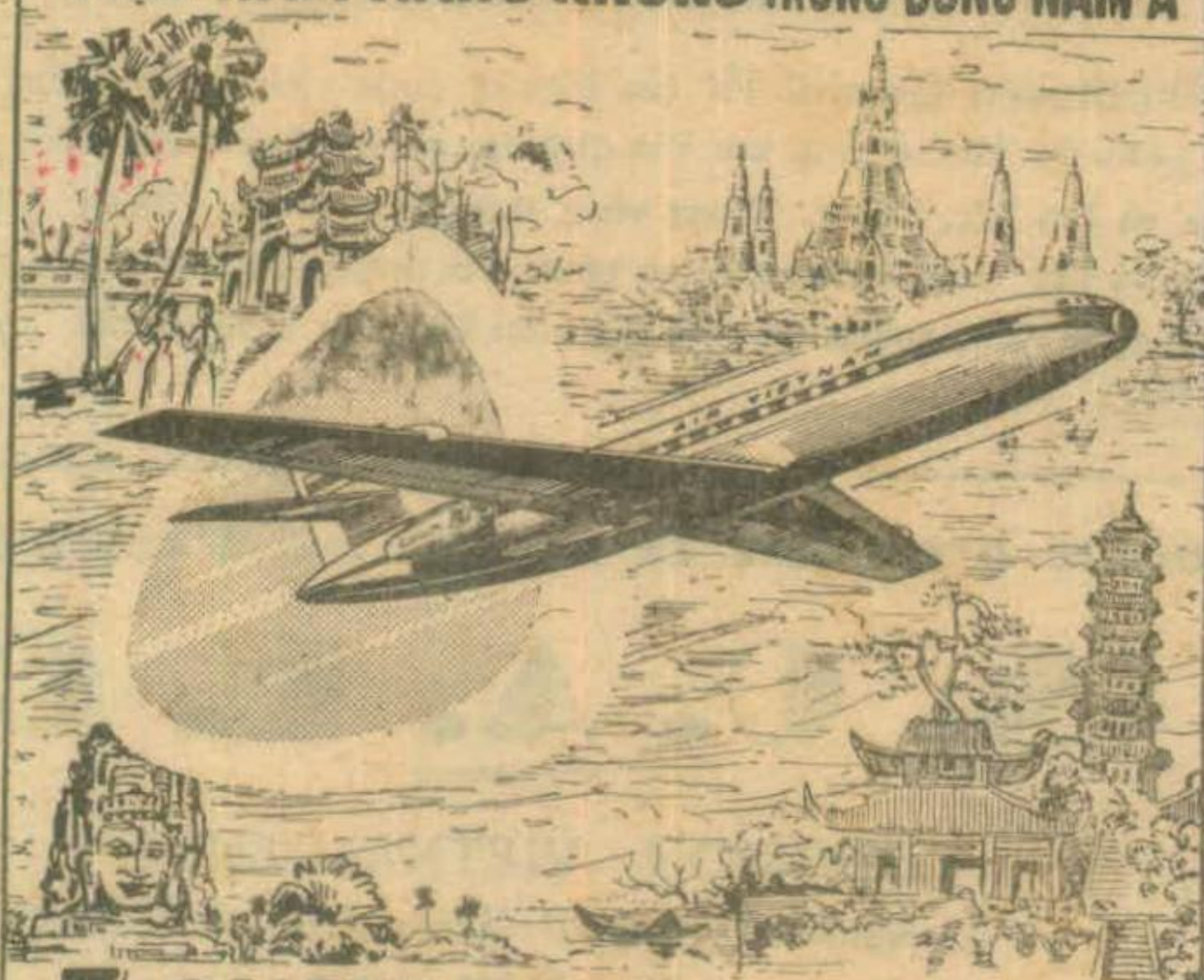
V
I
E
T

N
A
M

H
À
N
G

K
H
Ô
N
G

VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG TRONG ĐÔNG-NAM-Á



3 SAIGON-PHNOMPENH-BANGKOK

(Mỗi Thứ Ba, Thứ Năm và Thứ Sáu)

3 SAIGON-HONGKONG

(Mỗi Thứ Hai, Thứ Ba và Thứ Bảy)

2 SAIGON-KUALA LUMPUR-SINGAPORE

(Mỗi Thứ Tư và Chủ Nhật)

bằng **DC-6B** và *Caravelle*
PHI-CƠ PHÂN-LỰC TRĂNG-LỆ NHỨT THẾ-GIỚI

Xin hỏi chi-tiết và lấy vé nơi các hãng du lịch hay:

VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG

VIỆT-NAM AIR SAIGON DT 21.624 & 625 31 C16